

PHỎ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN HỌC
PHỔ BIẾN VĂN HOÀ ĐÔNG DÀI KÌ

Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn : 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



NĂM THỨ 3 — BỘ MỚI SỐ 36 — 1-7-1960

- 1.— Sinh-viên Việt-Nam ở Hải-ngoại . . . Nguyễn-Vỹ 6—9
- 2.— Thơ Nhật-bốn sau đệ nhị thế chiến . . . Tân-Phong 10—15
- 3.— Phạm-hồng-Thái Võ-Bá-Hải 16—21
- 4.— Văn-sĩ và chánh khách Lâm-hữu-Ngân 22—23
- 5.— Con số 13 (truyện ngắn) Phương-Anh 24—30
- 6.— Phát minh cuối cùng của khoa-học . . . Quốc-Bảo 31—36
- 7.— Một lần qua (thơ) Nguyễn-dinh-Giang 37
- 8.— Vua hát xiếc Minh-Tâm 38—42
- 9.— Văn-sĩ thi-sĩ tiền chiến Nguyễn-Vỹ 43—48
- 10.— Giải oan (truyện dã sử) Nguyễn-Hương 49—56
- 11.— Đò vắng (thơ) Đoàn-minh-Hải 57
- 12.— Một vài nhận xét về cuộc triển lãm
Hội Họa ở công trường Diên Hồng . . . Huỳnh-Hải 58—61

- 13.— Những người đàn bà lòng danh : Poppée Tân-Phong 62—69
- 14.— Văn-chương Quốc-tế : Docteur Jivago . . . Tân-Phong 70—73
- 15.— Lấy vợ (truyện trinh thám) Nùng-tường-Đạm 74—78
- 16.— Văn-minh Tam giáo Cao-Quang 79—84
- 17.— Cô gái điên (truyện dài) Vi-Huyền-Đắc 85—89
- 18.— Yêu (thơ) Tiến-Xuân 90
- 19.— Pháp-Việt văn-hóa Viện Nguyễn-Vỹ 91
- 20.— Những cuộc tình duyên say sưa : Musset . Tân-Phong 92—98
- 21.— Minh ơi ! Trái đất có thể bị tan rã không ? Diệu-Huyền 99—107
- 22.— Chuyện Cà-kê Ba Tèo 108—110
- 23.— Thơ lên ruột Diệu-Huyền 111—113
- 24.— Sách báo mới P.T. 114—115
- 25.— Kiên-trinh Cô Văn-Nga 116—118
- 26.— Thư bạn đọc P.T. 119—120
- 27.— Đáp bạn bốn phương . . . Bạch-Yến và Diệu-Huyền 121—130

- Sắp xếp bài, trình-bày bìa và nội dung, cho màu . . . Cô Diệu-Huyền
- ★ Bìa kèm Nguyễn-Văn-Dầu
- ★ Bìa Offset Vĩnh-Huê

● Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích
đăng những bài trong tạp-chí PHỎ-THÔNG, nhưng
yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỎ-THÔNG,
và đừng viết tắt.

- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-
quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de
reproduction même partielle, réservés pour tous
pays.
- Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam

X Æ L U Æ N



Sinh-Viên Việt-Nam

ở HẢI-NGOẠI

TRÊN lịch-trình tiến triển của các dân tộc, tất cả mọi phương-diện chính-trị, kinh-tế, xã-hội, đều phụ thuộc vào VĂN HÓA. Bất cứ chế-độ nào cũng phải cần đến những người có học, những nhà trí-thức có căn-bản học vấn vững bền và sâu rộng, để xây dựng các cơ-sở, chỉ huy mọi công-tác, phát triển mọi hoạt-động đảm bảo cho sự tăng cao mức sống của nhân-dân và quốc gia.

GAY đến các nước mệnh-danh là «vô-sân», đâu có phải là những kẻ ít học lên nắm được chính-quyền. Tuy đeo chiêu bài giả-dối là lao-động, để mị-dân, nhưng các cấp lãnh-tụ cũng toàn là những người trong giới intelligentsia (1), chứ đâu phải trong các giai-

(1) Danh-từ Nga-Xô để chỉ giới trí-thức lãnh-đạo.

cấp «bần-cổ-nông». Tuy ngày nay người ta thường công nhận rằng kinh-tế chi-phối hết cả mọi hoạt-động trong nước, nhưng không có Văn-hóa thì thương-mãi và kỹ-nghệ dựa trên căn-bản nào mà phát triển, tiến-bộ? Nhất-định phải có các nhà Bác-học, Khoa-học, Toán-học, Kinh-tế học, Kỹ-sư, mới làm nòng-cốt cho tất cả các kế-hoạch xây-dựng chế-độ, và xúc tiến các cuộc mở-mang kinh-tế.

NHƯ thế, chính VĂN - HÓA là động-cơ tạo ra uy-thế hùng-cường của mỗi dân-tộc, và các nhà trí-thức, là những kẻ nắm giữ Văn-hóa, đóng một vai trò quan-trọng nhất, — bởi nó là vai chánh — trong sự kiến-tạo các quốc-gia tân-tiến hiện nay. Mặc dầu một học-thuyết nào đó chủ-trương thần-thánh-hóa Lao-động, và đặc ra những danh từ mâu-thuần như «Lao-động chân tay» và «lao-động trí óc», chính những kẻ cầm đầu chế-độ ấy vẫn không thể chối cãi rằng trong lúc các bạn lao-động chân tay đem hết sức lực thể-chất ra làm việc trong các xưởng máy, các đồng ruộng, các công-trường, thì các bộ óc cần phải được yên tĩnh trong các văn-phòng, các phòng thí-nghiệm, các hội-nghi nghiên-cứu, và xử-dụng tất cả sức thông-minh của con người, các khả-năng văn-hóa, các kinh-nghiệm của học-hỏi, để điều-khiển mọi hoạt-động của chân tay.

Vậy, các quốc-gia trên thế-giới hiện nay đua nhau mở-mang VĂN - HÓA, đào tạo các lớp thanh-niên trí-thức cao-đẳng, để cho các bạn trẻ này có đầy đủ phương-tiện đeo đuổi song-song hai nhiệm-vụ: khai-thác những kinh-nghiệm học hỏi do các nhà Trí-thức bác học

tiền - bồi đắp lại, và tìm - tòi, phát - minh những khả-năng mới về khoa-học, kinh tế, nghệ-thuật, và tư-tưởng.

Một quốc gia nào, sống giữa thời buổi tiến bộ này, mà không hãnh diện có được nhiều nhà Bác học và Nghệ sĩ, thì chắc chắn là sút kém các quốc gia xử dụng được nhiều trí-óc thông minh hơn.

Bằng cớ là chúng ta đang chứng kiến cuộc thi đua ráo riết giữa các cường quốc văn-minh bậc nhất trên thế giới, trong việc đào tạo nhân tài trí óc, và phát minh khoa-học. Cho đến các nước nhược tiểu, và kém mở mang (2) cũng nỗ lực đưa hàng vạn thanh-niên trí thức nước nhà đi học-hỏi ở các cường quốc ngoại-bang tiến bộ hơn.

Tất cả các nước ở Đông Á, vừa mới thu-hồi độc lập chính-trị, đều vội vàng gởi liên tiếp mỗi tháng hàng trăm thanh-niên Trung học và Đại-học sang Anh, Đức, Ý, Úc, Gia-nã-Đại, để học hỏi về tất cả các ngành hoạt - động quan - trọng và tối-tân của một quốc gia tân tiến. Nhật bản, Tàu, và Ấn-độ là ba nước tương đối khá mở-mang về khoa-học, kỹ-nghệ và thương-mãi hơn các nước khác ở Đông-Á, cũng còn phải cho hàng ngàn các kỹ-sư, giáo-sư, bác-học của họ sang tập sự một thời-gian tại các cường quốc kia.

TRONG cuộc thi đua tranh-thủ thời gian ấy, nước Việt-Nam Cộng Hòa của chúng ta, — nếu tôi không lầm, — đã đi chậm hơn các nước láng-giềng. Chậm hơn cả Phi-luật-Tân, Nam-Dương, và Thái-Lan.

● (2) *Danh-từ ngoại ngữ được thông dụng hiện nay là pays sous-développés.*

Hiện nay, có một số thanh-niên trí-thức Việt-Nam đang theo dõi học tập trong các trường Đại-học Âu-Mỹ, nhưng một số rất ít, so với thanh-niên các quốc gia khác ở Á-Đông. Không kể những bạn đã du-học hải-ngoại từ lâu, — trước chiến-tranh, và đã thành-công rực-rỡ, như các giáo-sư BỬU-HỘI, NGUYỄN ĐẠT XƯƠNG, Kha-văn-Thăng, Nguyễn-trình-Dzoanh, v. v., còn số thanh-niên du-học trong mấy năm sau này thật là ít quá.

Tuy nhiên, những ai theo rồi bước đường cần học của các bạn ấy, đều phải vui mừng ghi nhận những kết quả tốt đẹp làm vinh-dự cho thanh-niên trí-thức Việt-Nam, và chúng ta có thể đặt nhiều hy-vọng vào các bạn Sinh-viên của nước nhà ở Hải-ngoại. Chúng ta mong mỗi trong một tương-lai gần gũi, được thấy nhiều nhà Bác-học mới của Việt-Nam, như giáo-sư Bửu-Hội và Nguyễn-đạt-Xương, đem về cho nước nhà những trí-thức tân-tiến nhất và đầy đủ nhất về các môn Y-học, Khoa-học, Khoáng-chất-học, và tất cả các kỹ-thuật tối-tân về cơ-khí và các ngành kỹ-nghệ.

Xem bản kê-khai những công-tác khảo-cứu của các nhà Bác-học Việt-Nam và các luận án khoa học của sinh viên ta ở Pháp, chúng ta vui mừng nhận xét rằng các bạn đã thu-hoạch được những kết quả rất khả-quan, như thế là nhờ các bạn đã có một căn-bản ngoại-ngữ rất dồi-dào phong-phú, và một trình-độ đại-học đến mức, không sút kém sinh-viên đại-học ngoại - quốc chút nào.

Trình - độ đại - học trong nước Việt - Nam ta hiện nay, theo chương-trình ấn-định của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, có cho phép chúng ta lạc-quan không ?

Tôi xin nhường các bạn trả lời.



THƠ NHẬT-BỒN

sau Đệ-nhị
Thế - chiến



★ TÂN-PHONG

V

ĂN thơ Nhật-bồn đã biến-chuyển rất lạ-lùng từ sau Đệ-nhị Thế-chiến vừa qua, và ai đã theo rồi phong-trào thơ mới (*Shintaishi*) của Nhật từ lúc khởi thủy, đầu thế - kỷ XX, cũng nhận thấy

rõ-rệt ảnh-hưởng của Văn-thơ Âu-Tây, nhất là thơ Anh, Ý và Pháp, càng ngày càng sâu-dậm sau 1945.

Các lối thơ cũ, như *Haiikai*, *Dodoitsu Tanka*, tuy vẫn còn thông dụng trong các giới yêu thơ, nhưng đã bị thay thế bằng các thể thơ mới, trong thể-hệ Thi-si đương kim mà phần nhiều có

10

VĂN THƠ NHẬT BỒN

căn-bản Văn-hóa Âu-Tây.

Tuy nhiên, có điều hơi lạ, là tính chất thuần-túy của Thơ Nhật-bồn vẫn không thay đổi mấy. Người ta thấy rõ-ràng lớp áo bề ngoài của nòng Thơ Anh - Đào đã khác hẳn kiểu *Kimono* độc-đáo của MOTOO-RI NARINAGA, hoặc cả của NATSUME SOSEKI, MA-SAOKA SHIKI, của thời Meiji, nhưng tinh-thần thi - ca cổ-truyền của các Thi-sĩ Phù-Tang, dù đã tiêm-nhiễm tư-tưởng Âu-Tây thế nào chăng nữa, cũng vẫn còn mang nặng dấu-vết thiên-thu bất-diệt của Nippon, như cái nón tuyết của Phú-Si-Son.

Trong mấy số *Phổ Thông* đầu mùa Xuân năm nay, tôi đã có dịp nói đến hai nhà Thơ đáng mến, là SHIMAZAKI TOSON và Nữ-sĩ YOSANO AKIKO. Nay tôi xin giới-thiệu vài ba nhà Thơ khác, của thời Hậu-chiến, có thể là tiêu-biểu cho Thi-ca Nhật hiện-đại.

Kể ra thì có trên mười nhà Thơ đặc-sắc nhất, và rất được công-chúng hoan-ngheh, hoặc vừa mới qua đời như KAM-BARA ARIAKE (1876-1952),

hoặc hiện còn sống, như NISHIWAKI JUNZABURO, (sinh năm 1896 — 64 tuổi), MARUYAMA KAORU (Sinh năm 1899 — 61 tuổi), ANDO ICHIRO (Sinh năm 1907 — 53 tuổi) TAMURA RYUICHI (Sinh năm 1923 — 37 tuổi), TANIGAWA SHUNTARO (Sinh năm 1931 — 29 tuổi) v.v..

TANIGAWA SHUNTARO là nhà thơ trẻ nhất hiện nay, ở Tokyo. Ông chuyên soạn các bài hát, các bản kịch thơ, và thường có thơ đăng trong một vài tạp-chí Văn-ngheh có danh tiếng ở thủ-đô Nhật. Tôi xin dịch ra Việt-văn một bài mới nhất của Tanigawa Shuntaro. Trong bài này, nhà Thơ tin-tưởng nơi sự vĩnh-viễn của Thời-gian, trải qua bao nhiêu dâu-biến :

BẢO-TÀNG VIỆN

Lặng yên nằm trong góc tủ kiển :
Một cái búa cổ bằng đá, lẫn
với các vật xưa.

Các vì tinh tú xoay chuyển say sưa
Chúng ta, nhiều người đã chết,
Nhiều người mới sanh ra đời,
Bao nhiêu sao chổi bay sát trên
vòm trời, xuyết đọng vào Quả Đất,

Bao nhiêu chén bát đã đổ vỡ tan
nát,
Bầy chó eskimo chạy tan - tác ở
Nam Băng Dương.
Phương Đông, phương Tây,
có nhiều năm mở vĩ nhân
Người ta tặng các quyển thơ bắt
hủ,
Và người ta chế ra bom nguyên tử
Ồ ! Từ đó đến nay,
Biết bao chuyện đổi thay !
Nhưng một cái búa cò bằng đá,
lấn các vật xưa
Lặng lẽ nằm nơi góc tủ kiến,
Trong Bảo tàng viện.

Tanigawa Shuntaro



TAMURA RYUICHI được
thanh niên Nhật hiện nay yêu
chuộng nhất, là một nhà Thơ
lỗi lạc trong nhóm « Arechi »
(Đất-hoang). Đây, một trong
những bài thơ được khen là
hay nhất của ông :

Bài Thơ Tháng Mười

Tinh thần tôi bị khủng hoảng.
Dưới làn da mịn của tôi
Nổi dậy một trận đông tố dục-
vọng hãi hùng.
Bị gió đánh trời
Tấp vào bãi biển cô đơn
Nằm chết thân thể tôi.

Tháng Mười là cương thổ của tôi,
Hai bàn tay dịu dàng của tôi đi
tìm của mất.
Mắt nhỏ của tôi nhìn xem các vật
thoảng qua
Tai tôi lắng nghe cái chết im-lìm
trong tha ma.
Tôi sợ sệt hết thảy,
Trong giòng máu dồi dào của tôi
đang chảy
Thời gian phá hủy mọi vật trên
đời;
Gió lạnh run của tháng Mười,
Chứa đựng một cơn đói mới.
Tháng Mười là cương thổ của tôi.
Đội quân chết của tôi chiếm đóng
mỗi thành trì dưới mưa.
Chiếc phi cơ của tôi đã chết, còn
bay lượn trên hồn phách vắng lặng
Cha mẹ tôi đã chết, than thở sau
các hồn tử trận.

Tamura Ryuichi

Tôi e nhiều bạn không hiểu
nhà Thơ Nhật muốn nói gì.
Nhưng làm sao giảng nghĩa
được ý Thơ « chết » của « tháng
Mười lạnh run » của một hồn
thơ bị « khủng-hoảng » trong
cái ám ảnh nguyên - tử còn
phảng-phất trên những « Đất

hoang tàn » Hiroshima và
Nagasaki ?



Hầu hết các Thi sĩ Nhật đều
bị ám ảnh nặng nề bởi sự xuất
hiện đột ngột và kinh khủng của
Tử thần nguyên tử trên đất
họ. Một đôi nhà Thơ thổ giọng
chua chát, nhưng sợ sệt, chán-
nản, hầu tuyệt vọng, như KON-
DO AZUMA trong bài
« Nước Văn Minh kia ».

Trong bài thơ có những
câu như :

« Tôi biết tên cái cường quốc văn
minh kia,

Họ đã thực hiện được trái bom
nguyên tử

Họ vẫn điềm nhiên lãnh đạm như
không có gì xảy ra...

Tôi biết tên cái cường quốc văn
minh kia

Họ đặt ra trái bom nguyên-tử,

Họ còn thí-nghiệm nữa ở Bikini

Tôi biết tại họ mới có mưa phóng
xạ, bụi phóng xạ,

Làm cho các người thuyền chài
thiếu máu,

Làm cho trẻ con không được lớn lên

Làm cho chết hết cá, khô hết rau,
cạn hết nước,

Tôi biết... Tôi biết...

Do ảnh-hưởng của chiến-bại,
nhiều nhà Thơ Nhật hiện nay
đều có tư-tưởng bi-quan như
Kondo Azuma. Không có một
Văn-sĩ, hay Thi-sĩ nào phò-
trương sức mạnh truyền-thống
của Nhật-bản như hồi tiền-chiến
nữa. Ngay đến như ONO TO-
ZABURO, một Thi-sĩ của lao-
công, có những tư-tưởng tiến-
bộ và thực-tế hơn, cũng không
tránh khỏi ảnh hưởng tai-hại
ấy. Trong quyển thơ Osaka,
vừa mới xuất-bản ở Osaka, ông
đã ly-dị hẳn với loại thơ tình-
cảm và đưa ra những ý thơ rất
mới, (theo thơ Âu-Tây), nhưng
vẫn đượm màu bi-quan về thời
thế. Như bài « Chuyện thần tiên »
sau đây :

« Nó còn đấy không ? »

Đưa trẻ lấm lấm hôi,

Cặp mắt nó kinh hoàng

Bà ngoại nó ngồi gần, âu-yếm,

Vuốt ve đôi vai nhỏ, dịu-dàng :

— « Im đi con ! Ngủ đi ! »

Mưa đêm đập mạnh trên sóng biển

Trái Đất đen như mực,

Nước bến Genzan lờ-mờ xao-
động.

Nó kia-kìa,
Bập-bành trên sóng gió, lù lù,
Chiếc tàu ma Indianapolis...
Treo trên nóc cột buồm, xác-xơ,
Lá cờ có đầu lâu, không hồn,
phất phơ...

« Chuyện Thần Tiên » của
Ono Tozaburo là chuyện chiếc
thuyền ma Indianapolis..!

Thi sĩ OSADA TSUNEO,
hồi Tiên Chiến thích làm thơ
trữ-tình, ca ngợi tình yêu và
thắng cảnh, nhưng từ sau chiến
tranh đến giờ, thơ ông chuyển
hướng về thực tế thời đại.
Hiện nay, ông là giám đốc hai
tạp chí « Thơ Mới » và « Hồi
Sinh », có nhiều uy tín trong
giới văn nghệ và thanh niên.

Thỉnh-thoảng hai tạp-chí ấy
có đăng các bài thơ mới của ông
Một bài mới nhất, đề là :

Tokio

I

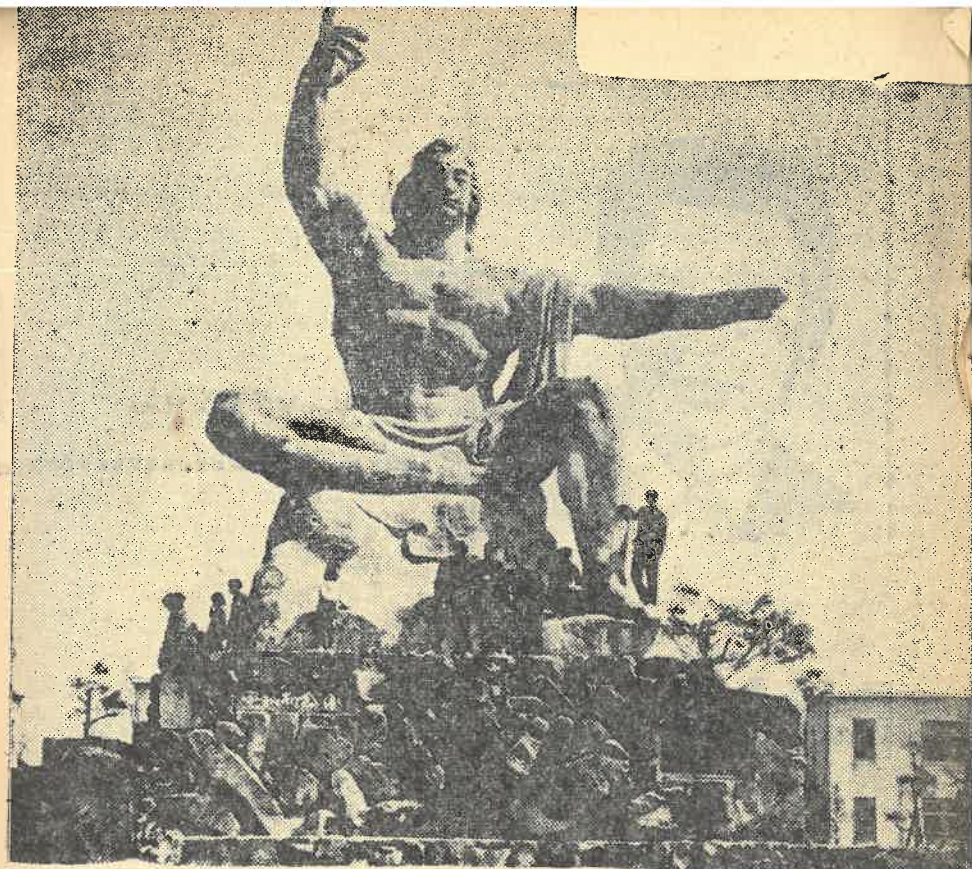
Trên những vết thương hàn gấn
lại, cỏ đã mọc đầy.
Nơi cửa sổ bị rì và sắt cong queo,
đang một mạng nhện.
« Không ! Chúng ta sẽ không bao
giờ bị chiến tranh nữa ! »
Ổng khời, và các cháu bẽ

Cười : « Hòa bình ?
« Tìm nó trong các cảnh hoang tàn ! »

II

Đêm liên hoan.
Mặc áo kimono nhẹ nhàng,
Và đem về những con cá vàng,
Tất cả,
Người ta thấy họ trở về
Xứ sở Mặt-Trời Mọc
Tất cả,
Người ta thấy họ
Trên chiếc tàu Thời gian,
Trở về từ các trại tù binh mà
chính tay họ xây dựng
Và tắm sơ sài với gàu tưới nước,
Như mấy khóm cây nhỏ,
Rời những cây to.
Khắp nơi nơi
Một Mặt-Trời Mọc mới hồi sinh.

Chúng ta khó tìm được
những tiếng chim liu lo trên
cành hoa anh-đào, như thời
oanh liệt của Minh-Trị Thiên-
Hoàng. Chúng ta chỉ nghe tiếng
than thở, tiếng nỉ-non, tiếng
hốt hoảng, vang dội trong Thi-
văn Phù Tang, như cả một
linh hồn Dân-tộc còn chìm đắm
trong ác-mộng của Tử-thần
khinh khủng..



Trưng đá Hòa - Bình, kỷ-niệm vụ Bom
Nguyên-Tử tàn-phá Nagasaki. Đài kỷ niệm này cao
7m90, do nhà Điêu-khắc Nhật Seido Kitamura,
đựng trên gò núi, nơi trái bom Nguyên-tử nổ tại
Hải-cảng Nagasaki. Ngón tay chỉ lên trời, ngụ ý
sức mạnh ghê-gớm của Bom A. Đài kỷ-niệm này
hoàn-toàn bằng đá, và được xây dựng nơi đây,
do nguyện vọng của nhân-dân Hải cảng Nagasaki,
để tỏ ý nguyện Hòa-bình vĩnh-cửu của nhân-loại.
(Ảnh của cô Uchiko, sinh viên Đại-học sinh-ngữ
Osaka, tặng Bạn đọc Phổ Thông tạp chí.)



★ **VÕ BÁ HẢI**

PHẠM - HỒNG - THÁI



HOÀNG - HOA - CƯƠNG, nơi an giấc nghìn thu của 72 vị liệt-sĩ Trung quốc. Những năm mộ của chí hiên ngang, lòng dũng cảm đã đánh lên hồi chuông lớn ngân dài để kêu gọi lòng tự quyết của toàn thể dân tộc Hán.

Con số 72 đối với 450 triệu đồng-bào Trung-quốc không ăn thua vào đâu nhưng đã biểu-dương tinh - thần tranh đấu bất khuất cho chính nghĩa.

Cuộc cách mạng toàn diện do Tôn-Văn đề xướng đã lồng dưới hình thức hết sức trọng đại qui-mô và thành công được là nhờ ở lòng hy-sinh vô bờ bến của các đồng chí trung thành, sức tranh đấu dẻo dai của những năm mộ gò Hoàng-hoa-Cương.

Sự hy sinh của những liệt-sĩ đó chẳng những có ảnh hưởng trực tiếp với dân chúng Trung-hoa mà lại lan tràn khắp các nước nhược tiểu trước ý thức tự-cường hưng quốc.

PHẠM HỒNG THÁI

Sau đây 10 năm, khi những xác kia hòa mình trong lòng đất thì cũng chính nơi Hoàng - hoa-Cương có thêm một chí-sĩ nữa rất xứng đáng nằm bên cạnh các vị liệt-nhân Trung-quốc. Người đó được mọi người ngưỡng mộ. Chẳng thế mà tất cả những ai có máu căm thù vị liệt sĩ ấy đều phải thăm phục, rợn mình !

Không ai lạ hơn là vị liệt-sĩ **PHẠM-HỒNG-THÁI**.

Sau những vụ đầu độc trong thành, vụ ném bom ở Hà-nội, cuộc khởi nghĩa của Đội Cận và biết bao cuộc khởi nghĩa cần-vương khác trên suốt lãnh thổ, một thanh-niên Việt-nam trẻ - trung dũng mãnh đánh lên tiếng kháng vàng ý-thức mọi người đang hằng say trong giấc ngủ, **PHẠM-HỒNG-THÁI**.



Phạm - Hồng - Thái sanh năm 1896, tại làng Ngọc - Điền, tỉnh Nghệ-An, cha là Phạm-thành-Mỹ, một đồng chí trong hàng ngũ kháng chiến Cần-Vương, mẹ là Trần-Thị.

Ông tên thật là Phạm thành-Tích tự Phạm-Đại, trên đường tranh thủ cách mạng, ông khoác ngoài một danh hiệu là Phạm-

Hồng-Thái.

Sống trong hoàn cảnh tai biến của nước nhà bị ách thống trị, với sự hun-dúc ý-lực của cha mẹ và giòng dõi, ông đã mang trong lòng một mối hận thù. Và dĩ-nhiên, mối thù kẻ xâm lăng đó phải được đền trả.

Sau khi tốt nghiệp trường kỹ-nghệ thực hành, ông định xuất-ngoại để du học và đồng thời theo chân cách mạng của các chí sĩ Việt-nam hiện diện nơi đây. Nhưng trước sự ngặt nghèo của tình-trạng gia-đình, ông đành cưỡi vợ để phụng dưỡng mẫu thân trong những ngày bóng xế về chiều.

Ông giao phó cho phu nhân gánh vác việc nhà, cắt gánh ra đi... Trước hành - động cao quý của người con, cả gia đình đều hài-lòng chờ ngày mai rạng rỡ của người con yêu.

Thoạt đầu, ông đến Hà-Nội, Nam - định, Hải - phòng, lang-thang tìm đồng chí. Nhưng lại thất vọng vì không tìm được một ai cả. Chuyển sau, đến Hà-Nội ông tìm được bạn đồng chí là Lê-huy-Đoàn.

Năm này, những tổ-chức cách mạng ở trong và ngoài nước đều lâm vào một thế nan giải phải tan rã hàng ngũ. Phan Tây Hồ bị hạ

ngục... phong trào du học sinh Việt-Nam tại Nhật bị trục xuất theo giao ước của hai đại-diện Pháp — Nhật.

Giữa tình trạng này, Phan-bội Châu đang ở Nhật phải tổ-chức cho một phần sinh viên sang Tàu và Xiêm rồi đến Quảng-Đông triệu tập các đồng chí và tán đồng quan điểm thành lập "Việt-Nam Quang Phục-Hội", đề-xướng Vương-thức Oánh về nước đề tuyên chọn các thanh-niên có lòng nhiệt thành yêu nước để gửi sang Tàu.

Phạm-hồng-Thái nằm ngay cơ-hội xin xuất ngoại. Ông phải lặn lội trốn sang Lào, qua Xiêm và lại nhờ chỉ bộ Đảng Việt-Nam Quang Phục Hội tìm cách giúp đỡ đưa sang Tàu. Lẽ ra đi đường Cao-Bằng, Lạng-Sơn thì mau hơn, nhưng các thám tử đã bủa lưới nghiêm ngặt.

Với lòng yêu nước chân-thành của ông, tất cả chướng ngại vật đều là cơ nguyên thúc đẩy đến sự thành-công, một nguyên-động lực mạnh-mẽ dẫn đến lòng hiên-ngang giải-phóng dân-tộc.

Đến Quảng-Châu, một nhóm thanh-niên trong đó có Phạm-hồng-Thái xin gia nhập vào V.N.Q.P.H. của Phan-bội-Châu.

Về sau, cùng với Lê-hồng-Son, Hồ-tùng-Mậu, Phạm-hồng-Thái lập đảng "Tâm-Tâm Xã" cùng tâm nhất trí liên-lạc chặt-chẽ với tổ-chức của V.N.Q.P.H.

Một mặt thông-tin báo cho đảng "Tâm-Tâm Xã" rằng vào khoảng tháng 5 năm 1924, toàn-quyền Merlin, sang công-cán ở Nhật, và khi trở về sẽ ghé thăm tổ-giới Pháp tại Sa-diện (Shameen, một tổ-giới ngoại-quốc ở Quảng-Đông, tại bờ sông Châu-giang, vào ra phải đi qua các cầu có cửa đóng cần-thận. Phía đông có một cái cầu thuộc tô-giới Pháp, phía Tây có một cái cầu thuộc tô-giới Anh), vào tháng 6 năm 1924.

Sự có mặt của Merlin trên lãnh-thổ là cả những sự biến-chuyển lớn-lao cho nền văn-hóa Việt-Nam. Tâm hồn dân Việt biến-động.

Phiên-Đại-hội bí-mật triệu tập bất thường, V.N.Q.P.H. và T.T.X. đồng quyết nghị thanh-toán viên Toàn-quyền Merlin.

Phạm-hồng-Thái lãnh sứ mạng hiêng-liêng ấy thay cho cụ già Nguyễn-Hải Thần, cụ này đã bắt trúng phải thăm thi-hành án-mạng!

Người thanh-niên đó đóng-dạc

đứng ra thay thế cho cụ Hải-Thần mà rằng: "Cụ tú Đại-Từ (biệt hiệu cụ Hải-Thần) là bậc nguyên lão cách-mạng, là rường cột của đảng, không thể lãnh làm một việc nhỏ mọn thế này. Nước còn cần đến cụ những việc trọng đại hơn. Huống chi việc ám-sát một nhân-vật quan-hệ đầu phải giao-phó cho một ông già, bất tiện đủ cách. Tôi xin thay thế".

Toàn hội bằng lòng trước đức hy-sinh cao quý của Phạm-hồng-Thái và giao tạc-dạn cùng một khẩu súng lục cho chàng họ Phạm.

Trước giờ lên đường thi-hành trách vụ, toàn thể đồng chí tiễn đưa khuyến nhủ, ông khí-khái trả lời một lòng tin:

"Dọc đường, thân tôi còn mất là một việc thừa, miễn tôi làm tròn nhiệm vụ của dân ủy-thác. Nhưng có điều tôi xin cam-doan trước mặt các bạn, việc thành rồi vạn nhất tôi không kịp thoát thân, tôi nguyện cùng đất nước có lương-tâm chứng-chiếu, tôi có đủ tư cách tự xử lấy tôi, quyết không để lọt vào tay đế-quốc".

Lén lút trở về nước toan thi-hành thủ đoạn, nhưng không

thành, ông bèn bèn gót theo dõi toàn quyền Merlin sang Nhật.

Tất cả nơi đây đều canh phòng cẩn mật. Phạm-hồng-Thái lại nom về Hương-Cảng.

Đêm nay, một đêm tung bùng dạ-hội ở Sa-diện, trong khách sạn Victoria đèn điện sáng choang. Bữa tiệc khánh chúc này có đủ sứ-quán Pháp và quan chức cao-cấp tham-dự.

Xin nhắc lại rằng, từ Sa-Diện qua tô-giới quốc-tế có cây cầu cũng như sang tô-giới Pháp. Hai cầu này hể có động biến gì thì bế kỷ lại, từ Sa-diện không thể nào lọt qua bên kia được. Nhà hàng Victoria nằm ngay bên cạnh Đông-kieu tức là cầu sang tô-giới Pháp.

Người Anh toàn quyền kiểm soát việc tuần sát trong tô-giới nhưng quân lính đều là người Tàu.

Phạm-hồng-Thái đã sẵn sàng, ôm máy chụp hình, mặc đồ Trung-hoa, giả là nhiếp ảnh viên từ Quảng Châu sang Sa-diện.

Vào lọt trong sân khách sạn, ông đến ngay cửa chính, với tư cách một anh thợ chụp hình.

Vừa đặt máy ảnh xuống, toan mở hộp đựng kính chụp hình ra,

một viên cảnh sát người Anh đến hỏi :

— Anh làm gì? Ai gọi anh tới chụp hình đây?

— Tôi là người Việt - Nam nghe tin quan Toàn quyền nước tôi sang đây và dự tiệc nên đến lấy hình gửi về cho các nhà báo trong nước. Tôi là phóng - viên kiêm nhiếp ảnh viên báo chí.

— Không được, vì không có giấy phép nên tôi không thể làm vừa lòng ông.

Thất vọng, ông lại cánh cửa sổ, để máy xuống ngắm nghía. Bất tiện!

Ông đang chờ một dịp may thì liền khi ấy có một cuộc huyền-náo cãi vã trước cửa hàng Victoria, người cảnh sát Anh chạy ra can thiệp, thừa dịp đó ông nhanh nhẹn mở hộp kính để lấy ra... một... một quả lựu đạn!

Nhanh như chớp, trái tạc đạn mở nút bay ngay vào bàn tiệc mà không ai để ý đến nó, chỉ chăm-chú vào cái máy ảnh của anh «thợ»!... và chính anh thợ có đôi mắt sáng kia, đâu ai ngờ là một tay thích khách gan dạ vô song!

Tiếng nổ vang dậy làm tung-toé cả đồ đạc trong phòng. Kết quả có nhiều người chết, nhưng

Merlin chỉ bị thương!!!

Chạy ra cửa chánh khách sạn, trà trộn trong đám đông thoát nguy.

Tiếng còi cảnh sát Anh báo động.

Hai đầu Đông và Tây kiêu các cửa đều đóng chặt.

Cảnh sát Tàu đuổi theo Phạm-hồng-Thái, vị liệt sĩ chạy theo đảo-Sa-diện, tay còn cầm thanh súng lục quay lại bảo quân Tàu theo sát mình: « Tôi là dân một nước bị nô lệ, tôi muốn hạ sát một kẻ thực dân đã làm hại cho quê-hương dân tộc tôi. Các anh không giúp thì thôi, sao lại còn rượt bức tôi chi quá vậy. Tôi không để bị bắt và để bị hành trong tay kẻ thù đâu. Nếu các anh không quay lại, này trông viên đạn của tôi... »

Hai phát đạn chỉ thiên. Phạm-hồng-Thái chạy riết. Hai người lính Tàu dường như thông cảm nên vừa nghe xong, lại dừng không theo nữa.

Một hòn đảo nhỏ, không làm nơi dung túng được một liệt sĩ V.N., Phạm-hồng-Thái đã phải gieo mình xuống giòng sông Châu Giang.

Quân lính vây chặt chờ tắm

dạng! Nhưng vô ích.

Phạm-hồng-Thái đã nằm im trong giòng sông để lững lờ cười vui xoa nổi cộm hờn. Ông đã toại nguyện lắm rồi, chết hãy sống đối với mình không quan hệ gì, chỉ biết trả thù rửa hận là đủ!

Sáng hôm sau, trên bờ sông thuộc phần đất Trung - hoa, một cái cây cứng đờ nổi lên. Tỉnh-trưởng Quảng - Đông cho người vớt xác.

Nạn nhân tuy đã chết, gương mặt vẫn còn tươi, hai tay còn cầm chắc hai nắm lát, liệt - sĩ Phạm-hồng-Thái khi bị lính Anh canh phòng xung quanh sông chờ ông nổi lên bắt sống, ông bám chặt lấy đám lát để ghì mình đến khi nghẹt thở!

Một may mắn hiếm có cho giờ phút cuối cùng của họ Phạm, nên xác mới trôi qua địa phận Trung-hoa để sau này oai nghi trên nấm mộ gò Hoàng-hoa-Cương.

Vụ ám sát làm vang động khắp nơi. Hồ-hán-Dân hay vụ ám sát

hôm qua ở nhà hàng Victoria và biết chắc rằng chính họ Phạm chủ mưu. Hồ-hán-Dân cảm phục làm lễ quốc táng để liệm thi hài người bạc phước một cách linh-dinh và trang nghiêm, an táng trên gò Hoàng Hoa Cương, đối-diện với mộ 72 vị liệt sĩ Trung-Hoa, những ân nhân của cuộc cách mạng Tân - hợi (1911) do Tôn Trung-Sơn lãnh đạo!

Theo sau cỗ săng họ Phạm, vô số thanh niên Trung-hoa lần bước bụi ngùi đưa đến nơi an nghỉ cuối cùng.

Hồ-hán-Dân cho làm mộ liệt-sĩ họ Phạm bằng đá trắng rất đẹp-tượng hình quả bom ở Sa-Diện của liệt sĩ và chính Hán-Dân đã đề trước mộ:

« Việt-Nam liệt sĩ Phạm-hồng-Thái chi mộ », và đoạn chốt: « Quảng-Đông tỉnh trưởng Hồ-Hán-Dân phụng đề... »

Phạm - hồng - Thái hưởng thọ 28 tuổi.



* ĐĂNG TRÍ

Một ông già nọ bị đăng trí nặng. Một hôm người ta thấy ông nhào xuống sông cái đừng! Họ lật đật nhảy theo vớt ông lên bờ. Ông ta ngo-ngáo, nhìn dáo dác nói:

— O... o... không biết hồi này tôi định đi tắm, hay là tôi tự tử he? »

V.C.

Văn-sĩ và chánh khách

LÂM
HỮU-NGÂN

VÀO khoảng giữa thế kỷ thứ 19, thi hào Victor Hugo vì chống lại với Hoàng-đế Nã-phá-Luân đệ tam nên bị lưu đày ra hoang đảo, còn tác phẩm bị cấm tuyệt. Vì thế đũa còn cung của lịch sử thi văn Pháp quốc đã nhắc đến Tàn Thủy-Hoàng đế ám chỉ vị Hoàng đế tiếm vị Nã-phá-Luân, qua một câu thơ bất hủ :

« Mi đốt sách vì mi mù chữ »
(Tu as brûlé la bibliothèque puis-que tu ne sais pas lire),



Một buổi sáng mùa đông, một văn sĩ khi bị bắt dẫn đến trước một vị Hoàng-đế đang hăm dọa bỏ tù mình, đã bình thản giải-

thích cho vị Hoàng-đế nọ hiểu rằng :

— Ngài có thể bỏ tù tôi lâu lắm là suốt đời tôi là cùng, chứ chúng tôi là những người viết sử, chúng tôi có thể... bỏ tù Ngài vĩnh-viễn, bỏ tù ngài đời đời, bỏ tù ngài ở trong lịch sử.

Nghe qua, vị bạo chúa đập bàn thét lớn :

— Thế thì ta sẽ giết mi, xem còn ai bỏ tù ta được chứ!

Văn nhân nghiêm nét mặt bình tĩnh :

— Ngài chỉ giết được thể xác tôi thôi, chứ ngài giết thể nào nổi linh hồn tôi, vì chúng tôi là hạng người bất tử. Vì thưa ngài, xin ngài nhớ cho rằng những lời ngài vừa thốt ra cũng do chúng

VĂN SĨ VÀ CHÁNH KHÁCH

tôi rèn luyện mới được văn hoa thể, những luật lệ chỉ thị, mệnh lệnh v.v... Ngài thường ban cho thần dân đề tác phúc tác họa cho họ cũng do chúng tôi đào tạo ra, cho đến những màu sắc, hình ảnh, tiết tấu, hợp thành mọi rung cảm thâm lắng xa xôi, mọi ý nghĩ, mọi hành-động thông thường của ngài cũng do bọn chúng tôi cho ngài... vay mượn để chi dụng đấy ngài ạ. Vậy thì ngài và mọi người còn sống thì chúng tôi chết thế nào được! Cùng lắm nếu các ngài có tiêu diệt cả nhân loại rồi

các ngài tự hủy các ngài đi nữa thì chúng tôi cũng vẫn chưa... chết, vì khi nào muôn loài còn có cái « tên gọi mình để phân biệt mình với sự vật khác » thì vạn vật vẫn còn tưởng đến chúng tôi kia mà. Thôi ngài mệt lắm rồi, ngài đi ngủ đi thôi. Và xin ngài nhớ cho rằng : cả đến những giấc mộng say sưa tốt đẹp của các ngài cũng do chúng tôi « đặt tên cho », nên chúng mới thành hình và lọt vào giấc điệp của các ngài.

« Thôi, chúc ngài ngon giấc »!



* MUỐN CÂN LÊN

Một bà nọ ẽ-ạch bởi thân hình béo tọng, đồ sộ của mình, vào nhà thuốc tây. Bà bước lên bàn cân ngó dáo dác thấy thiên hạ ra vào tấp nập bèn bước xuống một lúc lại ẽ ẽ định bước lên, bỗng thấy một người đi qua, bà lại bước xuống. Hồi lâu vẫn chưa cân được. Bực tức nói lầm bầm :

— « Thiệt ! muốn cân cũng không được yên tĩnh vắng vẻ mà cân nữa. Leo lên mà cân, họ nhìn vào bảng ghi số, họ thấy sức nặng của mình thì kỳ cục quá !

* LÃNG TAI

Trên một chuyến tàu hỏa, hai ông bạn già, lãng tai gặp nhau, mừng rỡ hỏi thăm nhau.

Ông A :— Chà ! Bữa nay anh đi Nha Trang hả ?

Ông X :— Không phải. Tôi đi Nha-trang mà !

Ông A :— Ủa, vậy mà tôi tưởng anh đi Nha-Trang chứ !

V.C.

con số 13

★ PHƯƠNG ANH

TỪ cái hôm anh chàng Kiệt, không biết từ đâu dọn đến, mượn căn phố cuối ngõ thì cái ngõ này bỗng nhiên không ai bảo ai, đầu ngõ, giữa ngõ, tất cả đều muốn biết về anh chàng này.

Người ta tò mò vì nhiều lẽ. Lẽ thứ nhất là căn số 13 — căn phố trong cùng; giá cả càng ngày càng hạ xuống đến cái giá rẻ mạt hạng để có người mượn ở được lâu nhưng vẫn không lưu ai được. Trải qua sáu năm nay chưa có người nào mượn ở lâu trên hai tháng. Bởi thế trong sáu năm, chủ phố đóng cửa bỏ không hơn bốn năm

Lẽ thứ hai là đã mười hai

lần thay chủ, đổi thầy chưa có ai dọn đến ở « cu ky », « đơn thân độc mã » như anh chàng Kiệt. Người nào dọn đến cũng với một bầy « xây lỗ cổ », một vợ hoặc hai hay ba cặp vợ chồng cha mẹ, vân vân. Chuyển này, Kiệt đến với một mình, rất ít bạn bè lui tới. Bóng hồng thấp-thoảng thì chẳng thấy ai.

Và cái lẽ cuối cùng đáng kể hơn cả, căn phố số 13 này là căn phố « ky ». Số 13 xui-xẻo lắm. Gia đình nào dù giàu có đến đâu, khoẻ như voi đi nữa, đến đây ở cũng phải sạt nghiệp đau ốm liệt giường. Đã thế cảnh gây gỗ, xào xáo trong gia đình xảy ra liên miên. Đôi lần

có vài gia đình đến ở còn bị phạt vạ, lời thôi đến cò bót nữa. Chàng thanh niên này dọn đến ở lại là người thứ 13 sau khi 12 người trước đã lần lượt dọn đi. Đã thế, anh chàng dọn đến đúng vào một ngày âm-u mưa gió, và lại là ngày 13, thứ sáu. Thế thì người ta không tò mò, chú ý sao được? Người ta bảo nhau rằng, có lẽ cậu này điên khùng mới lựa đúng vào ngày 13, thứ sáu để dọn đến ở căn phố số 13!

Sáng sáng, hôm nào Kiệt ngủ muộn trông lúc mọi người đều thức giấc, tần mác lo công việc thì cứ y như là trăm mắt nhìn nhau thăm hỏi:

— Sao ? Lại thế ! Hay hán đã chết rồi ? Ta tông cửa vào nhà hán xem đi !

Nhưng một chập sau, Kiệt lớp ngóp bò dậy, đầu cổ u sù, mặt mày xám nghếch, gật gù gật gương ra mở cửa. Lúc đó lại cũng y như có tiếng thở dài:

— Hừ ! Hán chưa chết ! May phước !

Có lẽ người sợ nhất, tò mò nhất, để ý nhất, đôi mắt cứ thăm chừng Kiệt ngày đêm là Vân. Nàng ở căn số 12, khít

vách Kiệt. Nàng tính nhảm từ hôm Kiệt dọn đến tới nay được hai mươi hôm. Kiệt không hề làm quen với ai, chẳng thăm viếng ai và chưa nói chuyện với một người nào ở cái ngõ này.

Đêm nào Kiệt thức cũng khuya lắm. Vân ngủ trên gác, đôi lúc giật mình tỉnh giấc mở mắt ra, qua khe vách ván hở nàng thấy đèn bên gác Kiệt vẫn còn sáng choang. Nàng ngồi dậy nhẹ chân bước xuống giường đến dán mắt ở cái khe hở. Kiệt tay vò đầu, tay viết lịa lịa trên giấy trắng. Trước mặt, quanh bàn viết, quanh Kiệt bao nhiêu là sách vở, giấy má cuộn lớn, cuộn nhỏ, xấp dày xấp mỏng nằm ngổn ngang, bừa lèn nhau. Ngoài ra, còn bao nhiêu thuốc lá thơm, cái gạt đựng tàn, mấy cái cốc, hộp diêm, vài hòn đá cuội dẹt sặc. Ở mép bàn một quyển to tướng bìa da, gáy chữ mạ vàng đập vào mắt Vân. Nàng cố nhướn mắt tìm cách đọc cho được thì là quyển: « Anatomie et Anatomie Pathologique ». Nàng nghĩ:

— À ! Anh chàng này là sinh viên y khoa chắc. Nhìn gương

mặt, nhìn đôi kính cận thị vắt trên sống mũi, nhìn đáng điệu... đúng! Có lẽ lắm. Nhưng sao anh chàng vừa viết gì trên xấp giấy pelure rồi bỏ vào một bìa cứng, bên ngoài để chữ « Bản thảo ». Lại dào thêm viết văn viết sách? Có lẽ!

Vân thấy thỏa mãn một phần nào. Mân bí mật về Kiệt, nàng đã vén lên được đôi chút. Nàng cũng cảm thấy rồi tự hỏi mình không hiểu sao mình lại tò mò, mắt thì giờ để ý đến anh ta quá như thế. Nguyên có vì đâu? Nàng không hiểu được.

Hai mươi hôm trôi qua. Vân cũng như mọi người, trông chờ một thay đổi, một cái lạ cho Kiệt một cách sốt ruột. Qua câu chuyện người ta bàn nhiều, đoán nhiều, tiên tri như những nhà tiên tri đại danh. Nàng nghe biết bao nhiêu câu. Nào...

— Lúc đến có diêm bắt tường, hai cái 13 gặp nhau, tất thế nào cũng chết.

— Nếu không, tôi dám cam đoan rằng ở không quá tháng!

— Ủ! Chết thì chưa biết chứ bệnh hoạn, tai họa nhỏ khó tránh. Ở lâu sao nổi!

— Ô! Con số 13 đừng tưởng là chuyện chơi! Ai dám

cải sách?

Nhiều lắm. Người ta nói nhiều lắm cho Vân thêm ngại. Tuy không quen, không biết, nhưng tự dưng Vân thấy thương hại cho chàng con trai đó. Có nhiều đêm, ngồi bên bàn học, Vân định viết mấy chữ kể cho Kiệt biết mọi việc và khuyên nên dời đi nơi khác. Lần nào viết xong, Vân cũng ngại ngùng, đứng thẹn thò phân vân trước cái kẻ ván hồ ngăn vách gác. Rốt cục, nàng thẹn quá xé bỏ ngay.

Dù người ta vẫn đợi chờ, Vân hồi hộp đợi chờ... Kiệt vẫn chưa sao cả. Cái bất ngờ chưa đến. Vân vẫn còn mất nhiều thì giờ, lo nghĩ, dấn mất ở kẻ vách.

Tối nay đèn đường vừa bật sáng thì có một chiếc xe Peugeot 203 đâm sầm chạy vào ngõ như con trâu hoang. Trên xe tối om, đèn trước đèn sau không cái nào cháy. Xe chạy thẳng đến sát tường chắn ngang cuối ngõ trước nhà Kiệt mới dừng lại một cách gấp rút. Hơn mười cái đầu thò khỏi cửa nhìn... Kiệt lão đảo bước xuống xe nhủ vào cánh cửa. Ổ khóa khua động

một lúc lâu. Kiệt ngả mình vào trong mắt hút.

Mãi bận ở nhà sau nên khi Vân ra đến cửa thì xe đã lùi tới đường lớn. Và Kiệt, nàng cũng chẳng thấy đâu. Có mấy cô bạn đứng dუმ nói chuyện đằng kia, Vân mon men lại. Một cô hỏi:

— Này Vân! Anh chàng ấy tên gì nhỉ?

— Kiệt!

— Sao biết tài thế?

— Có gì đâu! Mình ở kẻ bên nên nghe bạn bè gọi tên. Sinh viên y khoa đấy.

Mấy cái miệng cùng thốt lên một lượt:

— Thế à!

Một cô khác lay vai Vân:

— Anh ta đi đâu về mà lão đảo đi không muốn nổi. Hình như anh ta vừa ngã sấp ở cửa cái, nằm vạ tại đấy. Không hiểu xảy ra chuyện gì rồi, chị có biết không?

Vân giương mắt. Nàng thấy lo lo, hồi-hộp lạ:

— Sao? Mình ở mãi nhà sau, có biết gì?

— Anh ta ở có mỗi một mình, rủi có gì xảy đến... Tội nghiệp! À! hay chị về xem coi anh ta có còn nằm dưới gạch không. Nếu có gì mình cũng nên giúp

đỡ người ta vậy.

Vân không nói, hướng mắt về cuối ngõ. Nhà Kiệt tối om om. Cửa bỏ ngõ, đen ngòm như miệng hang sâu. Người ta con trai, ở một mình, còn mình là gái vào sao tiện. Người ta nói chết? Vân nửa muốn nghe lời mấy cô bạn để xem sự thể ra sao, nếu thật như vậy nàng sẽ giúp Kiệt, nửa lại thẹn, mắc-cở và sợ người ta bảo là đường đột rồi biết được người ta khinh. Lòng muốn, lý trí ngăn. Nàng đứng tần ngần, dùng dằng chưa dứt.

Nàng đứng nói chuyện với các bạn, thôi không bàn đến việc của Kiệt nữa. Nhưng trong đầu nàng vẫn bị ám ảnh, luôn nghĩ về Kiệt. Mãi cho đến lúc các bạn vào nhà, nàng mới trở về. Đứng tựa vào cửa, Vân liếc mắt nhìn khắp bốn bên, thấy không ai, nàng nhào người sang nhìn vào cửa nhà Kiệt. Nhà Kiệt vẫn tối đen không chút ánh sáng, không một tiếng động. Nếu có tiếng là chỉ có tiếng tim nàng đập mạnh, thỉnh thoảng mau mau qua lồng ngực. Nàng lại thu người về, nhìn về hướng đầu ngõ quan-sát, chần chờ.

Hồi-hộp, Vân nhẹ bước mấy cái rất nhanh vút qua ngưỡng cửa nhà Kiệt như tên trộm. Nàng giật mình kinh-hoàng, suýt nhảy-nhóm la lên khi chân vừa vấp phải một thân người nằm giữa nhà. May nhờ mấy cô bạn cho biết trước nên nàng trấn-tĩnh lại ngay. Tuy thế nàng vẫn sợ-sệt, cái sợ sệt pha trộn với băn-khoăn, e-ngại và vụng-về. Trong bóng tối, nàng dò-dẫm đi tìm contact đèn néon mắc ở góc tường. Sợ-soạn, nàng tìm mãi vẫn chưa gặp. Tim cứ đập càng lúc càng nhanh hơn.

Trời! Tội nghiệp Kiệt quá. Không hiểu chàng ta bệnh-hoạn thế nào, tai-họa gì đây đến nỗi phải bất tỉnh nhân sự nằm quay ra đất. Không ai săn-sóc, hay biết gì cả. Còn người bạn nào chờ Kiệt về đây sao tẻ bạc, vô-tình đến thế. Lủi xe vào rồi lại ra ngay. Vân càng bối-rối vì chưa mò được ổ điện. Nàng nhớ mọi lần nàng thấy nó nằm ở góc tường này đây mà bây giờ nó trốn đâu? Hay Kiệt đã dời nó đi?

Bỗng trước cửa, trên tường, trên mái ngói một vệt sáng

choang rọi vào từ đầu ngõ. Đúng là đèn pha xe hơi. Có tiếng động cơ nổ, xe chạy vào. Nàng linh quỳnh thế nào mà may mắn tay chạm phải sợi dây điện, dưới đó là contact. Nàng liền bật khóa rất nhanh, chạy ra. Nhưng không kịp nữa rồi, đèn néon vừa cháy sáng và chiếc xe peugeot đen—có lẽ chiếc xe khi nãy—cũng vừa ngừng-trước cửa. Cửa xe bật ra, Kiệt bước xuống. Kiệt! Đúng là Kiệt! Lạ lùng chưa? Kiệt nào nằm đây mà Kiệt nào lại ở trên xe bước xuống? Vân hoang mang, kinh ngạc đến cực độ. Kiệt bước vào.

Nàng xấu hổ quá. Đầu cúi gằm xuống trốn tránh. Đôi mi chớp nhanh và chân run run cơ hồ không đứng vững. Kiệt dừng lại ở ngưỡng cửa, đứng ngắm Vân rồi ngắm cái xác người nằm dưới gạch. Kiệt mỉm cười, gật gù tỏ vẻ hiểu đầu đuôi mọi việc. Anh ôn-tồn, vui vẻ, lời Vân ra khỏi cái ngưỡng ngập, thẹn thùng:

— Thưa cô, cô vừa sang bật đèn hộ tôi?

Vân ấp úng:

— Dạ.. tưởng ông bị tai nạn

bất ngờ nằm đây nên... sang bật đèn và nếu cần sẽ giúp ông.

Kiệt cười, đôi mắt sáng lên với niềm thông cảm:

— Cô tốt quá. Tôi xin thành thực cảm ơn cô. Tôi, tôi thì không sao cả, chỉ có bạn tôi đây khi nãy đang ăn ở Đồng-Khánh vì vui nên uống quá chén bị say chứ không sao. Khi nãy tưởng anh ta chưa đến nỗi nào nên vừa ngừng lại tôi trao chìa khóa bảo mở cửa vào nằm nghỉ. Tôi lủi xe ra ngay sợ mấy người bạn khác trông đợi. Ai ngờ mở cửa xong lại vào nằm đây! Làm mất công và phiền cô quá.

Vân nghe Kiệt nói, muốn cười nhưng không dám. À! Thế ra ông này đây say rượu chứ không phải Kiệt mắc tai nạn gì cả. Mình nghe nói cứ ngỡ là Kiệt. Có buồn cười chưa? Thấy Vân lúng túng đứng đấy, Kiệt mới nhớ là mình chưa mời khách ngồi, Kiệt nhẹ nhàng:

— Mời cô ngồi chơi tự nhiên. Tôi đem cái ông mãnh này đặt vào giường cái đã. Xin lỗi cô! Mãi nói chuyện quên để khách đứng thực đáng trách. Cô tha cho.

Vân còn thẹn, Vân đáp run run:

— Dạ! Không dám! Ông cứ tự nhiên. Tôi nào có là khách đâu.

Mang bạn đem vào buồng xong, Kiệt trở ra thì Vân đã về nhà đâu mắt không còn đứng đấy nữa. Anh cười, lặng lẽ đi săn sóc cho ông bạn rượu.

Một chốc sau, Kiệt lên gác mở đèn rồi ra đứng ở lang-cang trước cửa. Phía bên kia, Vân cũng đã đứng đấy tự bao giờ. Lòng Kiệt thấy lâng lâng nhẹ nhõm. Anh nói vọng sang:

— Mãi vì cái ông say rượu, cô đừng giận nhá!

— Dạ!

Nàng ngập-ngừng:

— Em... không dám đâu.

— Chắc ở đây người ta ngỡ là tôi chứ gì, phải không cô?

— Dạ.

Nhân lúc vui miệng, Kiệt kể lể:

— Cô à! Vì tôi vừa mới trúng số nên bạn bè đến mừng và cũng để mừng cho chiếc xe peugeot cũ tôi vừa mua được trưa nay với giá rất rẻ nên kéo nhau đi ăn ở Đồng-khánh.

— Thế à! Anh nhiều may-mắn quá! Vân đáp với giọng tự nhiên, vui-vẻ vừa tạo lại được.

Nàng thấy khung cảnh có vẻ thân mật và vui vui.

Kiệt tiếp :

— Kể ra, từ lúc về căn nhà này sao tôi gặp nhiều cái may-mắn quá không biết nữa. Tôi đã may mắn rồi nhưng tôi linh cảm rằng sẽ còn may-mắn khác tiếp tục đến với tôi.

Bỗng dưng, Kiệt dừng lại, ngấm Vân. Qua ánh đèn đêm mờ ảo anh thấy Vân sao đẹp quá, hiền quá, dễ yêu quá. Lòng Kiệt xao-động, ngây ngất như vừa uống thêm ly rượu mạnh. Anh thoáng nghĩ cái may mắn khác nữa mà mình vừa nói có lẽ là được một tình yêu say đắm, được một người con gái làm nở hoa ở lòng mình. Ừ ! Cái linh-cảm kể cũng ngộ-ngĩnh, biết đâu người con gái là ... Vân. Mà tại sao không thể là Vân chứ ? Anh đột-ngột hỏi :

— Phải không Vân ?

Nghe Kiệt gọi đúng tên mình, nàng đứng ngay lên ngạc-nhiên quay sang. Nàng quên rằng Kiệt hỏi gì nhưng nàng cũng trả lời ngay :

— Dạ ! Phải đấy anh.

Lòng Kiệt thấy lâng lâng, phơn-phớt nhẹ như làn gió đùa, ri-rào rập-rờn qua luống

mạ xanh non.

Vân e dè nói :

— Anh có bao giờ nghĩ rằng con số 13 sẽ gico tai họa không ?

Đến phiên Kiệt không hiểu Vân muốn nói gì, muốn ám chỉ gì. Kiệt nói nốt ý nghĩ mình :

— Vân ạ ! Tôi có biết 13, 14 gì đâu, nhưng sẽ may-mắn và may mắn mãi. Tôi sẽ được cái mà tôi ao ước đợi chờ. Cái đó quý lắm. Tôi tin là thế. Định mệnh có lẽ là thế. Có gì ngẫu được ta đâu.

Vân cười, Anh chàng Kiệt chưa hiểu cái chuyện này. Nàng chưa muốn nói vội. Anh ta có lẽ mãi mừng vì may mắn, vì được trúng số nên nói toàn những chuyện may với được. Có lẽ anh ta cũng may thực đấy. Anh ta sẽ được, mà tại sao anh ta không được ? Số 13 có tác họa nổi anh ta đâu. Vân nhìn lên trời. Mấy vì sao sáng lung linh. Sông Ngân-hà rạng - rỡ. Nàng lại cười, cười với Kiệt :

— Phải đấy anh ! Anh sẽ được, sẽ may mắn. Anh có mừng không ? Và anh sẽ đãi Vân cái gì ?

Kiệt mỉm miệng cười không nói.

**Phát minh cuối
cùng và kỳ-diệu
của khoa - học :**

NĂNG - LỰC H

★ PIERRE ROUSSEAU

KHOA học đã liên tiếp cố gắng cải biến đời sống của con người đến mức toàn mỹ.

Từ thuở ban sơ, thời đại đồ đá, tới thời đại kim khí, tiến đến kỹ-nghệ hóa các Quốc-gia, đôi hia của Thần Khoa - học quả đã bước những bước bầy dặm, đến mức chót của đài danh vọng để minh chứng rằng " nhân linh vạn vật ».

Con người đang tận lực khai thác các tài nguyên của vũ trụ. Mỗi bước tiến của khoa học đều đưa con người tiến qua một thế giới kỳ diệu với những thay đổi hoàn toàn mới lạ.

Trong hiện tại, với năng lực nguyên tử, người ta đã suy nghĩ đến một viễn ảnh là ở một nước kỹ nghệ hóa mà các mỏ than sẽ

đóng cửa, các xưởng máy ngừng chạy, và dầu hỏa thì chỉ còn tác dụng trong các công việc vật vãnh, vì năng lực nguyên tử sẽ phụng-sự con người ở tất cả mọi địa hạt.

Nhưng thật ra khoa học không ngừng lại ở hai chữ " Nguyên Tử " và con người sẽ còn bước tới những chân trời xa vời khác để gặp những bất ngờ kỳ thú khác nữa.

Trong một tương lai gần tới, có lẽ độ vài mươi năm nữa, các hầm mỏ *uranium* sẽ đình chỉ khai thác, và các trung tâm Nguyên Tử sẽ trở thành vô dụng.

Thay vào đó, nhân loại sẽ dùng **NĂNG LỰC H**, một loại siêu năng lực không phải lấy ở *Uranium* ra, mà lấy ở khinh khí, nghĩa

là một nhiên liệu thông thường có rất nhiều ở khắp nơi, như nước sông, nước suối, nước biển, nước mưa... v.v...

Các nhà Bác - Học nguyên tử đã nhìn nhận rằng, năng lực nguyên tử lấy ở *Uranium* chỉ là tạm bợ nhất thời. Đánh rằng khi mà các mỏ than, mỏ dầu sắp khô cạn mà ta lại có ngay nguyên tử để thay thế, thì đó là nguồn năng lực vô cùng quý giá. Nhưng chúng ta phải hiểu rằng các « mỏ nguyên-tử » chỉ quý ở chỗ thay thế kịp thời ấy mà thôi, chứ không thể nào thay thế vĩnh viễn được. Người ta tính rằng cứ trong vòng 10 năm, sức tiêu thụ về điện lực lại tăng lên gấp 2 lần. Như vậy một thế kỷ sẽ tăng lên 1000 lần so với hiện tại. Nếu ta dùng nguyên tử để cung ứng điện lực thì chỉ khoảng 25 năm các mỏ *Uranium* và *Thorium* sẽ hết sạch. Lại nữa, năng lực nguyên tử chỉ có thể giúp ích được khi nó đã được biến ra điện. Phải cần đến « Pin » và cả một hệ thống máy móc phức tạp. Chính ở điểm này, đã nảy ra một vấn đề phiền toái khác là « các Pin Nguyên Tử » sản xuất một số cặn bã, không phải như các loại tro thường, mà là các

phế vật phóng xạ rất nguy hiểm. Các nhà bác học Nguyên tử đã tốn biết bao công phu để tìm tòi nhưng phương pháp hủy bỏ các phế vật nguy hiểm ấy, công việc đó đã gây tốn kém rất lớn.

Trước những trở ngại trên, các nhà Bác học, đã phát minh ra một loại năng lực huyền diệu hơn và rẻ tiền hơn nguyên-tử. Đó là năng lực H, tạo ra bởi một « nhiên liệu » dễ kiếm hơn *Uranium*, và khỏi phải thiết lập các nhà máy khổng lồ, đồng thời cũng tránh được hàng đồng phế vật phóng xạ của nguyên-tử.

Năng lực nguyên tử là một loại hoạt kịch diễn biến trong thế giới cực tinh-vi (Infiniment petit) mà các vai chính là các nhân nguyên tử (Noyaux atomiques). Các vai này có đủ hạng : hạng thì ốm yếu như khinh khí, hạng thì to lớn oai nghi (trương đối) như *Uranium*.

Muốn có một hình ảnh rõ ràng hãy so sánh một nhân nguyên tử với một giọt nước mưa rơi trên kính cửa. Khi giọt nước mưa quá lớn nó sẽ tách làm đôi, trái lại khi các giọt nước mưa nhỏ và gặp nhau, chúng sẽ nhập lại để làm thành một giọt lớn.

Trong thế giới nguyên tử, cũng tương tự như thế, khi một hạt nhân quá lớn, như *Uranium* chẳng hạn, nó sẽ phân biệt thành nhiều mảnh khi bị kích động, đây là hiện tượng *phân tán*. Khi các nhân quá nhỏ, như khinh-khí gặp nhau, chúng tự thu hút lẫn nhau để hợp thành một hạt nhân duy nhất : đây là hiện tượng *hợp nhất*. Điểm đáng chú ý là trong cả hai hiện tượng vừa kể trên, đều có phát sanh ra năng lực. Một hạt nhân *Uranium* bị phân tán, hay 4 hạt nhân khinh khí hợp nhất đều phát sanh năng lực. Tự trung điểm mấu chốt của vấn đề là : Khi tất cả hạt nhân trong 1 GRAMME URANIUM bị phân tán năng lực xuất phát ra là 22.000 KWH; nhưng, khi các hạt nhân trong 1 GRAMME KHINH-KHÍ hợp nhất lại, tổng số năng lực xuất phát lên đến 180.000KWH.

Trên đây, chỉ là những nhận xét đơn giản để giúp ta hiểu về năng lực H.

Vậy bom H là gì ? Chính ở quả bom này đã xảy ra hiện tượng hợp nhất. Khi các hạt nhân khinh khí gặp nhau và liên kết lại thành từng nhóm 4 hạt để trở thành 1 hạt nhân duy nhất,

đã phát sinh ra một năng lực kinh khủng. Do đó, sức mạnh hải hùng của bom khinh khí ai cũng đều nghe và biết, vì thế đối với loại bom này, quả bom nguyên tử do *Uranium* hoặc *Plutonium* tạo thành do sự phân tán các nhân nguyên tử, chỉ còn là một loại khí giới cồ hủ, chỉ xứng đáng đối với các nước hậu tiến mà thôi.

Người ta có thể thu dụng năng lực nguyên tử hoặc bằng cách phân biệt các hạt nhân nặng, hoặc bằng cách hợp nhất các hạt nhân nhẹ. Hai phương pháp này đã đem lại nhiều kết quả quan trọng. Và ta nhận thấy dễ dàng rằng phương pháp hợp nhất có lợi nhiều hơn phương pháp phân tán.

Trước hết là vì « nhiên liệu » rất thông thường. Nhiên liệu của phương pháp phân tán là *Uranium*, muốn có *Uranium* là một vấn đề phức tạp, phải tìm kiếm, khó khăn, phải khai mỏ, đào hầm, đặt phương tiện khai thác, đặt nhà máy để luyện kim, phải lo tất cả các vấn đề trên để khai thác một khoáng vật hiếm có và rất đắt tiền. Trái lại, muốn thực hiện phương pháp hợp nhất, chỉ cần đi ra vôi nước hoặc

đến biên cả ! vì ở các nơi này, khinh khí là một nguồn vô tận. Và chỉ cần một kilô khinh khí *dentérium* là đủ sản xuất 100 triệu KWH.

Sở dĩ phương pháp hợp nhất tiện lợi nhiều như thế, mà các nguyên tử gia lại không tập trung các việc nghiên cứu về vấn đề này chính là vì việc hợp nhất các hạt nhân rất khó thực hiện. Vấn đề hợp nhất chỉ xảy ra khi các hạt nhân nhẹ gặp nhau và hợp nhau lại. Và phải cần chúng muốn gặp nhau nữa. Và tai hại nhất là chẳng những chúng không muốn gặp nhau, mà trái lại chúng còn đối kháng nhau kịch liệt. Nói một cách nôm na hơn, vì các hạt nhân đều mang luồng điện cùng chiều, nên chúng đối chọi nhau và do đó việc kết hợp trở thành vạn nan, trừ khi bằng đủ mọi cách, ta cưỡng bách chúng phải phối hợp.

Chính hiện tượng này đang xảy ra trên mặt trời, mà sức nóng ở trung tâm lên đến hàng triệu triệu độ. Một sức nóng kinh khủng như thế đã chuyển đến các hạt nhân những tốc độ quá sức tưởng tượng ; các hạt nhân nhập vào nhau, và việc phối hợp này đã làm nảy sinh ra ánh sáng đẹp

đẽ của mặt trời, ánh sáng đã sưởi ấm chúng ta và đã đem nguồn sống đến vạn vật trên quả đất.

Có bạn sẽ hỏi nếu cần đến hàng triệu độ để tạo một phản ứng hợp nhất, thì ta làm thế nào để có thể dẫn dụng năng lực phát ra. Có thể được chứ, và bằng chứng là quả bom khinh-khí. Thở đây vì cần hàng triệu độ để đẩy các hạt nhân vào với nhau, ta chỉ cần cho nổ một quả bom nguyên-tử thường. Và với cách này, người Mỹ đã phát-minh quả bom khinh-khí đầu tiên : dùng bom uranium làm ngòi nổ để tạo sức nóng làm hợp nhất các hạt nhân khinh-khí (thật ra là loại khinh khí nặng *dentérium* và khinh khí thật nặng *tritium*).

Nhưng chúng ta không bàn về bom H, mà chỉ nói về các khó khăn trong việc khai thác năng lực H để thực dụng : không lẽ phải lập một trung tâm năng-lực H, rồi trong ấy lúc nào cũng phải cho nổ bom A để khai-thác năng-lực, vì ngoài ra, người ta chưa tìm được phương pháp nào khác hơn để có hàng triệu độ nóng cần dùng. Vì thế, các nguyên-tử gia lúc bấy giờ, chỉ chuyên chú về uranium, để khai thác hơn,

và đặt tất cả các kế hoạch vào đấy.

Phải một thời gian rất lâu sau, các nhà bác học mới tìm ra rằng muốn đem khinh-khí lên một triệu độ, thì chỉ cần phát ra một luồng điện của một máy tích điện khí (condensateur) thật mạnh, là có một kết quả y như với một quả bom A.

Việc phóng 1 luồng điện để tạo thành nhiệt độ khủng khiếp gặp một vấn đề nan giải là ta phải cần một cái bình để phóng luồng điện mạnh-mẽ ấy, vậy chiếc bình ấy phải làm bằng chất gì ? Vì khi nhiệt độ lên tới 6000° thì mọi vật thể đều tiêu tan hết. Chính ở điểm này nhiều người đã cho rằng việc tìm kiếm năng-lực H là một phút nông-cuồng của khoa học và khoa học đã dẫn đến một ngõ cụt không lối thoát. Tuy nhiên, các nhà Bác Học vẫn kiên nhẫn tiếp tục thí-nghiệm tìm tòi các phát-minh mới lạ để hoàn thành việc hợp nhất các hạt nhân ở 1 triệu-độ, và sau cùng, với một ống gương và luồng điện phóng ra không hề đụng đến gương, ta chỉ cần "nhốt" nó vào giữa những giây vô hình của một dã từ (champ magnétique). Mặc dù rằng dã từ

không thể "giam" luồng điện phóng ra lâu hơn một giây và ống gương sau đó vẫn bị tiêu-tan, nhưng thí-nghiệm trên cũng đã giúp ích rất nhiều cho vấn-đề chế ngự năng lực H, bây giờ chỉ cần tiếp-tục khai thác phát-minh trên để tiến dần đến chế ngự hoàn-toàn năng-lực H. Khi tưởng-tượng đến cuộc cách mạng khoa-học và kinh-tế mà sau này năng-lực H sẽ mang lại khi ta chế ngự được nó, cũng chẳng khác nào trường-hợp một người chỉ cần mở tủ sắt ra là sẽ có ngay một gia tài đồ sộ ; chìa khóa đã sẵn có trước mặt, nhưng treo trên vách cách mặt đất hơn hai thước mà người ấy lại không có ghế để với lấy. Và cũng chính phải tìm cho ra chiếc ghế ấy mà tất cả các nhà Bác-học đang thi nhau nỗ lực từ năm 1956.

Trong bước đầu, vấn-đề khó khăn đến nỗi nhiều nhà đại bác học đâm ra hoài nghi. Nhà đại bác học Anh SIR JOHN COCKROFT, rồi đến Ô. LEWIS STRAUSS, Chủ-tịch Ủy ban nguyên-tử lực Mỹ cũng đồng ý như thế. Trong khi các cuộc thí-nghiệm không đem lại được kết quả nào, thì các nhà bác học càng ngày lại càng đổ xô đến năng lực

tương-lai ấy. Ngay ở Mỹ-quốc, mười một hội chuyên về điện-khí cũng đang lo nghiên-cứu vấn-đề với một chương trình to tát. Và có lẽ họ không lầm, vì bí quyết của sự thành công đã bắt đầu lan dần trên các báo : người Anh đã thành công ! Năng lực H đã được chế ngự ! Một cuộc cách mệnh kinh-tế vĩ đại nhất kể từ ngày phát minh máy hơi nước, đã bắt đầu chớm nở !

Thật ra không phải là một ảo ảnh, vì từ nửa tháng 11/57, các lời tuyên bố của các bác học Anh không còn cho phép ta nghi ngờ. Ở Harwell, dưới quyền điều khiển của COCKROFT, phép màu đã trở thành sự thật. Trong 1 cái máy với chiếc pile DZETA, người ta đã giữ được sức phóng điện ở giữa khinh khí nặng, và sức nóng thực hiện được lên đến 3 triệu độ. Và các hạt nhân đã hợp nhất và năng lực H đã xuất hiện.

Thường các sự phát minh quan trọng chỉ khởi đầu bằng những kết quả khiêm nhường. Như trường hợp Ông JOLIOT CURIE đã tìm ra các Neutrons rồi phát minh ra năng lực nguyên tử, chỉ trong một ống gương bé tẻo teo. Và đến nay người ta

đã thấy rõ việc phát minh này hiện đã tiến đến mức độ nào.

Hiện tại một vài hạt nhân hợp nhất trong pile Dzêta ở Harwell đã chỉ con đường đi đến các biến chuyển kỹ thuật đang mong đợi ; Harwell năm 1957 đối với năng lực H, cũng như chiếc pile của FERMI năm 1942, đối với năng lực U. Vì rằng, nếu cần đến vài triệu, hoặc 50, hoặc 100 triệu độ để đi đến việc khai thác kỹ-nghệ năng lực mới, ít nhất ngay từ bây giờ, ta cũng biết được phải làm thế nào để đi đến đích.

Cuộc thí-nghiệm ở Harwell đã làm xáo trộn tất cả các viễn ảnh về tương lai. Nó cho ta thấy trước thế giới sau này sẽ có một loại năng lực mới có thể biến ngay thành điện lực, mà không cần đến máy điện ; loại năng lực mà bà cần không kèn càng và nguy hiểm như của uranium ; một loại năng lực mà nguồn gốc nguyên liệu rất rẻ tiền. Để thay thế các mỏ uranium có ngày phải vơi cạn, ta có các đại dương vô cùng tận.

Năng lực H, nguồn hy-vọng của nhân loại, nó sẽ cải biến toàn diện cuộc sinh hoạt của con người trong một tương lai gần đây.

QUỐC-BẢO phỏng dịch

một lần qua

Mai
anh làm cỏ xanh
đêm tan
sương đọng lưng còng
em ơi
lệ nào chảy quanh

con đường anh đi biết rồi quá nhanh
có lẽ độc hành
đầu đường sỏi đá
lênh đênh
cuối đường mưa gió
điều linh
ngập ngừng chân bước
ngại ngừng trảng nước
mây trời ngủ giấc mong manh

anh đến đây
nghe tiếng chim hát giọng ân tình
nụ em cười
áo đỏ trong tranh

mỗi sớm mai
hồn anh lút lội
người quay lưng
em hơi
thôi đành
uống ngọt ngào
vườn nở hoa chanh
giàn khô qua quần trái
ngon lành
anh nắm tay anh
đời cưỡi ngao nghê
nén chân đau
độc đá sông ghềnh

em ơi
đường chân trời
hơi thở phù sinh.

NGUYỄN-ĐÌNH-GIANG
(Dalat)



VUA HÁT XIỆC

* MINH TÂM



Ồ! vua hát xiệc Barnum tới Nữ-ước, chàng còn nghèo lắm. Trong túi Barnum chỉ vòn vẹn có 500 đô la. Chàng phải xoay sở mãi mới vay thêm của bạn bè được 500 đô la cho

vừa đủ số tiền mua mụ Joyce Heth, một người da đen, trước đây làm vú nuôi Tổng - Thống Washington.

Mua xong được mụ Heth, Barnum liền mở một « chiến-dịch quảng cáo ». Anh ta tuyên-bố ăm ỉ là sẽ mang trình diện trước công chúng một người đàn bà già nhất thế giới, 161 tuổi, ngón chân, ngón tay dài đến 6, 7 tấc !

Thiên-hạ hiếu kỳ đổ xô đến rạp Barnum để thỏa mãn tính tò mò, và đã « tặng » cho chàng tới 500.000 phật lạng vàng trong mấy tháng đầu.

Cái « trò bà già » này, Barnum đã diễn được khá lâu mà vẫn đông khán giả ? Chỉ một cái « thuật » nhỏ của Barnum cũng đủ làm cho những kẻ chưa được xem « trò bà già » náo nức, và những kẻ đã xem qua cũng cảm thấy cần phải coi lại. Có gì đâu : Khi thấy số khán giả có vẻ vãn, Barnum liền khôn khéo viết một bức thư gửi đăng ở các báo, mạo

danh là « một nữ khán giả đã xem bà già của Barnum », trong thư « nữ khán giả » ấy cho rằng bà già 161 tuổi trong rạp của Barnum chỉ là một người giả, làm bằng cao-su ! Tin này tung ra làm cho thiên-hạ ngờ vực và kéo nhau ò-ạt tới để xem mụ Joyce Heth là giả hay thật ! Thế là Barnum lại tha hồ mà hốt bạc cả.

Nhưng bởi khán giả đua nhau tới xem mụ Joyce Heth đông quá, những kẻ hiếu kỳ này đã làm rộn mụ Heth quá nhiều. Khi vào rạp, kẻ thì sờ tay mụ ta xem thật hay giả, người thì gọi chuyện với mụ ta. Vì phục-vụ khán giả quá trung-thành nên mụ Heth thấm mệt và qua đời vì bệnh ho. Barnum tuyên-bố là mụ Heth thọ được 163 tuổi. Nhưng lời tuyên-bố ấy đã bị một nhà giải-phẫu trừ danh ở Nữ-ước, có khám-nghiệm tử-thi mụ Heth, phản-đối. Ông ta cho rằng mụ Heth chỉ thọ đến 80 tuổi là nhiều !

Sau đó, Barnum mua được Viện Bảo-Tàng Vạn-Vật Học to nhất Nữ-ước, ở vùng Broadway, được đem ra phát-mại với giá 15.000 đô-la.

Viện này thật đồ sộ, trong rừng bày những động vật làm

bằng rơm, và nhiều thứ kỳ lạ khác.

Mua được Viện Bảo-Tàng rồi, Barnum liền quảng-cáo rùm beng để thu hút khách hiếu kỳ. Mỗi ngày hàng ngàn người lũ-lược vào thăm Viện, và Barnum đã « kiếm chắc » được bộn bạc : trừ chi-phí, chàng còn lời được 3 vạn đô la, nội có năm đầu.

Nhưng danh tiếng Barnum chỉ nổi dậy như cồn khi anh ta gặp được Tom Pouce ở Bridge-Ort. Tom Pouce mới được 5 tuổi, cao chừng hai gang tay, và cân nặng 7 ký rưỡi !

Barnum chú ý ngay đến chú lùn « núi của » này. Và chàng thấy ngay tương-lai rực-rỡ của mình, nếu có chú lùn Tom Pouce cộng-tác. Điều đình xong với cha mẹ Tom Pouce, Barnum liền mang cả gia-đình Tom Pouce đi Nữ-ước.

Dân chúng Nữ-ước lại náo-nức tới rạp của Barnum để xem « Đại-tướng Tom Pouce », theo giòng chữ quảng-cáo của Barnum viết khắp thành-phố : « Đại-tướng Tom Pouce đã tới Nữ-ước ».

Khán-giả được xem Tom Pouce sắm trò với hai người cao lênh khênh : 2th 15 và 2th 20 ! Tom Pouce được hoan-hô nhiệt-liệt.

và Barnum lại nảy ra ý định đem chú lùn "núi của" này chu du khắp Âu-Châu.

Và Barnum đã thực hiện ý định đó. Chẳng đem Tom Pouce qua Anh quốc. Chuyển đi này chính Barnum cũng không ngờ lại kết quả đến quá mức chàng dự định.

Gánh xiếc Barnum biểu-diễn tại rạp Egyptian Hall ở Luân-đôn. Thành-công mỹ mãn. Và Barnum lại cố vận động để vào trình diện với Nữ hoàng Victoria. Được chấp thuận, "Đại Tướng Tom Pouce" theo Barnum cao 1th, 90, vào ra mắt Nữ-Hoàng.

Buổi ra mắt này có cả Hoàng-Đế và Hoàng-hậu Bỉ quốc, là Thượng khách của Nữ-hoàng cùng chứng kiến.

Tom Pouce sắm vai Napoléon, được cử tọa hoan hô nhiệt liệt. Nữ Hoàng rất hài lòng, ngài tặng Tom Pouce một chiếc hộp đựng thuốc lá nam ngọc.

Sau đó, Barnum và Tom Pouce còn được vời đến trình diễn 2 lần trong điện Buckingham và được các Hoàng Tử de Galles và Edonard VII tiếp đón niềm nở thân mật.

Sau khi thành công ở Luân-đôn, Barnum đem Tom Pouce qua

Ba-Lê và đã được Hoàng-Đế Philippe tiếp đãi niềm nở, và tài nghệ của Tom Pouce cũng được Ngài khen ngợi.

Barnum lại khéo léo xin được với Hoàng-Đế Philippe cho Tom Pouce được cái vinh dự tham dự cuộc duyệt binh ở Longchamp.

Tom Pouce đã được "ngự" trên một cỗ xe tứ mã, tháp tùng xe của Hoàng-đế và các quan khách. Khi xe của Tom Pouce (mà anh xà ịch lên 6 tuổi!) đi qua, công chúng hò nhau hoan nghênh "Đại Tướng" quá cỡ.

Các buổi trình diễn ở Ba Lê đã làm cho Barnum thu được khá bội bạc. Đêm nào Barnum cũng phải mượn xe chở tiền về nhà! Nội buổi trình diễn ở rạp Musard cũng đã thu được 5.500 phật lạng vàng!

Barnum còn có nhiều sáng kiến ngộ nghĩnh hơn nữa. Chẳng hạn như chàng dự tính mua hẳn ngôi nhà của kịch-sĩ trứ danh Shakespeare để rở lấy về cất lại trong viện Bảo-Tàng của mình. Nhưng sáng kiến đó, vì một cản trở, Barnum không thực hiện được.

Cây táo ở nhà Bá-Tước Byron cũng làm Barnum ước muốn, vì trên thân cây có tên của Byron,

do chính Bá-tước khắc lấy. Barnum đã dám trả tới 500 đồng Livres, nhưng cũng không mua được.

Về sau, Barnum xây dựng một tổ uyên ương thật kỳ lạ, để kỷ-niệm cuộc tình duyên đẹp đẻ của vợ chồng chàng. Cái tổ ấm đó kiến trúc thật lập dị: nó lại căng cả Thỏ-nhi-Kỳ lẫn Trung-Hoa! Trong tòa nhà kỳ lạ nhất thế giới đó, Barnum nuôi đủ dị thú, trồng đủ dị thảo, kỳ hoa.

Barnum còn là một con chiến rất ngoan đạo. Có một buổi, sau khi nghe giảng ở nhà thờ trở về, Barnum tỉnh ngộ, chàng xuống hầm rượu mang 2000 chai sâm banh hạng quý mua tận bên Ba-Lê đem đổ xuống cống! Và từ đó Barnum cai hẳn rượu. Chàng đi khắp Mỹ quốc để diễn thuyết bài trừ nạn nghiện rượu.

Barnum đã trở thành ông vua không ngại vàng nhờ nghề hát xiếc, nhưng chàng vẫn còn có tham-vọng cải tiến nghệ thuật của mình.

Và chàng đã mời nữ ca sĩ Thụy-diễn Jansuy Lind nhập gánh. Lind nhận lời với điều kiện thù lao 1000 đô-la một bản hát.

Barnum lại quảng cáo rầm rĩ. Báo chí cũng nói nhiều đến ca

sĩ trứ danh Jansuy Lind, và Barnum lại tha hồ ních tiền chặt hầu bao.

Khi Jansuy Lind, lá bài của Barnum tới Nữ-ước, nàng đã được 30.000 người ái mộ, tiếp đón. Vui mắt nhất là đám nhân viên gánh Barnum: kẻ cao lênh khênh, người lùn tịt!

Rạp Castle Garden, gồm 10.000 chỗ ngồi, được Barnum thuê làm nơi trình diễn. Vé bán theo lối đấu giá!

Bác thợ mũ Génin đã mua được tấm vé đầu tiên với giá 225 đô la! Cửa hàng của Génin nhờ đó mà nổi tiếng.

Ngay buổi trình diễn đầu tiên, Barnum thu được đến 200.000 đô la! Thật là kỳ-lục.

Gánh xiếc Barnum gồm có 18 con voi và "Đại tướng Tom Pouce" đi khắp Âu châu trình diễn.

Con đường danh vọng của Barnum rộng thênh thang, và chàng bước rất nhanh.

Nhưng đến năm 1856 Barnum bị phá sản vì bỏ tiền chung vào việc khuếch trương kỹ-nghệ đồng-hồ.

Nhưng với tài trí của Barnum, chàng đâu có chịu. Nội một đêm tài "Tôi làm giàu bằng cách nào?" cũng đủ cho Barnum diễn

thuyết khắp nước Anh, tới 5000 lần, và người mua vé đi nghe Barnum diễn thuyết đông như kiến.

Chỉ một năm sau, Barnum lại phục hồi được gia sản.

Vào dịp Tổng Thống Lincoln tiếp các vị Đại Diện của dân da đỏ, Barnum liền nảy ra một kế làm tiền. Chàng mời bằng được các vị đại diện da đỏ về "ngự" ở Viện Bảo Tàng.

Dân chúng lại náo nức đến Viện Bảo Tàng của Barnum để mua vé vào coi các vị đó. Về sau, các đại diện dân da đỏ biết rõ thâm ý của Barnum là chỉ vì muốn kiếm chác, chớ chẳng có hảo ý gì với họ cả, nên họ nổi giận.

Barnum sợ quá phải trốn đi mất 3 ngày vì sợ dân da đỏ trả thù.

Năm 1861, Barnum mua được 2 con cá voi lớn ở Gia-nã-đại, nhưng vì chưa biết cách nuôi, nên 2 con cá ấy bị chết. Nhưng Barnum lại mua được 2 con cá khác.

Trong khi Barnum đang diễn thuyết ở Hartford, vì chàng vừa trúng cử nghị sĩ, thì được tin viện Bảo Tàng của chàng bị hỏa hoạn, 2 con cá voi bị chết thiêu, mùi

hôi thối xông khắp thành phố đến 2 ngày ! Một con gấu và nhiều thú dữ khác xông chuồng chạy loạn xạ ngoài phố, làm cho dân chúng bị một phen khiếp đảm.

Bốn tháng sau, Barnum lại lập Viện Bảo Tàng, nhưng 2 năm sau lại bị cháy.

Tuy chán nản, nhưng Barnum cũng quyết tổ chức một gánh xiếc lớn nhất thế giới. Và chàng đã có 1 dịch thủ lợi hại : gánh xiếc Bailey.

Hai gánh cạnh tranh kịch liệt suốt 10 năm ròng rã, và cuối cùng gánh Bailey đành phải hòa hoãn để gia nhập gánh Barnum.

Tiếng tăm Barnum lúc đó cao vút tận trời xanh. Đâu đâu cũng nhắc đến tên Barnum đến nỗi các học sinh ở Mỹ cứ tưởng lầm Barnum là Tổng - Thống Mỹ-quốc !

Khi nhắm mắt, Barnum vẫn còn lo việc làm ăn cho gánh xiếc vĩ đại của mình. Câu nói cuối cùng trong đời vua hát xiếc Barnum với người bán vé của gánh Barnum là :

— « Tối nay thu được khá chứ ? »



Chương II

(Tiếp theo P.T. số 36)

AY thế mà thỉnh thoảng lại có một độc giả, một cậu học-sinh còn nhỏ tuổi, hoặc một ông vô-danh nào đó, bỏ ra năm mười đồng bạc mua một mớ trí thức về văn hóa, nếu không thì mượn của bạn bè về xem, xem cho đã rồi viết thư đến tòa báo bắt tròn bắt méo, với một giọng trịch thượng như kẻ cả, hồn xược,

hoặc làm thầy đời với một mớ « đạo đức » ba xu. Tôi không biết những bức thư ấy nhà văn có giữ lại trong tủ kiến để làm kỷ-niệm hay không, nhưng dù sao nghĩ cũng tội nghiệp cho những kẻ đã cặm cụi trong đêm khuya, tận-tụy, âm thầm, rút hết đầu óc ra tưởng rằng để cống hiến cho đồng bào một chút ít tài sơ trí mọn của mình !

Ngẫm lại bài thơ *Le Pélican* của Thi-sĩ Alfred de Vigny mà thương xót cho số kiếp của con nhà cầm bút !



Đời sống vật chất của các nhà văn Việt-nam thời tiền chiến cũng không khác gì mấy thời bây giờ. Không những đầu thế-kỷ XIX mới có một ông NGUYỄN CÔNG-TRỨ học thật giỏi, thơ thật hay, mà sống trong gia đình thì quây đi quảnh lại vẫn :

Một thầy, một cô, một chó cái.

Day mấy mụn học trò đề kiếm tiền độ nhật, thì toàn một lũ học trò nghèo :

Nửa người, nửa ngòm, nửa đười ươi

Không những cuối thế-kỷ XIX mới có một ông TÚ-XƯƠNG mà quanh năm :

Gạo cứ lệ ăn đong bữa một.

Ngay trong thế kỷ XX, nhất là thời tiền chiến, kinh-tế khá dồi-dào, đồng tiền dễ kiếm, mức sống chung của nhân dân cũng không đến nỗi thấp kém, thế mà đời sống của các nhà văn cũng đâu có rộng rãi gì.

Công chúng Việt - Nam trước 1945, và cả bây giờ, đều ham chuộng các truyện tả chân xã-hội

của VŨ - TRỌNG - PHỤNG, thiết thực tàn nhẫn và chua chát như JACQUES LONDON, nhưng công chúng có biết đâu vợ chồng VŨ-TRỌNG-PHỤNG cũng :

« Gạo cứ lệ ăn đong bữa một » hơn gì vợ chồng ông Tú Vĩ-Xuyên ! TẢN-ĐÀ NGUYỄN-KHẮC - HIẾU cũng thế. Lúc nhà thơ của *« Giấc mộng con »* dọn về ở Ngã tư Trung-Hiền để làm nghề bói toán và dạy học, thì rõ ràng trong gia đình của ông cũng như của Nguyễn-công-Trứ, vòn-vẹn: *« Một thầy, một cô, một chó cái »* và năm ba đứa học trò *« Nửa người, nửa ngòm, nửa đười ươi »*, trông thật là thảm-hại.

CỤ Á-NAM TRẦN-TUẤN KHẢI, tác giả hai tập thơ *Duyên nợ phù-sinh* và *Bút-quan Hoát*, có một giá trị đặc sắc nhất lúc bấy giờ, và ảnh hưởng trong đám thanh niên đương thời không ít, vẫn sống cuộc đời rất thanh đạm, như một hàn sĩ thuở xưa. Trần-tuấn-Khải không rượu chè be-bét như Tản-Đà, nhưng vẫn không được phong lưu thư thái.

Khô nhất là NGUYỄN VĂN

VĨNH, đã có cô vợ dầm lai, lại bạn hữu rất đông, phần nhiều là bạn giàu sang, các nghiệp chủ lớn, các ông Tây có uy-thế trong chánh quyền, công việc thù tạc về xã-giao đòi hỏi nơi ông một mức sống không thể giản-dị thanh-bần được, cho nên ông cứ mang nợ suốt đời. Cá-nhân của ông rất là khiêm-tốn, nhưng giá sử ông bỏ nghề nhà Văn mà đeo đuổi theo hoạn-lộ thì đâu đến nỗi ông phải chật vật quanh năm. Sự-nghệp Văn - chương của NGUYỄN-VĂN-VĨNH rất lớn-lao : sách sáng tác, sách dịch, in ra liên-tiếp, thế nhưng đâu phải những bản-quyền tác-giả ấy đã nuôi sống được ông và cả gia-đình ông. Ông nghèo túng như thế, cho nên khi mở ra tờ báo *L'Annam Nouveau*, với một số vốn vay mượn, ông tuyên-bố ngay trên số 1 của báo ông, đại ý như sau đây : *« Tờ báo này sẽ không gởi biếu ai cả, dù là các bạn thân của tôi. Nhất là các bạn thân nên mua báo dài hạn để ủng-hộ tờ báo. Xin các bạn thân của tôi thông-cảm cho. Tôi rất cảm ơn. »*

Mặc dầu ông cố-gắng điều- khiển tài-chánh để cho tờ báo

ông phát-dặt, tờ *L'Annam Nouveau* vẫn bị phá-sản, sau vài năm bị lỗ-là quá nhiều. Ông đành giao nó lại cho ông LÊ-THĂNG cai-quản.

Biết tình hình tài-chánh của nhà Văn-hào Nguyễn-văn-Vĩnh như thế, cho nên một lần con trai của ông, là Thi-sĩ NGUYỄN NHƯỘC PHÁP nói với tôi rằng, hôm chiều thứ Bảy vừa rồi gia-đình anh chỉ ăn cơm với rau muống luộc và đậu-phụ chấm tương, tôi tin ngay lời nói của anh.

Tập thơ *« Ngày xưa »* của NHƯỘC PHÁP bán được nhưng lỗ vốn, vì anh tặng cho bạn bè nhiều quá, trái hẳn với cụ Vĩnh chủ-trương đừng tặng sách báo cho ai.

HUY THÔNG xuất bản *« Tiếng địch Sông Ô »* 2.000 quyền, bán 3 năm chưa hết. Nhưng anh không cần, vì nhà anh giàu, cha mẹ của anh có một tiệm vàng lớn nhất ở phố hàng Bạc. Có thể nói rằng trong làng Văn Hà-nội thời Tiền chiến, chỉ có Huy Thông là người duy-nhất không cần sống về tiền bản-quyền các tác-phẩm của mình.

Nhóm **TỰ LỰC VĂN ĐOÀN** thì có lẽ giàu lắm, nhưng tôi nghe nhiều bạn nói rằng chỉ có **NHẤT LINH** là nhà tư-bản thực thọ, chứ **KHÁI HUNG** và **THỂ LỬ** vẫn phải sống riêng biệt với những tiền bản quyền và một số lợi tức do **NHẤT LINH** chia cho.

Thực ra, theo tôi biết, **THỂ LỬ** vẫn sống cuộc đời bình-thường, không có gì xa xỉ cả. Anh vẫn ở nhà thuê, hùn với ba bốn người bạn mướn một căn lầu ở gần chợ Cầu-Giấy, **KHÁI HUNG** thì rất là giản-dị, và tuy là anh ở ngay nơi tòa báo «*Ngày Nay*» đường Quan-Thánh, nhưng nhiều bạn cho biết rằng biệt-thự xinh đẹp ấy là của **NHẤT-LINH**, **Khái-Hung** chỉ ở trọ đó mà thôi.

Ngoài nhóm **Tự-Lực** ra, tất cả các nhà Văn khác đều nghèo thật sự. «*Tiểu thuyết thứ Bảy*» của **VŨ ĐÌNH LONG**, chủ nhà in và nhà xuất-bản *Tân Dân* phố hàng Bông, thu hút một số nhà Văn khá đông, nhưng chính tờ báo ấy chỉ làm giàu thêm cho nhà tư-bản họ **Vũ**, chứ anh em nhà Văn chẳng có lợi lộc gì.

Một vài anh lính lương tháng, cũng như viết thuê, như **LƯU TRỌNG-LU**, (chỉ một thời gian) **LAN-KHAI**, **NGUYỄN CÔNG HOAN**... Các anh khác bán bản quyền các bộ tiểu-thuyết, hoặc chuyện ngắn, như **TCHY A**, **VŨ BẮNG**, **NGUYỄN-TRIỆU-LUẬT**, **THANH-CHÂU**, **NGỌC-GIAO**...

Viết lính lương tháng, hay là bán bản quyền, các anh ấy cũng không được tài-chánh dồi-dào phong-phú lắm. Chẳng hạn như **LAN KHAI**, **LƯU TRỌNG-LU**, **VŨ-BẮNG**... trong túi xốc-xếch bạc tiền chỉ được ba bốn hôm đầu tháng, qua đến mùng 5 mùng 6, anh nào cũng cạn túi sạch trơn, chẳng còn dính một xu. Không có tiền, tài ông Văn-sĩ nào cũng đi lang-thang, đầu không đội nón, có khi chân không mang bít-tết, (vớ).

Từ nhà đến tòa báo, các anh ấy đi bộ là thường, hoặc đi tàu điện, từ chợ Hôm, hoặc cầu Giấy, Khâm-Thiên, Ở chợ Dừa, tới Bờ Hồ, hay Hàng Bông, một cái vé 2 xu. Đứng lẫn với những gánh cá, gánh rau, giỏ cua, bao bắp, của mấy cô gái quê ở Hà-

Đông, ở Bưởi, đem xuống các chợ Hà-Thành.

Nghèo, nhưng tự-do, vui vẻ. Cô con gái của cụ Lý Đình-Dù nói chuyện cũng duyên - đáng không kém gì nhà Thơ của «*Con Nai Vàng*» hay tác giả «*Một hạt mận*». Có những chuyến đi tàu điện là đầu đề của một chuyện ngắn, hoặc một bài thơ vô cùng lý thú, đăng trong *Tiểu-thuyết thứ Bảy* tuần sau, mà độc giả không ngờ. Nếu tôi không lầm thì bài thơ «*Hai sắc hoa ti-gôn*» hình như đã được thai-nghén sau một chủ-nhật đi trên tàu điện ra một vùng ngoại-ô Hà-nội, Tác giả bài ấy là ai, tôi không biết rõ, nhưng chắc chắn là một nhà văn hôm đó trong túi chỉ có 2 xu để đi tàu điện!

Nhưng đầu tháng, mấy ông nhà văn nhà thơ có tiền rồi, hoặc những hôm mấy ông vừa bán được bản quyền một quyển sách thì... thôi, kinh thành Thăng-Long dùng có hồng thấy mặt họ nữa. Họ biến đâu mất cả.

Họ đi đâu? Có một quán thịt chó ở góc Ô chợ-Dừa và một quán cũng thịt chó bên hông chợ Hôm, cứ đến đấy là gặp năm ba anh. Đây thường thường là nơi quần tiền tụ hội mấy ông tiền **LƯU** -

TRỌNG-LU, **LÊ - TRÀNG-KIỀU**, **NGUYỄN-XUÂN-HUY**, **LAN-KHAI**, **VŨ-TRỌNG-PHỤNG**...

Thịt chó ăn với củ riềng, uống rượu Vân-diên, là sở trường của mấy anh mà tôi vừa kể tên.

TRƯƠNG-TUU có tiền, thế nào cũng tự đãi cho mình một bữa tiệc chả cá, đầy ẹp một mâm, trên một gác nhỏ chật hẹp ở phố hàng Cân, xong rồi mặt đỏ như quả gấc, xuống cầu thang, ra đường kêu một chiếc xe kéo «*tân thời*» hiệu *Omic*, cút thẳng về Gia-Lâm.

Cũng có những anh biết đem tiền về cho vợ, như **VŨ-TRỌNG-PHỤNG**, có bao nhiêu đưa hết vợ bấy nhiêu, không giữ riêng một đồng nào. Bữa cơm của anh hôm ấy có thêm một món thịt heo quay, và hủ gạo được đồ đầy đủ dùng trong một tháng. **LAN-KHAI** thì chỉ đưa cho vợ một nửa số tiền, còn dấu riêng một nửa trong túi quần để đi hút thuốc phiện và đi hát ả đào: hai thú tiêu khiển của anh. **LÊ-VĂN-TRƯƠNG** thì huênh - hoang cười nói bô bô, gặp bạn nào ngoài đường cũng nắm tay lôi về nhà cho kỳ được. Vừa xuống xe

bước vào sân là anh đã gọi oang oác lên, cả xóm ai cũng nghe :

— Mợ ơi, mợ ! Tiền đây, đi chợ nhanh lên, mua thật nhiều hoa huệ và hoa lê - đơn nhé. Có mấy anh đến chơi đây, mua gà, vịt về làm gỏi nhé. Nhớ mua chai rượu Cognac ! Này, mợ ơi ! Ra đây ! Mau lên chứ không thì tụi này kéo nhau ra Ngã-tư-Sở, chỉ cho các cô em hết đây ! Đ mẹ cái thằng xuất bản, anh hỏi nó 30 đ, nó chỉ đưa có 20 đ ! Cái thằng khốn kiếp ! Mợ dẫu, ra đây . . . Này, tiền đây, em đi nhanh lên ! Sân xe còn chờ ngoài

cổng kia...

Anh nói một thôi một hồi, ầm ỉ cả lên. Hôm ấy cả xóm ai cũng biết là Lê-văn-Trương vừa mới bán được một quyền tiểu-thuyết.

(còn nữa)

Khi nào hết loạt bài này, sẽ kế-tiếp liền quyền thứ hai : **VĂN SĨ THI SĨ HẬU CHIẾN**. Sẽ nói đến một số nhà Văn và nhà Thơ Bắc, Trung, Nam, có giá trị chân chánh, có học thức và tài năng, có sự nghiệp văn-chương đáng đề ý, hoặc có nhiều hứa hẹn tương lai, hiện đang sống ở Saigon.



★ CHÓ TRUNG THÀNH

Một bà nọ muốn mua lại một con chó xinh xắn của ông láng giềng nhưng bà còn hơi ngần ngại :

— Không biết con chó này nó có trung thành và thông-minh lắm không ông ?

— Nó rất khôn ngoan và trung thành với chủ, bà ạ ! Bằng cớ là tôi đã bán nó ba lần rồi mà lần nào nó cũng lên trở về với tôi cả. Xin bà cứ mua đi, đừng ngại, tôi bảo đảm mà !

★ TIỀN PHÒNG

Một tên cướp cạo lột vào khách sạn, đến gõ cửa định khảo tiền một họa sĩ : — Chìa khóa từ đâu ? Bóp tiền đâu ? Đưa cho ta mau lên !

Họa sĩ : — Ông ơi ! Ông qua mà cướp mấy phòng bên kia đi. Có lẽ họ chưa đóng tiền phòng !

V C.

Giải oan

Từ tình sương, cảnh-trĩ Tấn Dương thành đảo não-nhiệt ồn-ào khác thường, hàng ngàn bá tánh lũ lượt tiến về cửa thành phía tây.

Dân chúng đều mặc đồ mới lũ lượt từng đoàn năm ba người, nói cười vui vẻ tiến ra thành, hai bên phố phường cờ xí rợp trời vươn lên giữa bầu trời xanh biếc, bay phất phới trong gió thoảng từng cơn.

Nhà nào cũng đặt bàn hương án, khói trầm bay nghi ngút quện lẫn

cảng vàng ban mai chiếu le - lói.

Một chàng trai trẻ chừng như từ phương xa đến nên cách ăn mặc có vẻ võ sinh.

Quần áo lam bó chên, đầu chít khăn vuông, hông đeo thanh

trường kiếm sáng quắc. Vai mang bị hành trang, gương mặt chàng khôi-ngô tuấn-tú và nhất là cặp mắt sáng hoắc như sao mai.

Chàng bước vào một tiệm rượu, gọi tửu bảo đến bên cạnh hỏi :

— Hôm nay lễ gì mà Tấn-Dương thành tấp nập vậy ?

Tửu bảo ngạc nhiên nhìn chàng trai lại đoạn hỏi :

— Thưa ngài hãn từ phương xa mới đến nên chưa rõ hôm nay

là lễ khánh-thành cầu Xích-Kiều à ?

Chàng trai sáng mắt lên, nhưng

giả vờ như chẳng có điều gì, chàng mỉm cười bảo tên hầu rượu :

— Người đem cho ta hai vò rượu và thịt nhắm nhé !

Tửu bảo dạ, vâng rồi lui đi.

NGUYỄN HƯƠNG

trong khi chàng trai gật-gù :

—Hừ, ngày tàn của Triệu-Vô Tuất đã đến rồi, ta phải chờ xem ... mới được..

Nguyên cây cầu Xích-Kiều này rất to lớn và nổi danh của đất Tấn-Dương làm toàn bằng đá và bắc qua khe Phụng - Khê, khe rất rộng cầu phải xây cao, kẻ cũng là kỳ công của thời bấy giờ, cầu khởi công được ba năm và đã tổn hao không biết bao nhiêu của và nhân mạng. — lúc bấy giờ Chúa Trí Bá trị vì dân chúng vùng Tấn Dương vốn người nhân nghĩa. Nên trước cảnh gồng gánh vất vả và tổn hao của dân chúng. Trí-Bá động lòng bèn ra lệnh xây cầu ngắn lại để bớt đi những đoạn quanh co, có thể làm chết nhiều người.

Cầu khởi công chẳng bao lâu thì Trí-Bá bị chết thảm thương, chỉ vì tư thù mà Trí-Bá bị quan Đại-phu là Triệu-Vô-Tuất hãm hại và cũng từ đó, thành Tấn-Dương đã thay đổi chủ. Công việc xây cầu bị đình chỉ một thời gian nhưng khi Triệu-vô-Tuất đã thu phục nhân tâm đâu ra đấy, liền nghĩ lại việc tiếp tục xây cầu, hoàn thành kỳ công bỏ dở của Trí-Bá. Và thêm hai năm nữa

hôm nay cầu được làm lễ khánh thành.

Ánh Thái-dương lên đã mấy sào, bá tánh vẫn kéo nhau đi về phía cầu dự lễ, chàng trai bí mật vẫn ung dung uống rượu như không có gì xảy ra, nhưng đề ý sẽ thấy chàng chốc chốc lại hướng mắt về phía hoàng thành...

Bỗng dân chúng đang tập nập phải rạt ra hai bên đường, rồi một đoàn kỵ mã ăn mặc sặc sỡ phi ngựa về hướng cầu, bọn chúng thét lên vang một phía để lại sau một đám bụi mờ...

Lát sau thêm một đoàn người từ trong thành của Chúa Triệu-Vô-Tuất tiến ra trước sự hoan hô của dân chúng, đi đầu là một vị quan mặc cầm bào đỏ, tay cầm trường thương, lưng đeo kiếm, cưỡi ngựa long cu sắc hồng. Vị quan đó chính là Triệu-Vô-Tuất, ông đang nhìn về phía cầu dương dương tự đắc, vị Chúa thành thích quá, cho ngựa lướt nhanh và mắt rời nhìn về phía xích-kiều, từ xa chiếc cầu nổi bật lên nền trời, trong vắt, đỏ chói dưới ánh sáng chói chang.

Triệu-Vô-Tuất ra roi cho ngựa phóng nhanh hơn. Nhưng một viên

tướng hầu cận đã giữ lại và tâu :

— Thừa chúa công, xin hãy dừng bước. Đợi thần cho người đi thám thính trở về sẽ đến kháng thành cũng chẳng muộn... và lại còn sớm lắm.

Triệu-Vô-Tuất ngạc nhiên nhìn viên tướng hầu cận và nói :

— Thám thính ư? sao lại phải cẩn thận và chu đáo thế. Ta là chúa cả thành Tấn-Dương này còn ai dám hại hay chống lại ta.

— Thần nào phủ nhận oai quyền của tướng công. Thần chỉ ngại tên môn hạ trá hình vào dinh ta năm qua thôi !

Triệu - Vô - Tuất như nhớ ra nhưng cười lên sần sặc :

—Ta nhớ lắm chứ, tướng quân muốn nhắc đến Dự Nhượng chứ gì ? Từ ngày được ta ra ân tha chết y đã bỏ đi rồi mà. Còn ngại chi nữa hử tướng quân ?

Vị quan cận thần vẫn cương quyết bảo vệ lập trường của mình :

— Theo sự điều tra thì hạ thần được biết y vừa mới xuất hiện và lảng vảng quanh đây từ sáng nay thôi.

Triệu-Vô-Tuất không đáp lại vị quan hầu cận ; gật phắt ra bên rồi ra roi cho con long cu tiến tới, đoàn phụ cận cũng phi theo như

bay tới đầu bụi tung mù trời đến đấy, ghim chặt cương ngựa mặc cho con đường đến gần, Triệu-Vô-Tuất miên man suy nghĩ, tuy ngoài mặt bình thản, thật ra trong lòng vị chúa tể thành Tấn-Dương đang lo ngại vô vẩn. Năm ngoái cũng đã một lần Vô-Tuất suýt chết vì Dự-Nhượng...

Dự-Nhượng là một tài tử trẻ trung trước kia là thuộc hạ tín cẩn của Trí-Bá ngày chủ tướng bị hại, Dự-Nhượng đã bẻ gươm rạch da tay lấy máu tế trời thề báo thù cho chủ.

Nhân khi trong Tấn - Dương thành hây còn bất an, Dự - Nhượng đã khôn khéo len lỏi được vào dinh của Triệu-vô-Tuất để xin làm gia nhân.

Suốt mấy tháng trường phục dịch lớn cú, Dự-Nhượng ôm hận chờ đợi nhiều đêm hắt đã khóc than :

— Hồn chúa công có thiêng xin chứng tri cho lòng thuộc hạ. Tôi nguyện sẽ trả thù cho chúa công dù chết cũng chẳng sờn lòng...

Cho đến một đêm, Triệu-vô-Tuất sau một ngày mệt mỏi vì trông nom việc xây cầu lại nhậu say túy lúy, lợi dụng cơ hội tốt Dự-Nhượng tay cầm đoản đao

lên vào vừa toan hạ thủ kẻ địch thì gia nhân hay được tri hô lên :

— Thích khách ! Thích khách !

Dự-Nhượng bỏ chạy thoát thân ra ngoài màn đêm u tối. Tướng-sĩ định đuổi theo bắt lại nhưng Võ-Tuất cản lại không cho nghĩ rằng Dự-Nhượng vì trung nghĩa mà giết mình. Vậy phải lấy nhơn tâm mà mua chuộc...



Cầu Xích-Kiều hùng vĩ hiện ra bắc ngang qua khe trông vượt hẳn lên không trung.

Triệu-võ - Tuất ghìem cương ngựa nhìn công trình của mình, còn đang mê mẩn thì một tiếng thét xé tan sự im lặng :

— Triệu-võ-Tuất ngày tàn của mi đã tới, phen này đừng hòng thoát.

Con long cu chồm tới gầm lên, và từ bên cầu một bóng đen vọt ra loan đoản đao chém Triệu-võ-Tuất, dân chúng thấy lộn xộn hoảng hốt chạy toan loạn, bây giờ nhìn kỹ thì nhận ra đó chính là chàng trai lúc sáng mà cũng chính là Dự-Nhượng, Triệu-võ-Tuất vừa kinh ngạc kêu lên :

— Trời, lại Dự-Nhượng xuất-

hiện hại ta...

Đám binh sĩ hầu cận Võ-Tuất nhanh nhẹn rút kiếm xông vào nghênh đầu, chàng trai trở tài kiếm pháp loan đi vùn vụt, mỗi đường kiếm là mỗi thầy người ngã gục nhưng sức người có hạn, mảnh hồ nang địch quần hồ, nên chẳng mấy lúc Dự-Nhượng bị bắt trời và điệu tới trước Triệu-Võ-Tuất...

Một viên thuộc tướng giật mình la to :

— Trời, không phải Dự-Nhượng mà là tráng sĩ đất Tấn-Dương...

Lạ thật, tráng sĩ và Triệu-Võ-Tuất là hai người nào có thù oán chi đâu sao lại đi giết nhau.

Người ta được biết tráng-sĩ Tấn-Dương vì chàng từng cứu và giúp đỡ dân chúng chống lại bọn tham - quan của Triệu-Võ-Tuất. Nhưng chẳng ai biết tên là gì. Vì thế phải gọi chàng là tráng-sĩ Tấn-Dương để nhớ ơn. Kể từ ngày Dự-Nhượng thoát thân thì Tấn-Dương xuất hiện, ngày chàng vào các tửu quán nhâm nhi khi thì lúc quần áo gọn gàng lúc lại rách rưới, hết lang thang hang cùng ngõ hẻm lại ra chợ ngao-du... hành tung của

chàng vô cùng bí mật, lúc này Võ-Tuất ngờ là Dự - Nhượng ám-hại mình, giờ nhận ra kẻ lạ vô cùng ngạc nhiên. Tấn-Dương tráng-sĩ bị dẫn tới đầu ngựa của Võ-Tuất thế mà vẫn hiên ngang oai hùng mặt không thay đổi khí-sắc Võ-Tuất quát :

— Tên diên kia, mi là ai vô cớ cả gan hại ta chứ ?

Tấn-Dương cười lên khảnh khách đáp giọng sang sảng :

— Là ai ? Người hỏi lạ nhì. là kẻ thù bất cộng đái thiên của mi chứ còn ai. May cho Võ-Tuất lắm đa, ta dài gió dầm sương suốt hai năm nay chỉ chờ dịp này... Chúa ta bị người hại oan... Thù này ta mang mãi mãi khi nào trả xong ta mới toại chí..

Nói xong, Tấn-Dương đưa tay lột khăn chích và vuốt mặt mấy cái. Khiến Võ-Tuất nhìn ra rất quen — trong lúc viên thuộc tướng hoảng hốt :

— Trời Dự - Nhượng Chúa Công ời !

Hắn là Dự-Nhượng trá hình từ mấy năm nay... thần nói có sai đâu.

Thảo nào Võ Tuất nghe giọng nói khàn khàn rất quen mà không nhận ra. Vị Chúa Thành Tấn-Dương ngạc nhiên vô đôi. Ngài

không ngờ tráng-sĩ Tấn-Dương được dân chúng ca tụng lại là Dự-Nhượng, tên gia-dinh năm nào, đã ám hại huyệt ngài. Vừa tức vừa sợ, Võ-Tuất quát :

— Quân Bội nghĩa, năm xưa ta tha chết cho người mong vì ơn ấy mà bỏ thù xưa — nào ngờ người quả là tên bạc nghĩa.

Dự Nhượng cất giọng cười ghê rợn lạnh lạnh giữa ba quân gươm giáo tuốt trần :

— Quên thù ư ? Nhà ngươi là chúa cả thế mà biết một chữ chẳng tường hai. Ta làm sao quên ơn người, nhưng chủ chúa chưa trả xong ta đâu dễ dàng quên như vậy. Ta phải giết người cho trọn đạo chúa tôi. Còn ơn kia khi nào người bị ta trả thù xong, ta sẽ thờ người để trả nghĩa. Đâu vì ơn riêng mà ta quên nghĩa cả sao. Võ-Tuất ời ! Bắt được Dự Nhượng này hãy giết đi nếu không ta cũng sẽ giết người.

Giọng ngạo-mạn của Dự-Nhượng khiến tướng sĩ của Võ-Tuất tức uất nhưng vì lệnh chủ chưa ra đành hậm-hực nhìn kẻ thích khách. Võ-Tuất suy-nghĩ giây lát rồi thần nhiên ra lệnh :

— Khoan giết y đã, các tướng sĩ hãy chờ trời cho Dự-Nhượng. Một con người trung nghĩa như thế ta đâu nỡ xuống tay. Còn Dự-Nhượng, thêm một lần nữa ta tha chết hãy bỏ đi là hơn.

Thái-độ bất ngờ của Triệu-vô Tuất khiến quan-quân ngạc-nhiên lẫn cảm phục khôn xiết. Trái lại Dự-Nhượng vẫn găng giọng :

— Này Vô-Tuất đừng hòng lấy nghĩa mà mua lòng ta. Dù tha ta mấy lần đi nữa, ta vẫn giết người, nghe chưa ? Nói trước để người phòng thân sau này chớ gọi ta bất nghĩa.

— Được không sao, ta tha người vì cảm kích sự trung quân, một mai có bị người giết ta cũng hả dạ vì không giết một người biết nghĩa tín, người vì nghĩa mà trả thù ta cũng vì nhân mà tha chết...

Nói đoạn Vô-Tuất truyền cho quân mở trời cho Dự-Nhượng và truyền cho đi, Vô - Tuất còn nói thêm :

— Này Dự-Nhượng, ta sẵn sàng chờ chết, vì tay người !

Nói rồi vị chúa thành Tấn-Dương quây ngựa về dinh trước khi nhìn cầu Xích-kiều lần chót. Dự-Nhượng đứng nhìn theo bằng hoàng như cơn ác mộng vừa qua.

Và rồi, chàng trai thất thế nhưng trung tín ấy lao đảo tiến vào nội thành mang theo tiếng thở dài nào nuốt trong từng bước chân lê... chàng lầm bầm :

— Lạ làm sao, con người như Vô Tuất mà cũng trọng nhân nghĩa. Hai lần rồi đã tha ta khỏi rơi đầu. Thù xưa mang nặng; bên chúa bên ơn biết làm sao đây. Thật khó xử quá... nên trả bên nào ?!

Thế rồi từ đây hình dáng Dự-Nhượng mất lần theo năm tháng, người ta cứ ngỡ chàng đã quên mối thù mà trả ơn cho Vô-Tuất nhưng không, người ta đã lầm, Dự-Nhượng vẫn còn sống và đang co-ro trong lốt gã ăn mày nghèo khổ. Người ta không rõ gã ăn mày đến Tấn-Dương tự bao giờ, hẳn dựng một chiếc lều dưới một gốc cây đa cuối thành, ngày ngày lê la ở chợ hành khất, quần áo rách rưới, lang thang mặt mày nhợt nhợt ghê tởm.

Ban ngày hẳn ra chợ nhưng đến thời mất dạng, trong những ngày mưa rơi tầm tã, lũ con nít thường gặp hẳn ngồi trong chiếc lều trống trước hờ sau, ôm mặt khóc than tí tì ; nhưng hẳn khóc ai, vì sao nào ai rõ thấu lòng hẳn, cho đến hôm nay, một chiều mưa rả rích, bầu trời ảm đạm và buồn

tê tái, những giọt mưa lóng lánh theo từng cơn gió dai dẳng lất phất, thời lạnh thấu gan.

Trước dinh chúa Vô-Tuất một lão ăn mày co ro đứng nép mình bên gốc cây như chờ đợi điều gì. Lão ăn mày ấy chính là Dự-Nhượng. Suốt năm nay lão ôm hận chờ đợi ngày trả thù chúa. Thì ra Dự-Nhượng không quên thù xưa nhất quyết coi nhẹ ơn của Vô-Tuất trước khi trả thù cho chủ Tướng xong, nhưng khổ làm sao dịp may chẳng hề đến, từ ngày chết hụt ở Xích-Kiều và tha chết Dự-Nhượng. Vô-Tuất ít khi ra khỏi dinh, cửa lúc nào cũng bế tỏa cẩn thận.

Một năm trời cuộc đời vất vả đói khát vì hành khất đã làm Dự-Nhượng sút dần cả sức khoẻ lẫn tài nghệ, những đêm trường khốc chúa thân canh, những ngày hành khất rét lạnh đầu đình xó chợ đã biến chàng tráng sĩ Tấn-Dương năm nào trắng kiện hiên ngang ra kẻ xanh xao hốc hác mà không còn ai phân ra là Dự-Nhượng nữa. Mái tóc bù xù dơ dáy dài tận gáy, phủ lên tai, mắt hòm sâu, tay chân chỉ còn da bọc xương, manh áo tơi tả chẳng đủ vấn tẩm thân gầy còm trơ những xương của Dự-Nhượng, đã bị

bụi thời gian nhòa phai một, lớp trắng xóa...

Chiều hôm nay, biết sức mình đã mỏi mòn, lão không thể chờ đợi được nữa, nên lần mò tới dinh Vô-Tuất quyết ra tay lần cuối cùng.

Tuy đứng đợi nhưng cái rét cái đói khiến lão rung cầm cập, tai ù, mắt hoa, lão cứ muốn nằm vật xuống mà chết đi, lão uất tiết nhưng chỉ là tiếng rên rỉ vì lão đã hết cả hơi rồi.

— Chúa công ơi, thù xưa chưa trả mà sức tôi đã kiệt đi rồi... Vô-Tuất ơi, người đâu rồi... Ta đang tìm người đây... Chúa công !

Lão rờ dài đôi dòng lệ xuống má hóp như hai trái núi của lão rên rỉ, lão ngước nhìn trời u ám lần lần trở lại trong sáng vì tạnh mưa.

Trong thành Chúa Vô - Tuất chiêm trống nổi lên inh-ỏi, rồi cửa mở toang ra, mắt Dự-Nhượng sáng lên, kia Vô-Tuất đã hiện ra ngồi vắt vẻo trên lưng con long cu chậm rãi buông vó theo sau là mấy tên quân hầu cận.

Dự - Nhượng mừng rỡ cố chống chọi cái sinh khí hầu cận của lão, rút đoản đao ra và tiến

lên, nhưng chân lão đã run lên và không còn muốn tiến tới nữa, vó ngựa của Võ-Tuất đến gần, Dự-Nhượng gượng gạo nháy ra loan đoán đao, nhưng lão đã ngã quỵ xuống chân ngựa, vì Chúa thành Tấn-Dương nhìn lão khinh bạc và khiêu-khích.

— À, Dự-Nhượng đấy sao — suốt năm nay lão làm gì nhỉ ? mà ta không thấy lão ?

Lời nói khinh bạc của Võ-Tuất như những mũi kim đâm đau nhói lòng, khiến Dự-Nhượng sôi lên, lão muốn ăn tươi nuốt sống kẻ địch nhưng lão đã yếu quá rồi — lão ứa lệ rên-rỉ :

— Võ Tuất ơi. Ta khổ biết chừng nào, ta muốn giết để báo thù chủ lắm, nhưng khổ quá, ta đã yếu sức quá nhiều rồi, ta không cầm đoản-đao nổi, ta chỉ cầu xin người một điều ... chỉ một điều thôi.

Nói xong, Dự-Nhượng ném đoản đao và vó lấy gậy đoạn nói giọng yếu-ớt :

— Thù chúa trả chưa xong, ta lại sắp chết, ta chỉ cần xin người cho ta đánh vài roi lên lưng bào của người đang mặc; để gọi là ta đã trả thù

cho chúa ta trước khi ta nhắm mắt, người có ưng chăng ?

Tiếng van nài của Dự-Nhượng tha thiết và đau thương làm sao, làm xúc động cả tâm tư, sắc đá của Võ - Tuất. Cảm thương cho con người trung nghĩa, Võ-Tuất không ngần ngại cởi giáp bào đang mặc ném cho lão ăn mày. Dự-Nhượng mừng rỡ lão đảo đến bên chiếc giáp bào nghiêng rặng trọn mắt quát to :

— Hỡi Võ-Tuất, ta đã trả thù cho chúa ta rồi. Chúa công ơi, sức thần đã mỏi, thần không làm được gì hơn là đánh áo để rửa thù cho chúa công, nơi tuyền đài hẳn chúa công cũng mãn nguyện vong linh và ngậm cười an nghỉ.

Ngon cơn của Dự-Nhượng quật vào giáp bào nghe lạch bạch, khí căm thù của lão bốc lên làm Võ-Tuất rung mình nhắm nghiêng mắt lại. Chừng mở mắt vì chúa thành Tấn-Dương đã thấy Dự-Nhượng ngã gục bên giáp bào chết tự bao giờ, mắt mở thao láo và máu trào ra mồm lai láng. Thế là hận cù đã trả xong...

Đ ô

vắng



*U tối ! U tối ! Đêm buồn không lối !
Trong gió buồn trời vắng bóng muôn sao
Mơ cảm canh giục già khách giang đầu...
Ghè cương ngựa vội vàng kêu đò tối...*

*Trong đêm tối tiếng đò như vắng bóng,
Nhịp hò khoan và cả tiếng chèo khua,
Gió mơn man trên ngọn bóng cây dừa,
Càng nóng dạ khách kêu đò — vắng mãi !*

*Sương xuống nhiều, lạnh buốt. Buồn tẻ tái,
Kêu đò hoài, đò vắng khách âu lo.
Sông này đây thường có bóng con đò,
Sao đêm tối, đêm nay mà đò vắng ?*

*Ngựa hí, cây gào. Vó cầu vội bước,
Khách quăng mình trên yên ngựa — Tung sương
Lặng bên bờ cỏ lái thờ dài — Thương !
Mặc lệ chảy gió bay hòa cùng nước !*

Đoàn-minh-Hải
H.P.H.



Một vài nhận xét

về

HỘI - HỌA

**trong cuộc Triển-lãm Văn
Hóa và Mỹ - Thuật, tại**

Hội-trường

Diên-Hồng

CUỘC triển-lãm này sẽ được tổ-chức tại Hoa-kỳ vào ngày Quốc-Khánh 26-10-1960, theo lời mời của Viện-Bảo-Tàng SMITHSENIAN nhằm mục đích giới thiệu nền văn-hóa cổ-kính và hiện đại của Việt-Nam với dân chúng Mỹ, trong khuôn khổ chương-trình trao-đổi Văn-hóa.

Phòng triển lãm mở cửa từ 14-6 đến 20-6-1960. Và ngày 22-6-1960, một chiếc tàu Mỹ sẽ ghé Saigon chở các sản phẩm trưng-bày sang Hoa-kỳ.

Triển-lãm sơ-bộ này gồm có 10 phòng. Mỗi phòng trình bày mỗi ngành Văn-hóa và Mỹ-thuật với những đặc tính riêng biệt.

Ở đây, người viết bài chỉ nhận xét riêng về ngành hội họa, tức là phòng số 8. Còn các phòng khác thì xin nhường phần nhận xét lại cho những bậc thức giả có nhiều hiểu biết hơn.



Mục đích của cuộc triển lãm là giới thiệu nền văn hóa cổ-kính và hiện đại của Việt-Nam với ngoại quốc.

Bước vào phòng triển lãm hội họa, nhìn qua từng bức tranh, từ sơn dầu, tranh lụa, phấn màu, bột màu, sơn mài, tôi không khỏi ngạc nhiên vì không tìm thấy

một bức tranh nào gọi được là CỒ cã ! Vì tất cả đã được sáng tác trong thời gian từ một vài năm trở lại đây. Đa số tranh đều của các tác giả trẻ-trung, còn các họa sĩ kỳ cựu đều vắng bóng. Những bậc đàn anh như LÊ-VĂN-ĐỆ, NGUYỄN GIA TRÍ, tôi không được hiểu vì lẽ gì mà họ không có một họa phẩm nào trong những cuộc triển lãm long-trọng mà ta có thể gọi là hiếm có như thế này ? !

Tất cả tranh ở cuộc triển-lãm này được trưng bày ở hai nơi. Một số non hai mươi bức ở phòng chính-thức và một số nữa nhiều hơn ở hành-lang vòng ngoài. Chúng tôi được biết số tranh trưng bày ở phòng chính-thức là số tranh mà ban tổ-chức đã định gửi đi Mỹ-quốc ; còn số tranh ngoài hành lang là chỉ để ... trang-trí cho cuộc triển lãm sơ bộ ở đây mà thôi, mặc dầu những bức tranh sau này, đã được ủy-ban tuyển chọn của Nha Mỹ-thuật mua.

Chúng ta nên lưu ý, sở dĩ những bức tranh đã được mua rồi nhưng không gửi đi được là vì « nó không hợp với tình-

★ HUỖNH HẢI

thần cuộc triển-lãm Văn-hóa», theo như lời của một nhân-viên trong ban tổ-chức.

Tôi không hiểu việc tuyển-chọn của ủy-ban như thế nào mà khi xem hết những tác-phẩm từ trong đến ngoài phòng chính thức, tôi thấy có một số nhiều tranh mà đúng ra không thể gọi là tranh được ! Tranh sơn dầu chẳng ra dầu, lụa chẳng ra lụa.

Những bức này kém về mặt bố cục, màu sắc, bút pháp. Tôi không nói đến đề-tài vì đối với Mỹ-thuật thuần túy, đề-tài chỉ là một phương-tiện để cho chúng ta sáng tạo mà thôi. Đối tượng của Mỹ-thuật là sự Đẹp, chúng ta nên giữ cho trọn vẹn cái nghĩa của sự ĐẸP đó.

Không lẽ đa số những người trong ủy-ban tuyển chọn lại không nắm vững được kỹ thuật của hội-họa sao ? !

Đây là tôi nói chung tất cả số tranh của cuộc triển lãm này ; chứ nói riêng về số tranh sẽ gửi đi thì thật ra có rất nhiều bức quá kém phần nghệ-thuật lẫn kỹ-thuật. Ngoài ra lại có vài bức mà chúng ta có thể coi như là cốp chép lại thiên-nhiên một cách ngây thơ !

Những bức này hoàn toàn không có giá-trị sáng-tạo.

Đa số những nghệ-sĩ đã gửi tranh tới dự vào các cuộc tuyển-chọn đều không biết rõ uỷ-ban tuyển-chọn của Nhà Mỹ-thuật gồm những ai ? do ai bầu nên ? Và uỷ-ban đó đã dựa trên căn bản nào, nguyên-tắc nào để định-đoạt giá-trị nghệ-thuật của mỗi tác-phẩm ?

Tôi lấy làm tiếc vì có một số tranh tương-đối có giá-trị về phần nghệ-thuật lại không thể gửi đi chỉ vì lý-do « ngoài phạm-vi Mỹ-thuật » ! Như thế, uỷ-ban tuyển-chọn đã vô-tình làm sai-lạc cái ý-nghĩa của hai chữ Văn-Hoá trong lĩnh-vực hội-họa. Văn hóa là tất cả những cái gì gọi là tinh hoa của một dân-tộc được Tự-nhiên nảy nở ; chúng ta nên phân biệt nó ở chỗ Tự-nhiên và Giả-tạo, Tự-do và Nô-dịch. Có như thế mới có thể tránh được những sự sai-lầm trong công việc sưu-tầm và bảo-tồn nó.

Văn-Hoá là của chung của cả một dân-tộc, chúng ta không thể vì một vài ý-kiến riêng tư mà làm mất đi cái nghĩa chan-chính thuần-túy của nó. Và cũng vì vinh-dự chung đó, mà kẻ viết

bài này phải có mấy dòng gọi là nhận-xét để mong những nhà Văn-hóa lưu-ý.

Một bằng chứng cụ-thể cho chúng ta biết rằng ban tổ chức thiếu sự hiểu biết về mỹ-thuật là khi đặt chân vào cửa vô của phòng triển lãm. Tất cả những vật trưng bày nơi đây như bàn thờ Tổ-quốc, lộng, tàn, bát bửu. Các vật ấy đã được mô phỏng theo những kiểu mẫu hiện có tại Thái-miếu ở Huế. Phòng này thiếu hẳn không khí trang nghiêm cổ kính vì kỹ-thuật mô-phỏng không được tinh vi, màu sắc vụng-về. Phòng cửa vào lại có mục đích giới thiệu chung nước Việt-Nam với dân chúng Mỹ, nên có bày thêm bản địa-đồ, những tủ kính, những bích-chương và hình ảnh những danh-lam thắng cảnh tại Việt-Nam. Chúng ta không thể chịu

được những màu sắc của những cái khung hình vẽ thắng cảnh. Màu sắc khung đã làm mất hẳn vẻ đẹp của những bức ảnh.

Tất cả những thứ có mục đích giới-thiệu đó lại đặt bừa bãi vào một nơi trang nghiêm như bàn thờ Tổ-quốc thì thật ban tổ-chức không thận trọng chút nào.

Nha Mỹ-thuật đã được thành lập từ năm qua và có trọng trách đảm-nhiệm những công việc tổ-chức về Mỹ-thuật. Những kết-quả đã hoặc sắp thâu lượm được đều có ảnh hưởng tốt đối với nước ngoài, nhưng chúng ta cũng đừng quên bỏ khuyết lại những sai lầm hoặc thiếu sót trong phương pháp và nguyên-tắc trong công việc xây-dựng lại tòa nhà Mỹ-thuật Việt-Nam được mỗi ngày một vững chắc và tốt đẹp hơn.



★ **Gió Địa-dur**, thầy giáo giảng về khí hậu, mưa, gió...
— Gió là gì ? Tại sao có gió ? Các em nghe thầy giảng đây :
Khi nào không khí lay chuyển từ nơi này đi nơi khác thì là có gió...
Một trò đứng lên hỏi : « Dạ thưa thầy ! Vậy lúc không khí không lay chuyển thì gió ở đâu ạ ? »

Những người đàn bà
lừng danh trong

LỊCH - SỬ



P O P P É E

HOÀNG
HẬU



L A - M ã

(Tiếp theo kỳ trước)

NÉRON là một Hoàng Đế tàn bạo nhất thời bấy giờ, một Tàn-thủy-Hoàng của La-Mã, mà Hoàng Thái-Hậu Agrippine lại còn nổi tiếng là một bà mẹ hung-dữ hơn nữa. Bà là một con cọp mẹ yêu-tinh muốn ăn thịt cả con cọp con Néron, Ấy thế mà Poppée, vị quốc sắc thiên-hương vừa mới chiếm được trái tim của Néron, đã quyết tâm ám-hại Agrippine, để rồi sẽ trừ diệt Octavie, vợ của Néron, đăng cướp ngôi Hoàng-Hậu.

Nàng nói khích Néron :

— Ngài là Chúa tể một Đế-quốc vĩ-dại nhất trên Trái-đất, Ngài là vị Hoàng-Đế lớn hơn tất cả các vị Hoàng-Đế, mà Ngài còn đề Hoàng Thái-Hậu Agrippine sai-khiến, có khác nào một đứa trẻ nít để cho mẹ nó dặt mũi hay sao ?

Néron nghe Poppée mỉa-mai như thế, tự thẹn, nhưng làm sao được ? Ông vẫn sợ Agrippine, và chỉ vỗ vai Poppée, cười lảng-lơ, khê bảo bên tai nàng :

— Em cứ yên tâm... Ta còn chờ cơ-hội.

Poppée liền giả nét mặt rầu-rầu, than-thở :

— Em biết Hoàng-đế không thương em ...! Octavie không

đẹp hơn em, và lại không có con trai, nhưng Hoàng-đế thương-nàng hơn em ... Em biết thế ... Nhưng không hề gì ! Nếu Hoàng-đế không trừ diệt Hoàng Thái-Hậu là người đã cưới Octavie cho Ngài, và cung Octavie hơn em, thì... thôi.... em sẽ trở về với Othon, người chồng cũ của em, vì dù sao nó cũng yêu em hơn !

Nghie Poppée dọa bỏ ông đề tái-hợp với Othon, thì Néron lo sợ mất người yêu, và hứa thế nào cũng giết mẹ.

Đầu tháng Ba năm 59, Néron lập mưu mời mẹ đến dự lễ cúng thần Minerve tại thành-phố Baies. Bề ngoài Hoàng-đế tiếp đón Hoàng Thái Hậu rất là trọng-thể, và trước mặt bá quan văn-võ, ông giả vờ hôn mẹ rất âu-yếm và rót rượu nho trong cúp bằng vàng dâng lên Hoàng Thái Hậu. Xong tiệc say sưa, Néron tiễn mẹ ra bờ sông và chỉ cho Mẹ một chiếc thuyền mới đóng rất đẹp :

— Đây là chiếc thuyền mà con bảo đóng riêng để tặng mẹ. Anicétus, lính hầu cận của con, tiễn đưa mẹ về.

Agrippine vui mừng, từ giả Hoàng đế. Bà có ngờ đâu chiếc thuyền đẹp này, Néron đã bảo

Anicétus đóng dối trá, chỉ hai miếng ván ghép sọt-sài, rồi chạm trở bề ngoài rất lộng lẫy để che dấu mưu mô. Thuyền ra giữa biển, tự nhiên bị nứt làm đôi, chìm lìm xuống đáy sâu, Anicétus đã có sẵn tấm ván chèo được vô bờ. Nhưng Agrippine cũng chỉ bị thương xoàng, bà cố hết sức bơi được nửa chừng gặp chiếc thuyền chài cứu vớt. Bà trở về được biệt điện của bà ở Naples.

ples.

Được tin Agrippine thoát chết Néron lo sợ thế nào bà mẹ cũng trả thù ghê gớm. Ông liền sai hai tên hung thủ đến ám-sát ngay : một thằng đập một cây gậy bự vào đầu bà, một thằng khác đâm gươm vào bụng bà. Agrippine chết đầy dựa trên vũng máu.

Được tin Néron vui mừng, uống rượu say sưa, cười nghiêng-ngả trong lòng Poppée !

MÓN QUÀ

CƯỚI của em !

AGRIPPINE chết rồi, Poppée chỉ còn Hoàng-hậu Octavie như cái đinh trước mắt. Nàng quyết nhờ cho được cái đinh ấy. Nhưng lần này thật khó bởi lẽ Octavie rất hiền lành và được dân chúng kính-phục. Việc có gì, lập âm mưu gì, để hại Octavie bây giờ ? Poppée đã nghĩ được một thâm kế. Nàng cho tiền một chàng thời sáo Ai-Cập, đẹp trai, đầy tớ của Octavie, bảo chàng phải vu cáo cho Octavie

là đã quyến-rũ chàng. Như thế Hoàng Hậu sẽ bị kết án ngoại-tình. Quả nhiên không những chàng thời sáo Ai-cập đã "thú nhận" rằng có thông-dâm với Hoàng-hậu, mà cả đến những con nô tỳ trong cung điện cũng nhìn nhận như thế. Octavie bị đuổi ra khỏi Cung cấm, và bị đày ra Campanie. Néron, dĩ-nhiên là tuyên bố ly dị với Octavie, và 12 ngày sau, nhà vua chính thức làm lễ thành hôn với Poppée.

Nhưng dần dần « vụ án bí-mật »



NÉRON

‘Tân-Thủy-Hoàng’
của Đế-quốc La-Mã
(37-68 sau J.C.)

kia bị dân chúng phê bình gắt gao, chàng thời sáo Ai cập nói thắm cho nhiều người biết là chàng bị Poppée bắt buộc vu-khống cho Hoàng-hậu. Dân chúng biểu tình rầm rộ và hăm dọa vào phá cung điện. Néron hoảng sợ, vội gọi Hoàng-hậu Octavie trở về cung. Dân chúng mừng rỡ, kéo nhau hàng ngàn vạn người tới đền Capitole để tạ ơn các vị Thần

đã cứu thoát Octavie. Những pho tượng của Octavie được dân chúng đặt vòng hoa phủ kín chung quanh, còn các pho tượng của Poppée bị lật đổ xuống đất, sẵn trốn dân chúng kéo vào cung điện của Néron, chửi bới Poppée, nguyên rủa Poppée. Nhưng rồi quân lính của Néron cỡi ngựa cầm roi da ào ạt tiến ra sân, đánh đập túi-bụi các đám biểu-tình, những kẻ ngã xuống đều bị ngựa dẫm lên mình chết quằn-quại trên vũng máu, những kẻ thoát được thì kéo nhau chạy tán loạn khắp cả kinh thành...

Poppée lặng-lẽ ngồi trong cung chờ cho đám người căm thù bị giết hết. Rồi nàng quý bên chun vua, khốc lóc than thở :

— Dân chúng muốn giết ngài, giết tôi ? Nếu Néron bị lũ trâu-ngựa kia ám hại, thì còn gì là Đế quốc La Mã vẻ vang muôn thuở ? Tôi sẽ tặng cho Hoàng-đế Néron, cho Dân chúng La-Mã, một đứa con trai để nối nghiệp các đấng Césars, dân chúng không bằng lòng ư ? Dân chúng muốn tôn lên ngài Hoàng-đế La Mã một đứa bé con của thằng thời sáo Ai Cập, nếu nay mai Octavie sẽ mang cái bào thai của tội ác kia ư ?

Néron nổi giận, như điên cuồng. Ông uống liền tiếp năm sáu cốc rượu nho, nét mặt hăm hăm, đầy ác-khí. Ông bèn gọi tên lính hầu Anicetus trung thành nhất của ông và bảo nó phải cương quyết vu cáo là có thông dâm với Hoàng-hậu. Nó sẽ bị đầy đi xa, nhưng Néron sẽ ban thưởng cho nó rất nhiều vàng bạc châu báu, sẽ cho nó hưởng phúc lộc đời đời.

Anicetus tuân lệnh. Ra trước tòa, nó bày đặt ra những cuộc gặp gỡ lén lút với Hoàng-hậu Octavie và những cử chỉ tội bại của bà. Nó còn dám vu-khống cho Octavie đã phát hai mảy lần. Néron dựa theo bản án của tòa,

kết tội Octavie và dày bà ra đảo Pandateria. Binh lính của Néron trói tay trói chân Hoàng-hậu bị truất-phế và được lính lấy dao rạch những gân máu cho người chết xiêu. Poppée bảo kẻ thân tín chặt đầu Octavie, đem đến nàng. Nàng chỉ chiếc đầu còn dính máu, và cười hỏi Néron :

— Món quà cưới, Ngài tặng em đó, phải không ?

Néron cười sắc súa, nốc luôn mười cốc rượu nho, rồi ngã đầu vào ngực nàng, làm bầm :

— Phải đó, em ạ !... Phải đó, em ạ !...

« Em muốn chết trẻ,

để đừng thấy
sắc đẹp phai tàn... »

(POPPÉE)

NĂM 62 sau J.C. Poppée hoàn-toàn thỏa mãn nguyện-vọng làm Hoàng-hậu La-Mã, vợ chánh thức của Néron, đề danh tiếng đời đời trong lịch sử.

Nhưng danh tiếng gì ? Trong

ba năm (Vâng, chỉ được 3 năm thôi !) Tuy Poppée tìm cách trở lại hiền lành, tu tỉnh, nàng lo sắp đặt lại các công việc trong cung điện của Néron, nhưng nàng vẫn sợ mau đến tuổi già, vì nàng chỉ

chuyên lo săn sóc sắc đẹp của nàng mà thôi. Nàng bảo với Néron :

— Em muốn chết trẻ, để đừng thấy sắc đẹp phai tàn.

Chín tháng sau lễ cưới, tháng Giêng 63, nàng sanh được một Công-chúa, đặt tên là Augusta. Néron mừng như được vàng, truyền-lệnh cho dân-chúng mở tiệc liên hoan toàn cõi đế-quốc. Thượng - Nghị - Viện La - Mã quyết-định lập một Đền Thờ để tạ ơn các vị Thần. Nhưng chưa được bốn tháng, đứa bé đã chết. Néron thương-khóc thảm thiết, và ký sắc lệnh truy tôn Augusta lên chức Nữ Thần, và lập Đền thờ. Để an ủi cơn đau xót, ông truyền lệnh bắt đứa con trai của Poppée, Crispinus, con riêng của Poppée với người chồng cũ Rufius Crispinus, quăng xuống biển.

Thế rồi, một buổi chiều tháng 7 năm 65, Néron đi dự cuộc đua xe, về trễ. Poppée cầu nhàu gây-gỗ. Nàng đang cố chữa, bị Néron tức giận đá một đá vào bụng,

nàng té chết tươi.

Thế là nguyện vọng của Poppée được chết trẻ, để khỏi thấy nhan sắc phai tàn, đã được thực hiện một cách bất ngờ, và, bị thảm.

Néron hối hận, khóc la inh-ỏi, điên cuồng, ngày đêm không ngớt. Thượng nghị viện La-Mã quyết định làm lễ quốc táng cho Poppée, nàng khỏi bị hỏa thiêu theo tục lệ bấy giờ. Sách sử có chép rằng Néron cho đi kiếm mua tất cả các thứ dầu thơm và nước hoa danh tiếng của xứ Arabic để tắm liệm xác chết của nàng.

Các công chức, các vị Triều Thần, các nhân vật trọng yếu, ai không khóc Poppée, hoặc khóc ít thôi, đều bị Néron xử tử.

Ai không sốt sắng trong việc lập đền thờ nàng, và chôn cất nàng, đều bị dày ra biên ải... Bất cứ ai trong chính-phủ của Néron, mà không than khóc Poppée, đều bị giết chết, hoặc bị lính đánh đập tàn nhẫn.

NHỮNG

Mọi người thấy vậy sợ hoảng vội vàng đua nhau khóc Poppée, khắp cả nơi nơi !... Cả Đế-quốc La Mã đều ngập nước mắt khóc Poppée... và hằng hái dựng đền Thờ « vị Nữ - Thần của Dân-tộc » theo lệnh của Néron !

Nhưng 3 năm sau, Néron chết. Nhà Vua độc tài vừa nhắm mắt trút hơi thở cuối cùng, thì toàn thể dân chúng La Mã nô-nức kéo nhau từng đoàn đi đốt phá tất cả các đền thờ « Nữ Thần của Dân tộc », đập đổ, chà nát tất cả các pho tượng của Poppée và Néron. Các Thi-sĩ và các nhà

viết Sử, đua nhau làm thơ, viết sách, nguyên rửa Néron và con ác phụ bạo tàn, kiêu căng, phách lối, đã làm cho toàn dân La-Mã điêu đứng, âm thầm nhịn-nhục, suốt bấy nhiêu năm dưới chánh thể độc-tài.

Othon, người chồng thứ hai của Poppée, đã bị Néron cướp vợ và đẩy đi xa, được dân-chúng mời về, tôn lên ngôi Hoàng-đế...

Kỳ sau : **AGRIPPINE**, mẹ của **NÉRON**.

* CÔNG VIỆC HÀNG NGÀY.

Một ông khách vào bưu điện mua tem, trò chuyện với người bạn của ông phụ trách việc đóng dấu trên bì thư :

— Ngày nào như ngày nầy, cứ ngồi mà đóng dấu mãi hằng ngàn cái thư chắc là chán ngán và lạt lẽo lắm, hả anh ?

— Ô, không đâu anh à. Mỗi ngày tôi đóng một con dấu đó nhưng ghi ngày khác nhau đấy chứ.

VC.

BÁC - SĨ JIVAGO

của **BORIS PASTERNAK**
Giải NOBEL 1958

★ TÂN PHONG

Như các bạn đã biết «Bác sĩ Jivago» là một bộ tiểu-thuyết «tràng giang đại hải» của Boris Pasternak, nhà Thi sĩ Nga-sô vừa tạ thế tại Moscou đêm 30-5 1960.

Sách này viết xong từ năm 1954 tại Moscou, và xuất bản tại Ý năm 1957, được giải thưởng Văn chương quốc tế năm 1958. Cốt chuyện kể lại cuộc đời của Bác sĩ Jivago, một Thi-sĩ, bạn đồng thời của Pasternak, con một nhà kỹ nghệ giàu có, nhưng sớm mồ côi cha mẹ và được ông bác gởi nuôi tại một gia đình giáo sư. 1914 Jivago đã đúng tuổi trưởng thành, và tham gia phòng trào cách mạng bên-sẻ-vết. Từ đó, số kiếp của Jivago bị quay cuồng trong guồng máy của chế độ cộng sản mãi đến thời kỳ Tân kinh-tế ở Nga sô (N.E.P.) Sách dày quá 650 trang, đã được dịch ra nhiều thứ tiếng. Để các bạn tiếp tục theo sát được các trào lưu văn nghệ Quốc tế, tôi xin dịch ra sau đây ba trang đầu của bộ truyện, chương I và chương II, tả đám ma của bà Maria Nicolaitvna, mẹ của cậu bé Jivago, và một bài thơ của Thi sĩ Jivago.

HỌ đi, đi mãi, và khi đã dứt bản ca cầu hôn thì người ta lại tưởng chừng như nghe kể tiếp tiếng ca của những bước người đi đưa đám, tiếng yó ngựa và tiếng gió thổi.

Khách bộ hành né hai bên đường để cho đám tang đi qua, và đếm những vòng hoa hoặc làm dấu thập ác. Những kẻ tò mò đi theo đoàn người đưa đám, và hỏi: «Đám ma của ai thế?» Người ta đáp: «Jivago» — Vậy hả? Tôi không biết chứ! — «Nhưng không phải ông ấy. Bà ấy» — Ông hay Bà cũng thế. Chúa đã cứu linh hồn cho bà ấy. Đám ma như thế này là đáng hoàng lắm.

Những giờ phút cuối cùng trôi qua mau lẹ, những giờ phút không còn trở lại nữa. «Đất của Chúa và tất cả cái gì nó chứa đựng, vũ trụ và tất cả những sinh linh của nó». Vị giáo sĩ lấy ngón tay làm dấu chữ thập rồi hốt một nắm đất rải trên bà Maria Nikolaievna. Người ta hát lên bài Kinh cầu siêu, rồi lo chôn cất. Đạp nắp hòm lại, đóng đinh, rồi hạ huyệt. Như những tiếng trống dồn dập, những cục đất được ném xuống huyệt mà, và bốn cái xuống xúc đất lấp

quan tài mau lẹ. Một ụ đất nổi lên. Một cậu bé mười tuổi leo đứng trên ụ đất.

Thường thường sau một đám ma to lớn những người đưa đám đã mệt uể oải, không ai có thể tưởng rằng cậu bé muốn đứng trên nấm mồ của mẹ cậu, để đọc lời ai điếu.

Cậu ngược đầu lên, và từ trên đỉnh đất cao kia, đôi mắt lơ đãng, cậu nhìn bao la tịch mịch cảnh vật mùa thu, và những mái nhà tu-viện. Mũi cậu bính lên, mặt cậu nhăn lại. Cậu vươn vai. Nơi một đồng tử quân như cậu, thái độ ấy tỏ rằng cậu muốn rú lên một tiếng. Hai tay úp trên mặt cậu khóc oà lên, khóc nước nỡ... Một sợi mây bay đến cậu, vút vào tay, vào mặt cậu, một hơi mưa ướt lạnh. Người ta thấy tiến đến gần năm mộ một người mặc đồ đen mà hai tay áo chặt và dính sát vào da thành những nếp nhăn. Đó là Nikolai Nikolaiévitch Védémiapine, một tu-sĩ đã tự ý xin phá giới và đã trở ra ngoài đời, anh ruột của người chết, và bác của cậu bé đang khóc. Ông đến gần cậu, và kéo cậu ra khỏi nghĩa địa.

Hai bác cháu ngủ đêm trong một phòng kín của tu-viện, nơi đây người ta đã biết ông bác

này từ lâu. Sáng hôm sau, hai bác cháu sẽ phải bắt đầu một cuộc hành-trình xa-xôi; họ sẽ đi vào miền Nam, đến một thị-trấn của vùng Volga, nơi đây ông Nicolai làm việc trong một nhà sách có xuất-bản một tờ báo tiến bộ của miền Nam. Ông đã mua hai vé xe, và đồ hành lý cũng đã sắp đặt sẵn sàng trong góc phòng kín. Nhà ga ở gần đấy, và ông nghe rõ tiếng gió rít hòa lẫn với tiếng rú của còi xe lửa ở xa xa...

Về đêm, khí hậu càng xuống thấp. Hai cửa sổ sát đất, ngó ra một góc vườn nhỏ chung quanh có những khóm cây kim-tước (1), ngoài đại-lộ thì có những vũng nước đọng lại thành băng đá, và kể đó là nghĩa địa mà hôm nay người ta vừa an-táng Maria Nicolaïevna. Khu vườn trông trơn, trừ một vài rãnh trồng búp-su bị khí lạnh làm tím bầm. Hễ một luồng gió thổi dậy, thì những bụi cây trơ cành ngả-nghiêng như bị hồn ma vật đổ, và nằm rạp xuống đường.

Đương đêm, cậu bé Ioura Jivago bị một tiếng đập vào cửa sổ làm dứt mình thức dậy. Phòng kín tối om-om, bay loè ra một ánh sáng thần bí, màu trắng và

rung rinh uốn lượn. Ioura đang mặc sơ-mi, chạy vụt lại cửa sổ, đứng dán mặt vào cửa kiến lạnh buốt.

Nhìn ra ngoài chẳng còn thấy đường cái, nghĩa địa, hay vườn tược cỏ cây gì nữa cả. Gió ào ào, tuyết phủ trắng như khói. Người ta có thể tưởng rằng bão tuyết đã nhìn thấy Ioura, và tự biết mình là hải hùng nó cố ý gây trò hải hùng như thế chơi, để làm cho cậu bé kinh-hoàng, cho nên nó rú lên, nó rít lên, nó gầm lên đủ cách để cho đứa bé kinh hồn. Từ trên trời rơi xuống từng cuộn từng cuộn, lớp lớp vô tận, một bức màn trắng che phủ cả mặt đất như một tấm vải lịm. Chỉ có bão tuyết độc nhất trên thế giới. Chỉ có nó mà thôi, không có gì là địch thủ của nó cả.

Cử chỉ đầu tiên của cậu bé Ioura, là đi mặc quần áo để chạy ra ngoài: phải làm cái gì mới được chứ. Nó sợ mấy búp su của tu viện bị chôn vùi dưới tuyết, rồi không ai đào lên được nữa. Nó lại sợ mẹ nó cũng bị chôn vùi

(1) *Cytise*

dưới tuyết, ngoài nghĩa địa kia kia, mẹ nó làm sao chống cự lại uôi cái sức mạnh làm cho mẹ nó càng ngày càng xa nó, càng ngày càng bị lấp dưới đất sâu. Rốt cuộc rồi nó lại khóc.

Một bài thơ Nga-Xô

MÙA HÈ TRONG THÀNH PHỐ

★ CỦA IOURI JIVAGO

*Những câu chuyện rì rầm
Và mái tóc trĩu nặng
Cùng trời đầy một lần
Hung hăng và tốc giết.*

*Một bà đội mũ lưới trai
Giữa mặt dưới cái lược,
Nghiêng đầu ra phía sau,
Tóc bìn, lộn đến vuốt.*

*Ngoài trời, đêm ời ời,
Sắp đổ trận mưa rào,
Khách bộ hành vội vã
Lê gót dày mau mau*

*Người ta nghe tiếng sấm
Đã nổ dội vang rền,*

*Gió thổi, trời u ám,
Bức màn cửa rung rinh.*

*Mọi vật đều im lặng
Chờ đợi trận mưa giông,
Trên vòm trời trĩu nặng,
Chớp nhoáng xẹt lung tung*

*Sáng, mặt trời rực rỡ
Quét tan sạch mây đen,
Hút ráo khô, nghệt thờ,
Những vũng nước mưa đêm.*

*Mấy tàn cây thiên cô
Hoa chớm nở hương duyên
Nhưng u sầm, khác khổ,
Vì đêm ngủ không yên.*

TÂN PHONG : dịch

HÀ NỘI trước đây 10 năm. Một hôm, Diệu với tôi đang đi trên phố Bờ Hồ, bỗng gặp Bùi anh bạn cũ. Còn đang tay bắt mặt mừng, bỗng Bùi sực nhớ ra điều gì, nghiêm sắc nói :

— Này, thằng Mạnh vừa chết đêm qua, các

cậu biết chưa ?

— Mạnh nào ? Tôi vội hỏi.

— Mạnh Tràng - Tiên.

— Sao, Mạnh Tràng Tiên ? Tối qua chúng tôi vừa lại thăm hẳn cơ mà, có sao đâu.

Bùi cướp lời :

— Phải, nhưng nghe đầu đêm

qua ông tướng nuốt cả hộp thuốc ngủ, không hiểu sao bị thế !

Diệu lôi chúng tôi đi :

— Ta lại xem.

Đây tôi xin kể qua thân thế Mạnh.

Mạnh là bạn học cũ của tôi và

Diệu, song cũng không thân lắm.

Anh con ông

Huyện Tiên -

Do, cha mẹ

mất sớm, hiện

đang theo năm

thứ tư trường Đại học Y-khoa.

Nhà giàu học giỏi, tính vui vẻ hoạt

bát, lại hảo sang ưa giúp bạn bè.

Anh có một người bạn chí thân

ở Nam-dịnh, người này chúng

tôi đã gặp một lần ở nhà Mạnh.

tên An, nhà nghèo, tính tình điềm
nhã, có vẻ thâm trầm. Đôi bạn
nổi khổ ấy, trong những lúc bốc
đồng, thường hứa ở vậy suốt đời,
để giữ mãi tình bạn thắm thiết.

Đến nơi, nhân chỗ quen thuộc,
chúng tôi lên thẳng phòng Mạnh
trên gác, trong phòng đèn thấp
sáng trưng. Sau khi gạt đầu chào
lại chúng tôi, viên cảnh sát
trưởng quay lại tiếp tục hỏi cung
người lão bộc và bác hai, người
giúp việc độc nhất ở nhà. Bên góc
phòng, cạnh tủ thì người xấu số,
viên bác sĩ già chăm chú khám-
nghiệm, trán ông nhăn lại, ra chiều
suy nghĩ nhiều lắm. Ngoài
bốn người trên, còn hai người
nữ, có lẽ là nhân viên, đang lúi
húi quan sát chung quanh phòng.
Theo lời khai chúng tôi nghe lóm
được thì :

Đêm qua, sau khi cùng anh em
bạn đi chơi về khoảng 11 giờ,
Mạnh tắt đèn đi ngủ, sớm hơn
hẳn mọi ngày, rồi 11 rưỡi, bác
tài và người lão bộc cũng đi ngủ
theo, bác tài ngủ nhà sau, còn
người lão bộc ngủ nhà trên. Cả
đêm không thấy gì cả, rồi sáng
sau như lệ thường, bác tài bưng
cà phê lên cho chủ, nhưng cửa
phòng vẫn đóng chặt, cho là chủ
mệt còn ngủ, bác lại xuống, mãi

đến 8 giờ rưỡi, thấy chủ vẫn
không dậy đề đến trường đại học,
bác sốt ruột tung cửa vào, cửa
khóa, đến khi nạy được thì chủ
đã chết cứng tự lúc nào.

Mạnh nằm trên chiếc giường
lò xo phủ nệm trắng, mắt anh
tím bầm, dòng máu đen ứa ra
bên mí hai tay co quắp đề trên
ngực, chân dưới thẳng, Diệu cau
mày chỉ :

— Sao lại nước đổ lên đây
được nhỉ ?

Phải, cái cổ áo pi-da-ma của
Mạnh ướt đầm nước, nước ngấm
đầy vào gối thấm cả vào lăn đệm
trắng, nhưng lạ một cái, từ phía
bụng trở xuống thì vẫn khô
nguyên. Tôi đáp khế :

— Chắc nước anh ấy uống
thuốc. . .

Dưới chân giường, ống thuốc
ngủ nằm lẩn lóc, trong chỉ còn
đúng 2 viên, trên sàn nhà cái hộp
giấy không bị vứt vào một góc,
Diệu nhặt lên xem qua, rồi lại
vứt xuống, anh thông thả ra cửa
sổ lơ đãng nhìn giới. Ngay lúc
ấy, một người xồng xộc bước vào
tóc rối bù, dáng mặt-nhọc nói qua
hơi thở :

— Thưa ông, ông có thể cho
biết bạn tôi chết trong trường-
hợp nào ?

— Ông là ai ? Viên cảnh sát trường quay lại hỏi.

— Tôi là An, bạn thân của người xấu số.

— À, thế ra ông là An, tôi thấy có tên ông trong bản chúc thư của người bạc mệnh làm cách đây mấy tháng.

— Vâng, chính tôi, tôi mới ở Nam Định về đây éhuyễn 8 giờ sáng thì hay tin bạn tôi mất.

Viên bác sĩ thông thả nói :

— Ông đây tự tử bằng thuốc ngủ, chết khoảng 2 giờ sáng.

An giáng người thiều nào, mắt thâm quầng, đến chỗ chúng tôi hỏi mấy câu chuyện, rồi tới hỏi viên bác sĩ.

Nhân lúc mọi người không chú ý, Diệu kéo tôi với Bùi xuống nhà dưới, anh vào phòng người lão bộc mở tung cửa sổ, nhìn ra ngoài có vẻ đăm chiêu lắm, rồi lại thông thả xuống phòng bác tài hỏi mấy câu ; trong lúc tôi, Bùi, bác tài còn đang nói chuyện, Diệu tiến ra phía cửa sổ, nhảy ra vườn, một lúc sau anh đi vòng phía cửa chính vào, hai tay đút túi, anh làm hiệu cho chúng tôi lên gác. Lúc ấy nhà chuyên trách đã về hết, chỉ con An lẳng xẵng lục lọi ở bàn giấy, thấy chúng tôi lên, An quay lại bảo :

— Lạ thật !

— Ừ, lạ thật ! Diệu đáp,

— Không hiểu sao thằng này lại tự tử ?

An buột miệng :

— Mà hẳn lại sắp lấy vợ mới chết chứ !

— Lấy vợ ?

— Phải, nghe đầu tay hoa-khôi hàng Bạc cơ đấy.

Diệu có vẻ suy nghĩ, anh lơ đãng cúi nhặt cái hộp giấy, đá tung lên bắt lấy rồi lại lơ đãng bỏ vào túi.

Lúc sau, Diệu bảo chúng tôi :

— Thôi ta về.

— Ừ.

— À này, anh An, tôi có câu chuyện muốn hỏi anh, anh có bận gì không, đi chơi cho vui ?

— Không.

Bốn chúng tôi xuống đường, đi mãi ra bờ hồ, rẽ vào một quán rượu, Diệu có vẻ tư lự lắm, anh đăm chiêu nhìn những bọt sủi mạnh trong cốc bia. Anh nhìn thẳng vào mặt An đột ngột :

— Không ngờ án mạng xảy ra chóng thế !

An khó chịu cười mỉa :

— Anh bảo án mạng ? Vậy anh nghi ai là thủ phạm thế ?

— Lẽ dĩ nhiên là phải có thủ phạm ?

— Hay anh cho thủ phạm là tôi ? An mỉm cười rồi nghiêm sắc

mặt.— Anh đừng nói đùa những chuyện không đáng nói.

Diệu cười nhạt :

— Phải, chính anh, anh là thủ phạm.

An tái mặt nói qua hơi thở :

— Anh không có quyền vu khống, anh lấy gì để đồ cho tôi ?

Diệu yên lặng, chăm chú nhìn vào cốc bia, không khí nặng nề, tôi với Bùi nhìn nhau ngờ ngác..

— Phải anh khôn ngoan lắm, anh đã che được mắt nhà chức-trách, vì họ chưa thấu những ẩn tình, và lại sẵn có định kiến, nên họ không có những cái may mắn như tôi.

Diệu xin một liều thuốc, anh rất ít khi hút, nhưng hút thuốc lại là cái lệ của anh mỗi khi có điều gì quan trọng sắp nói :

— Đêm qua anh về chuyển tàu mười giờ ?

— Lão, chính sáng nay tôi mới về đây, va - li còn để cả đằng Mạnh.

— Anh đừng cãi vô ích, mặt khi tôi đã nói thì hẳn phải có bằng cứ. Diệu rút trong túi ra một cái vé xe lửa :

— Đây, cái này buộc tội anh, không hiểu sao người soát vé không lấy lại, có lẽ anh xuống tại một ga xép, thật là số mặt... tôi

nhặt được ở chân cột thu lôi, ăn thông từ trên gác qua bao lơn, trước cửa sổ phòng Mạnh, xuống đến nhà dưới, ngay chỗ ấy, tôi lại thấy hai vết giày hằn sâu xuống đất lệch lạc, gót hướng ra phía ngoài. Anh khôn lắm, đã thu xếp một vụ án mà nhà chức-trách nghi là không có thủ phạm, mà anh vẫn đi giày cao su, đeo bao tay, tôi nghĩ thế này, anh về đây chuyển 10 giờ, khoảng 2 giờ đêm anh đến nhà Mạnh, theo cột thu lôi lên gác, sau khi thi hành xong thủ đoạn, anh leo xuống, gần tới đất, anh nhẩy xuống, để lại 2 vết giày hằn sâu, dù đi giày cao su.

— Anh nói lạ, để tôi làm bằng ấy việc mà không ai hay chắc ?

— Vâng, anh cứ để tôi nói, chắc anh không ngờ nhỉ, anh để lại 3 vết khò đen dài ở cửa sổ phòng người lão bộc, bác tài, anh Mạnh. Phải, muốn chắc hơn, trước khi vào, anh đã khôn khéo xông thuốc mê cho họ, thứ thuốc gì tôi không rõ.

Diệu nói tới đây, An tái mặt đến đây, nhưng cổ cái :

— Bằng ấy chứng cứ chưa đủ

đề vu-khống tôi.

— Vâng, tôi biết, nhưng tôi hỏi các anh, một người tự-tử có bao giờ lại nằm thẳng-thần thể không? Điều này có lẽ viên-y sĩ cũng nhận thấy, nhưng không có điều gì khả-nghĩ, ông đành bỏ qua, còn với tôi, việc ấy chứng tỏ người chết đã bị mê trước khi uống thuốc, hừ, không phải uống thuốc mà là bị nhét vào họng rồi tống nước vào, nên

nước mới đồ
lênh - lảng ra
thế, chứ ai đời
lại nằm thẳng
căng mà uống
bao giờ. Ngừng
nói, Diệu đột
ngột rút ra cái
vỏ giấy anh đã

nhặt lúc này, vết mạnh xuống bàn:

— Còn cái này, cái này buộc tội anh, anh khôn mà không ngoan! Ai đời một người ở ngay Hà-nội mà lại gửi mãi về Nam-Định mua thuốc, họa là điên, nhất là Mạnh, học ban y-khoa, thì thiếu gì, mà phải gửi anh mua cho diệu-vợ, lại khiến người khác thêm nghi. Phải, chắc anh không nghĩ đến cái nhà thuốc ở Nam-Định, đóng cái «dấu ác nghiệt

này».

Trước tôi còn thắc mắc không biết anh giết Mạnh làm gì, mãi đến lúc nói đến cái chúc thư, tôi mới hiểu anh lòng lang dạ thú. Phải, hôm ấy có cả mặt tôi và Đạm đây, Mạnh nửa đùa nửa thật có nói với anh rằng:

— «Nếu tớ chết trước, tớ sẽ chia cho cậu một nửa gia tài, còn một nửa cúng vào hội phước thiện». Mạnh ngừng rồi bật nói:

— «Nhưng...»

Anh hỏi:

— Nhưng sao?

Mạnh đáp:

— Nhưng ấy là trường hợp tớ không lấy vợ.

Ngừng một

lúc Mạnh cười tiếp:

— Nói thế chứ đời nào chúng mình thêm lấy vợ nhỉ!...

Nay anh giết bạn anh vì chắc anh nghe phong thanh hình-như Mạnh sắp lấy vợ, và anh sợ nếu Mạnh thực hiện ý định ấy thì phần gia tài kia anh không được hưởng...

NÙNG-TƯỜNG-ĐẠM
(Phan - Thiết)



Văn minh tam giáo



★ Cao - Quang
(Paris)



NÓI đến Tam giáo là nói ngay đến cơ sở của nền Văn minh Á-đông. Nhưng Tam giáo là gì? Nguồn gốc ở đâu? Giáo lý của Tam giáo thế nào? Phương - pháp truyền giáo ra sao? Bước tiến bộ biến diễn đến đâu? Tại sao có Tam-giáo dung hợp?

Tam-giáo là ba đạo chính của nền văn minh Á-đông, hay đúng hơn, của nước Trung-hoa cổ-truyền.

Sinh vào thời loạn lạc hồi thế kỷ thứ sáu trước Công- Nguyên xã-hội đảo-diễn, Khổng Tử, người sáng lập ra Khổng-giáo, đã xướng xuất ra thuyết chính danh, nghĩa là ông muốn mọi người ăn ở đúng bậc của mình. Như thế xã-hội sẽ thái-bình.

Nói đúng ra, Khổng - giáo không phải là một tôn-giáo như người Âu-Mỹ quan - niệm. Đó chỉ là một hệ-thống tư-tưởng về xã-hội thôi. Vì thực ra chính ở Trung-hoa, người ta chỉ kính Khổng-tử như một triết - gia. Hơn nữa, trong Khổng giáo không có những lễ nghi như mọi tôn-giáo theo quan niệm của người Âu-Mỹ. Khổng-giáo cũng không có những vị tử-tể. Khổng Tử chỉ chú trọng đến tổ-chức xã-hội, ông không để ý gì đến thế-giới bằng lai tiên cảnh hay thiên đàng hỏa-ngục mà các tôn giáo khác tin là có sau khi chết. Chả thế mà ông đã trả lời một môn đệ hỏi ông về sự chết rằng: « Các người không am tường đời sống, làm sao các người có thể biết sự chết được? » Nhưng ông vẫn dạy phải thờ cúng tổ tiên; đây chỉ là đức

hiếu thảo hiếu theo nghĩa rộng thôi! — « Các người hãy thờ cúng tổ tiên dường như các vị ở trên bàn thờ. Các người hãy tế lễ thần minh dường như các ngài hiện diện trước các người. »

Muốn cho thiên - hạ được thái bình thì con người phải sửa mình bằng cách giữ Tam cương, Ngũ - thường. Tam-cương, là thần dân phải giữ đạo trung với vua mình; con đối với cha phải giữ đạo hiếu, vợ đối với chồng phải có nghĩa. Ngũ thường là 5 đức. Thường phải có: Nhân, Lễ Nghĩa, Trí, Tín. Theo quan niệm của Khổng tử, vua tức là thiên-tử, người thừa hành mệnh lệnh của Trời. Một nước là một đại gia-đình mà vua là chủ, nên đối với vua phải giữ đạo trung. Trong tiểu gia đình thì người cha là chủ, nên đối với cha phải giữ đạo hiếu.

Công việc đầu-tiên là phải sửa mình (tu thân). Khi đã nên người hoàn toàn tức là đạt được chữ Nhân. Bấy giờ mới « tề gia » tức là sửa sang việc nhà. Một khi việc nhà chu đáo, mới nghĩ đến việc « trị quốc ». Khi trong nước được thái-bình mới lo

chuyện « bình thiên hạ ».

Khi đạt được chữ Nhân, thì bậc trên hết là Thánh nhân, bậc thứ hai là quân tử.

Muốn đạt được bậc Nhân thì phải giữ Lễ: « Đặc tính của đạt nhân là chế ngự mình phù theo Lễ nghi ».

« Đừng nhìn gì trái với Lễ

Đừng nghe gì nghịch với Lễ

Đừng nói gì ngược với Lễ

Đừng làm gì trái Lễ »

Nhưng nếu giữ Lễ quá, con người sẽ trở nên khô khan, nên Khổng-Tử lại dùng nhạc để điều hòa con người. Ông nói: « Các người phải dùng âm nhạc để xoa dịu lòng người ».

Nếu được Lễ Nhạc điều hòa thì con người trở nên trung-dung, nghĩa là chàng không sống thiên về lý trí quá mà cũng không thiên về tình cảm quá.

Như thế lời của Khổng Tử sẽ được thực hiện: « Ái nhân vi kỷ » bởi vì « Tứ hải giai huynh-đệ »



Khổng Tử chú trọng đến những vấn-đề xã hội bao nhiêu thì Lão Tử hầu như quên lãng bấy nhiêu. Ông đưa tâm trí

người ta bay bổng lên tầng mây, tâm hồn siêu thoát lên cõi cực lạc.

Đồng thời với Khổng Tử, Lão Tử không chủ trương thuyết Chính danh để mưu hòa-bình cho xã hội. Ông nói: « Vạn vật phát sinh từ cội Có, và chính cội Có lại phát sinh từ cội Không », nghĩa là ông tin tưởng ngoài xã hội loài người còn có thế giới của các thần minh. Ông phản đối kịch liệt Lễ Nghi mà Khổng Tử đề xướng: « Trong gia đình bất hòa, người ta mới nghĩ đến cha hiền con thảo, trong quốc gia loạn lạc, người ta mới nghĩ đến tôi trung; khi mất thăng - bằng, người ta mới nghĩ đến Nhân Đức (thăng bằng của Lão Tử là Đạo, nguyên lý của trật tự thiên nhiên); khi mất đức người ta mới nghĩ đến lòng Nhân, khi thiếu lòng Nhân người ta mới có ý thức về nhiệm-vụ, khi thiếu ý thức về nhiệm-vụ, người ta mới nghĩ đến Lễ-nghi. Do đó, lễ-nghi là biểu-hiệu sự thiếu thành thực và là căn nguyên của hỗn loạn ».

Theo Lão-Tử, nếu ta không cải thiện xã-hội được thì ít ra đừng làm cho nó xấu hơn. Phải tiến tới thế quân bình là Đạo, nghĩa là trở về tính đơn-thuần

nguyên-thủy và dùng thù dật sự sai biệt giữa Thiện và Ác : mọi người theo chủ nghĩa vô vi. Vô vi đây không phải là không làm gì cả, nhưng làm ít mà được nhiều, và để cho mọi người được tự-do phát-triển nhân cách của mình. Ông cho tỉ-dụ : «trị nước là gì, nếu không phải là công việc rán cá. Người trị nước là người chỉ cầm dũa và dơ cá lên, đặt cá xuống cho đến khi cá chín».



Giờ đây chúng ta phải băn khoăn tự hỏi : tại sao một tôn giáo huyền-bí như Phật-giáo lại có thể được phổ - biến ở Trung-Hoa, bên cạnh một tôn giáo thực-tiến và không ưa những gì huyền-bí ? Khổng giáo đưa đường ư ? Nếu Khổng giáo đã bạc-đãi Phật-giáo thì trái lại nó đã được Lão-giáo rất ưu-đãi. Lão giáo đã dọn đường cho Phật-giáo từ hơn 10 thế-kỷ, vì sự thực Phật-giáo đã được đem vào Trung-hoa khoảng thế kỷ thứ sáu sau Công Nguyên do các nhà truyền-giáo Ấn. Với màu huyền-bí của Lão-giáo, các nhà đó đã rất thành công trong công cuộc truyền-giáo ở mấy thế-

kỷ đầu. Từ đó, Phật-giáo đã ăn sâu vào tâm khảm người Trung-Hoa và cũng hưng thịnh ngang hàng với Khổng và Lão giáo.

Nhưng ta vẫn còn tự hỏi tôn giáo đó đã có những gì mà làm cho dân tộc Trung-hoa say mê đến thế. Nhà Phật bảo đời là bể khổ. Chúng sinh luôn luôn chìm đắm trong bể dục, sinh sinh hóa hóa trong kiếp luân-hồi. Chúng sinh muốn thoát khỏi bể khổ và khỏi trầm-luân trong kiếp luân-hồi thì phải tu-thân và diệt dục để nên thánh và được lên cõi Nát-bàn. Ở đó người ta không bị kiếp luân hồi nữa.

Phật nói : «Nước mắt chúng sinh trong ba ngàn thế-giới góp lại còn nhiều hơn nước trong bốn đại-dương».

Phật giáo phát sinh từ Ấn-độ và truyền sang Trung hoa vào Thế-kỷ VI sau Công Nguyên. Các tín đồ Phật lại chia ra làm hai tông phái, Tiểu thừa và Đại thừa. Tiểu thừa là phái Du-già ở Ấn và cũng là Phật giáo nguyên thủy lấy từ bi làm phương tiện. Họ tìm cách giải thoát riêng họ. Sau khi họ đã ra khỏi nghiệp Nhân Quả thì họ được vào Nát Bàn, và bấy giờ họ rũ sạch bụi trần, không còn

phải chịu kiếp luân hồi nữa.

Nhưng tín đồ theo Đại Thừa thấy giáo thuyết đó có vẻ hẹp quá nên họ quan-niệm rằng giải thoát mình không đủ, còn phải giải thoát chúng sinh nữa. Nhiệm-vụ của mỗi tín đồ theo Đại Thừa là tìm phương thế giải thoát cho mọi người để toàn thể chúng sinh có thể lên Nát-Bàn. Như thế họ phải khổ thay người khác.



Trên đây là mấy nét tổng quát sơ sài về ba học thuyết, ba tôn giáo và ba quan niệm triết-học nhân sinh, nền tảng của lâu đài văn minh Trung hoa, một dân-tộc đã có một lịch sử huy hoàng tự ngàn xưa và vết tích vẫn còn tồn tại đến ngày nay.

Nhưng ta lại có thể tự hỏi tại sao một người Trung-hoa lại có thể theo ba tôn giáo một trật : một điều không thể có được nơi một tín đồ Công giáo hay Thế phản và những tôn giáo khác...

Một tín đồ theo tam giáo suốt đời không theo một lễ nghi gì ngoài lúc chết. Mỗi tôn giáo trong ba đều tôn trọng người quá cố. Khi một tín đồ chết, bà

con của họ mời một vị sư đến nhà làm phép xác theo nghi lễ nhà Phật, họ lại mời một vị đạo tăng đến để tôn theo lễ nghi Lão giáo và họ sẽ chôn cất tín đồ đó theo lễ nghi của Khổng giáo. Người ta sẽ lạ khi thấy vị đạo tăng bận lễ phục Lão giáo đi sau vị sư Phật giáo.

Sự kiện tam giáo liên hiệp đó có thể cắt nghĩa theo sự thờ cúng tổ tiên, lòng hiếu thảo và chế độ gia đình.

Dù tín đồ của một tôn giáo nào trong ba cũng đều tôn-trọng sự thờ cúng tổ-tiên. Thờ cúng tổ-tiên chỉ là lòng hiếu thảo của con cái đối với cha mẹ khi các ngài đã khuất đi.

Giáo dục con em là vấn đề then chốt trong đại gia đình. Nền giáo dục đó chỉ cốt huấn-luyện cho con em trở nên những người con hiếu thảo và người dân lương thiện.

Hiện giờ, người ta còn thấy sót lại một vài gia-đình theo kiểu xưa ở Trung-hoa (dĩ-nhiên là khi Cộng-sản chưa nắm chính quyền). Một đại gia - đình Trung-hoa là thế nào ? Họ ăn ở với nhau có khi đến 10 đời mà chưa ra ở riêng. Ông tổ trong

đại gia đình ở giữa và anh em họ hàng đều làm nhà vây chung quanh. Hằng năm, đến ngày Tết Nguyên-Đán (thường vào khoảng sau rằm tháng giêng dương-lịch), con cháu họ hàng đến chúc mừng tuổi ông tổ đại gia đình và cả họ hàng ăn uống linh-dinh ở đây.

Họ liệu mọi thứ cần dùng trong đại gia đình và không cần phải đi mua hay đổi chác các thực-phẩm ở các đại gia đình khác. Ta có thể nói đại-gia đình là một nước nhỏ không thiếu một thứ gì.

Nếu xảy ra có một người trong gia đình nghèo túng, mọi người sẽ chung sức nhau để giúp đỡ. Ta không hề thấy một người hành-khất nào ngoài đường. Và lại, xã-hội Trung hoa cũng không cần có những công cuộc cứu-tế xã-hội như ở các nước Âu Mỹ (những xã hội xây nền trên văn minh cá nhân).

Ta có thể nói nền văn minh phong-kiến đã tan rã từ thế-kỷ thứ II trước Công Nguyên để nhường chỗ cho chế độ đại gia đình. Chế độ này đã là nền tảng của văn-minh cổ truyền Trung-hoa. Ở đó không hề có ý-niệm quốc-gia như người Âu-

Mỹ quan-niệm. Theo họ quan-niệm thì quốc gia cũng chỉ là một đại gia đình gồm các đại gia đình khác. Vì thế bên chữ «quốc», họ đã để chữ «gia» để dịch chữ «état» hay «state» của người Âu-Mỹ.

Sự giáo-dục của con em cũng do người trong đại gia đình giáo-huấn, chứ con em không phải đi đâu học (mà thực ra cũng không có học đường theo như quan niệm người Âu-Mỹ). Con em học hành thi đậu lại ra làm quan ! Và như thế cả nhà được thôn-lây. Nên người Trung-hoa có câu : «Một người làm quan cả họ được nhờ !»

Tình gia đình được liên-kết bền chặt như thế thì lòng hiếu thảo tất-nhiên phải được tôn-trọng và vun trồng. Có đức hiếu, người con mới trung-thành với cha mẹ và tình họ hàng mới bền chặt, kiên cố. Người con có hiếu phụng dưỡng cha mẹ khi các ngài còn sống. Khi các ngài quá cố, chàng thờ cúng cha mẹ y như các ngài còn sống vậy. Đó là kết quả của Khổng-giáo.

Tam giáo đã ăn sâu đến tận xương tủy người Trung-Hoa. Tam giáo đã xây dựng nên nền văn-minh của họ từ văn-ngệ đến Lễ-nghi.

CÔ GÁI ĐIÊN



TRUYỆN TÀU CỦA TỬ-VU ★ BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-ĐẮC

(Tiếp theo P. T. số 36)

MẮT nàng như nẩy lửa, tâm tình của tôi ra. Tôi cúi đầu, thở dài và nói :

— Rồi đây, hành-vi của tôi sau này sẽ chứng minh cho lòng tôi. . .

— Anh muốn bào chữa cho mấy, tôi vẫn chỉ thấy, đối với anh, sự ái-luyến của anh nằm trong công việc anh đảm-trách, mà, công việc anh đảm-trách, nó là sự ái luyến của anh.

Tôi đi tới chỗ « tắc kỳ ngôn lộ », tôi chẳng còn làm thế nào để giải bày được hết

Trong khi tôi nói tiếp, tôi thấy nàng giơ hai tay, lời cái ngăn kéo ra :

— Vâng, rồi tiểu-thư sẽ rõ, tất cả sự thực về Hải - Lan và tôi.

— Sự thực gì ? Sự thực là

dùng thủ-đoạn dối-trá, để bác-đoạt lấy trái tim của một cô gái mỹ-lệ, nhưng khờ-khạo.

— Tôi tưởng, đó là một thứ vinh-diệu, vì, tôi hết lòng yêu người con gái đó, và người đó đã chia sẻ mỗi tình tha-thiết của tôi!

— Đừng có lẻo-khẩu! Đồ lường-gạt, đồ ăn-cướp!

— Tôi xin tiểu-thư chớ có nặng lời với một kẻ «hàn-nhân»... Vâng, một vị tiểu-thư cao quý không được thốt ra những lời kiêu-hoàn, khinh-bạc, như vậy!

— Được, tôi có thể nói một cách khác, là: anh đã dùng cái kỹ-thuật về khoa tâm lý, để sang đoạt lấy tấm lòng trong trắng của một người con gái; như vậy, có khác gì dùng võ-lực để chiếm lấy nhục-thể của người đó?

Bị khí-ức đầy ruột, tôi đáp:

— Tiểu-thư chớ có nên hàm hồ như thế! Cho dầu tôi có đi làm công cho người ta, để lĩnh một số tiền thù-lao, nhưng, không phải vì vậy, mà tôi mất hẳn tâm-tĩnh để ái-luyện. Tôi đã nói với tiểu-thư, tôi yêu cô Hải-Lan, và, ngay cả đối với chính tiểu-thư, tôi cũng một niềm ái-

kính-tiểu - thư y như Hải-Lan vậy. Tôi tình-nguyên làm bất-cứ việc gì, có thể giúp ích cho tiểu-thư, tôi tình-nguyên đặt mình dưới quyền chỉ-huy của tiểu-thư.

— Tôi chỉ tiếc anh đã do-sự chỉ-huy của người khác, để đến đây, gieo tai, giáng họa!

— Gieo tai, giáng họa cho tiểu-thư? Thiệt, tôi không hiểu.

— Chứ không phải thế hay sao? Anh đã có dã-tâm, cướp-sống lấy Hải-Lan và làm điên-đảo cả cuộc sống của chính tôi.

— Tôi đã làm điên-đảo cả cuộc sống của tiểu-thư?

— Anh còn cãi làm sao nổi, chứng-cớ đã minh-bạch, rạch-rời; chẳng qua vì tự-tư, tự-lợi, vì mấy ngàn phật-lăng tiền công, và vì cái nhan-sắc kiêu-diễm của một cô nương, mà anh xả-thân để cướp lấy thắng-lợi, nhưng anh làm!

Nói rút-lời, nàng thò tay vào trong ngăn-kéo, rút khẩu súng-lục, mà vài hôm trước đây, nàng đã bắt gập tôi, đem để vào đó. Nàng kiên-quyết nói tiếp:

— Không! Trước mắt tôi, tôi không để cho anh thi-hành cái thủ-đoạn dè-hèn của anh, anh đừng tưởng đã hoàn-toàn thắng-lợi! Ít-lâu nay, người ta

vẫn cho là tôi điên; ừ thì tôi sẽ điên tới cùng cho họ xem. Phải, mai đây, tha hồ cho các báo đăng-tải việc này, nó tức là sự phản-ứng đối với cái luận-diệu «cam-thảo», viết trên tờ văn-báo... Anh có còn muốn nói chi nữa, hãy-nói đi!

Tôi kinh-ngạc, chẳng biết nói-sao? Nàng tiếp-bằng một giọng đầy vẻ khinh-khi, kiêu-ngạo:

— Hẳn anh cũng còn nhớ, tôi đã từng dùng súng sáu hạ-sát một gã nam-tử, trong trường-hợp tương-tự!

— Thưa, tôi còn nhớ.

— Anh không nghĩ tới sự kháng-cự, để tự-vệ, sao?

— Thưa không, vì, tôi xin thú-thật với tiểu-thư, khẩu súng đó không có đạn!... Nhưng, khẩu này, mới có băng-dạn đã nạp-sẵn, hẳn-hồi...!

Tôi liền rút khẩu súng ở túi-sau ra, và khê-tung lên, bắt lấy ở trong tay, rồi sau đây, tôi đưa nó cho nàng:

— Nếu tiểu-thư quả-quyết không-dối-ý, xin tiểu-thư hãy dùng cái khẩu-súng này.

— Thế, nghĩa là, anh nguyện ý chết.

— Thưa vâng, vì, chết dưới-làn-đạn của tiểu-thư, thiệt là một sự quang-vinh cho tôi.

— Một sự quang-vinh?

— Đúng, vì chết như thế, chẳng khác gì chết về lưỡi-gươm của một vị anh-hùng cái-thể!

Nàng đổi lấy khẩu-súng kia, đoạn, nàng nói:

— Anh hãy chuẩn-bị đi! Liệu anh có còn muốn nói gì nữa không?

— Thưa có, chỉ có một câu, xin tiểu-thư nói với Hải-Lan rằng: tôi yêu cô ấy, với tất cả tâm-hồn tôi!

— Thế còn các thân-hữu của anh, ở nơi tổ-quốc anh?

— Việc đó không cần, vì, rồi đây các báo, chí, sẽ nói cho họ rõ tất cả!... Xin tiểu-thư cứ việc xuống tay đi cho!

Nàng chẳng nói gì thêm nữa, làn môi đầy cương-quyết, cặp mắt ngời sáng như muốn nẩy lửa, nàng giơ khẩu-súng lên, chia-thắng vào ngực tôi.

Lúc ấy, bao-nhiêu cảm-tình, tư-tưởng của tôi, đều tiêu-tan mất cả. Tôi thấy hình-như có một thứ linh-cảm báo cho tôi rõ



đây là một lối thoát cho tất cả đau thương, phiền hận, nó đương thúc-phộc lấy tâm-hồn tôi, và, lối thoát này, có lẽ, là con đường tắt, gần nhất để đến cõi hư-vô. Lòng tôi bỗng trở nên bình-thản lạ-thường. Nhìn nàng, tôi không thể không coi nàng như một vị thần-linh hiện thân ở trước mặt tôi, với cái nhiệm vụ giải thoát cho tôi tất cả cái trần lụy hiện tại. Tôi bèn nhắm mắt lại và nói :

— Thưa, nếu không phải là quá phận, tôi yêu-cầu tiểu thư, trước khi máu tôi chưa đông, thân thể tôi chưa lạnh hẳn, xin tiểu-thư hãy thay thế cho Hải-Lan, ban cho tôi một cái hôn vào môi.

— Được !... Thôi, để ngay lúc này, tôi đáp ứng lời thỉnh

cầu của anh.

Và nàng giơ tay, đẩy mạnh tôi ra xa. Tôi mở choàng mắt ra và mới nhận thấy rõ cái tội - ác của tôi ! Phải, cái hôn vừa rồi là cái hôn của Bạch - Tần hay cái hôn của Hải - Lan ? Rồi tôi tự trách tôi, tôi hận tôi, tôi oán cả tình - cảm, lẫn sự ái-luyến của tôi ! Thế này, thì ra, sự ái-luyến của tôi đã mất hết tính - cách thuần-nhất, cùng là tín-ngưỡng rồi, còn gì ? Sự ái-luyến của tôi chẳng phải là « chí-thiện » nữa, mà là một tội-ác rõ-rệt ! Tôi lại bị sự thống - khổ dày-vò, hành-hạ ; tôi muốn cho cái tấm thân này mau-mau được liễu-kết ; tôi chau đôi mày lại và nói :

— Thôi, bây giờ, xin cô nương giải-quyết ngay đi cho !...

Nhưng, nàng cứ từ-từ đi ra xa chỗ tôi đứng, rồi, đột nhiên, nàng đập tay xuống mặt bàn, hạ giọng trầm trầm bảo tôi :

— Không, tôi phải cùng anh, ta « quyết-đấu » !

— Quyết đấu ?

Tôi vừa hỏi thế, vừa đương cặp mắt lên, nhìn nàng.

Trong khi ấy, nàng đã đặt khẩu súng và lấy thuốc, châm lửa hút :

— Không, tôi không thể để cho anh chết trong sự quang vinh như vậy, và tôi, tôi không ưng đắc thắng một cách yếu hèn nhường ấy. Bởi vậy, ta phải cùng nhau, quyết-đấu.

— Nhưng, thưa tiểu thư, cái việc tôi đi quyết đấu với một vị tiểu-thư, liệu có phải là một thứ quang vinh cho tôi hay không ?

— Anh hãy nhớ cho rằng, một vị tiểu thư của dòng họ Thê-tư - Lăng, thiệt chẳng hề kém gì một trang nam tử.

— Có lẽ, đối với người âu, thì như vậy đó, nhưng dưới mắt người đông phương, thì không thể thế được.

Nói rút lời, tôi bèn quay lưng, đi ra phía cửa sổ.

Ngoài vườn, tất cả cây cối trơ trụi những cành khẳng khiu, đều đứng yên phăng - phắc ; những đám mây xám xịt màu tro, đương kéo đi trên không trung ; bao pho tượng đá vẫn trơ trơ như bị chết cứng. Tôi chợt hồi tưởng lại, lúc ban đầu, cũng ở nơi đây, dưới ánh trăng vàng-vạc, tôi đã thiết-thệ rằng : tôi xin đem cả tấm thân, để cố trị-liệu cho

cái vị cô nương trắng lệ này khỏi được cái bệnh tình thần quái-ác kia. Ấy thế mà, trong cái cảnh tình đó, nay, tôi cơ-hồ như bị luân hãm vào cái vòng tâm tư phiền loạn của nàng !

Quả tình, nếu sự quan hệ giữa Hải-Lan và tôi không làm cho nàng phải rối loạn, thì, Hải Lan cũng không sao tránh nổi sự đau-khổ vì sự quan-hệ giữa nàng và tôi. Nghĩ như thế, tôi

lại sậu nhiên sức nhớ tới cái hôn lúc này, tôi không thể nào không phủ nhận rằng chính nàng và Hải - Lan đương làm cho lòng tôi xao xuyến đến cực độ ? Trời ơi, đây là cả một sự thống

khổ không sao nói được nên lời, nó cấu xé tâm can tôi. Sự xung đột của ba tấm lòng nhiệt liệt kia, chỉ có thể đưa ba người chúng tôi tới chỗ cô tịch, tới sự chia lìa, không có sức gì cứu vãn nổi. Cả ba chúng tôi sẽ phải xa nhau, để rồi đau-khổ vì nhau. Tôi muốn mau-mau được thoát ly, tôi bèn ngẩng đầu lên ngắm thính-không và kêu lên :

(Còn tiếp)



Y Ê U

Yêu là cái mà ta không tả được
Một khi yêu là phải chuốc tình yêu
Nó hình dung trong ánh mắt đắm chiều
Nó phảng phất khi ánh chiều vàng nhạt
Nó ủy mị như những làn gió mát
Nó lung linh trong ánh sáng trăng phai
Nó mơ màng như tiếng nhạc bên tai
Nó đồn dập như thác ngàn nước đổ
Nó lơ lửng như làn mây hơi gió
Nó cộc cằn như sắt đá chạm nhau
Nó hững hờ như buổi mới quen nhau
Nó bức tức ánh nắng hồng gay gắt
Yêu là cái... thường làm ta thất mắc
Lắm khi yêu mà không nói nên lời
Là âm thanh trong câu nói giọng cười
Là cử chỉ — Là dáng người — ~~Điệu bộ~~
Yêu là cái... từng làm ta đau khổ
Chữ tình yêu thật thâm thúy bao la
Một khi yêu rồi ta mới nghĩ ra
Nó là thịt, là da — là sắc đẹp
Yêu không phải trong phạm vi nhỏ hẹp
Yêu làn môi — yêu mái tóc — đôi tay
Yêu iánh tình — yêu dáng điệu — khoan thai
Yêu tà áo tung bay vờn trước gió
Đời để có mấy ai từng hiểu rõ
Chữ tình yêu ới khó tả làm sao
Biết rằng yêu là sẽ chuốc khổ đau !!!..

TIẾN-XUÂN (Saigon)

MỘT SÁNG KIẾN ĐÁNG KHEN

PHÁP-VIỆT

VĂN HÓA VIỆN

Tháng 6 vừa qua, ở Paris đã được thành-lập một viện văn-hóa Pháp-Việt với hai mục-dịch sau đây :

1. — Làm nơi tiếp đón các sinh-viên Việt-nam sang Pháp, có học bổng, hay không có học bổng, chiêu-dắt các bạn về mọi phương diện (chỗ ở, ăn, tìm nơi tập-sự, nơi học-đường, v.v...)

Tổ-chức các hoạt-động Văn hóa (triển-lâm, diễn-thuyết, thăm viếng các thắng cảnh, các nơi lịch-sử, du-lịch, cắm trại, v.v..)

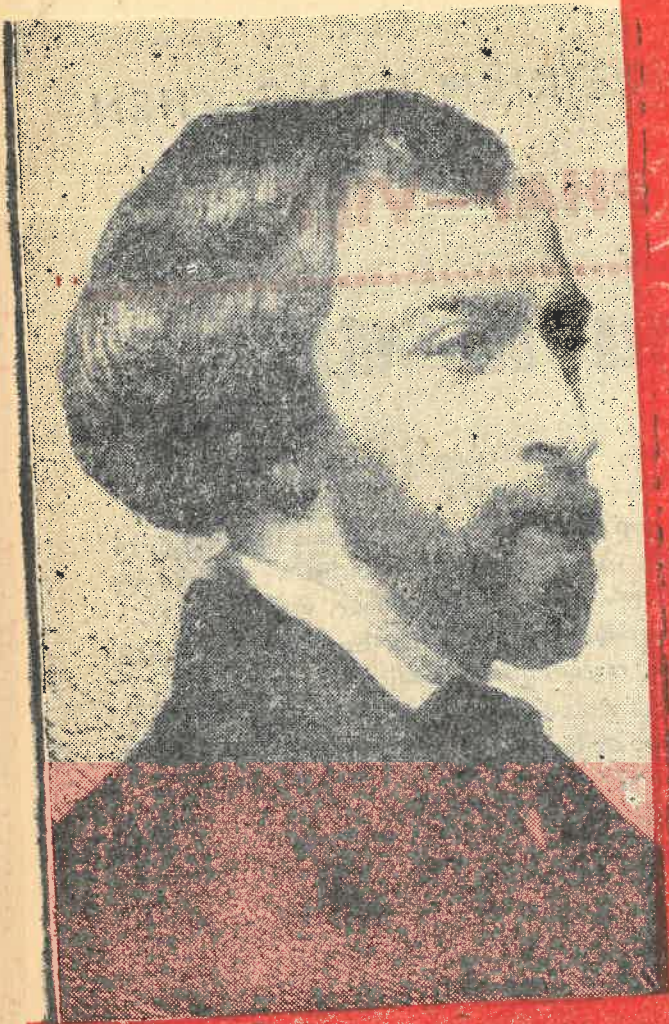
2. — Hướng dẫn về đường lối học-tập để cho sinh-viên Việt-Nam sang Pháp được có đủ phương-tiện khai-thác triệt-để những khả-năng của mình, cho việc học được có lợi-ích thiết-thực hơn.

Viện Văn-Hóa này được điều-khiển bởi một Ban trị-sự, với sự ủng-hộ trực-tiếp của Bộ Ngoại-giao, Bộ Giáo-dục, và Tổng-Ủy Thanh niên và Thể Thao của Pháp. 3 bộ này đều có Đại-diện trong Ủy ban. Chủ-tịch là Ô. JEAN SARRAILH, Viện-trưởng viện Đại học Paris. Cố-vấn là Ông GUSTAVE MEILLON, giáo-sư Đại-học đường Sinh-Ngữ, Paris.

Trụ sở ở ngay giữa Quartier Latin, và bắt đầu hoạt-động sau kỳ nghỉ hè tháng 9 - 1960.

Phổ - Thông tạp - chí xin có lời thành-thực khen ngợi ông bạn G. Meillon đã cố gắng góp sức vào sự thực-hiện cơ-quan ích-lợi này, và xin chúc Viện Văn-Hóa Pháp-Việt thành công rực-rỡ.

N. V.



★ TÂN PHONG

CUỘC
TÌNH
DUYÊN
SÔI
NỔI

của

Thi sĩ MUSSET

và Nữ-sĩ

GEORGE SAND



CHÀNG THI SĨ MỚI RA ĐỜI

LẦN đầu tiên, năm 1827, một tờ báo nhỏ ở tỉnh, *Le Provincial*, xuất bản tại thành phố Dijon, miền Nam nước Pháp, có đăng một bài thơ của một cậu học-sinh 17 tuổi, ký tên là ALFRED DE MUSSET. Bài thơ đề là :

Ballade à la Lune

Đại khái có mấy câu như sau đây:
*C'était dans la nuit brune,
Sur le clocher jauni,*

La Lune

Comme un point sur un i.

Avez-vous vu dans Barcelone

Une andalouse au sein bruni ?

(Đêm nâu thắm,

Trên gác chuông vàng

Mặt trăng,

Như dấu chấm trên chữ i.

Anh có thấy trong thành Barcelone

*Một cô gái đẹp ở Andalousie, có
bộ ngực nám xì ?)*

Bài thơ đó khởi điềm một sự
nghệ thi-văn vô cùng hào-hung.

Năm năm sau, Musset 22 tuổi

đã lên ở Paris và đã xuất bản
vài tập thơ, vài bản kịch, gây
được cảm tình của một số nhà văn
và nhà Thơ có tiếng-tầm. chàng
được nhận vào những câu-lạc-bộ
riêng của các Thi-sĩ lãng-mạn :
Victor Hugo, Sainte Beuve,
Charles Nodier, Lamartine, Vigny,
D'Arvers...

« *La Revue des deux Mondes* »
là một Tạp-Chí Văn-ngệ có uy-
tín nhất thời bấy-giờ, đã mở cột
báo đón nhận nhà Thi-sĩ trẻ tuổi
tuy rất từ-tốn, khiêm-nhường,
nhưng đã trở ra một thiên-tài siêu-
việt, trong những bài thơ rất dồi-
dào tình-cảm thiết-tha thâm-trầm.

Một hôm chủ nhật 1832, ông
Buloz, chủ-nhiệm tạp-chí ấy, làm
một bữa tiệc tại tiệm Lointier,
đường Richelieu, để giới-thiệu
Alfred de Musset, với các Văn-sĩ
Thi-sĩ thường cọng-tác với ông.
Trong đám khách dự tiệc, có một
Nữ-sĩ lừng-danh : GEORGE
SAND. Lừng-danh vì George
Sand là người đàn-bà lãng-mạn
nhất thời bấy giờ, và là tác-giả
quyền-tiểu-thuyết *Indiana* đã được
các báo và công chúng hoan-ngênh
nhiệt-liệt. Bà lại là tình nhân của

NHỮNG CUỘC TÌNH DUYÊN SÔI NỔI

Văn-sĩ JULES SANDEAU.
Chính bà lấy một nửa cái tên ông
này để làm bút-danh của bà, và
lúc đầu hai người viết chung, ký
là Jules Sand, rồi sau bà viết một
mình ký là GEORGE SAND.
Tên thật của bà, hồi còn thiếu-nữ
là LUCIE DUPIN, sau lấy
chồng thành ra bà Nam-tước
DUDEVANT, được 2
con. Chồng chết, bà gán bó
với nhà văn Jules Sandeau,
sống chung với ông này như vợ
chồng chính thức được gần hai
năm, rồi tan rã. Tuy vậy, bà vẫn
giữ luôn bút hiệu George Sand
vì đã có tiếng-tầm nhiều rồi.
Ở Paris thời bấy giờ dân chúng
ai cũng biết bà nữ-sĩ đẹp và
còn trẻ, chuyện môn mặc quần
áo đàn ông, tính tình rất tự-do
lãng-mạn.

Hôm đến dự tiệc của Tạp-chí
« *La Revue des deux mondes* »,
George Sand phục sức theo lối
phụ-nữ Thờ-nhi-kỳ, mặc chiếc áo
thêu kim-tuyến, và đeo nơi cổ tay

một chiếc vòng Ai-Cập thật bự.
Nàng tha thướt bước vào phòng
tiệc, cặp tay với Gustave Plan-
che, nhà phê-bình văn-học của tạp
chí « *La Revue des deux Mondes* »

Alfred de Musset, nhà Thơ trẻ
tuổi mới được vào giúp việc lần
đầu tiên trong tạp chí, cũng y-
phục bảnh bao, áo redingote cổ
nhung, quần xanh màu da trời.
Trông thấy George Sand vào,
Chàng khẽ hỏi Buloz, chủ nhiệm
tạp chí :

— Có phải bà Dudevant đấy
không ?

— Phải.

— Sao còn trẻ thế ? Bà mấy
tuổi ?

— Hai mươi chín.

— Thế ra lớn hơn tôi đến 7
tuổi cơ à ?

Buloz mỉm cười hóm hỉnh :

— Tôi đã sắp chỗ cho anh
ngồi bên tay phải của bà. Anh
sẽ tha hồ tán chuyện.

Cuộc phiêu lưu sang Venise thơ mộng

MUSSET nói chuyện
thì nhất định là có duyên

lắm rồi. Lạ nhất là ngày thường
George Sand rất kiêu hãnh, đối

với đàn-ông nàng coi thường, thế mà suốt cả buổi tiệc tối nay nàng lại nghe say mê chàng Thi-sĩ đa tình nơi căn lầu riêng của nàng ở đường Malaquais, trên bờ sông Seine. Vài tháng sau buổi tiệc giới-thiệu của tạp chí « *Revue des deux Mondes* », George Sand bỏ rơi Jules Sandeau, vì say mê chàng Thi-sĩ.

Sự thật, Musset cũng nghe danh George Sand đã lâu nhưng chưa hề đọc một câu văn nào của nàng cả. Xong tiệc đêm ấy, Musset chạy đến một người bạn mượn quyển truyện *Indiana* của nàng, đem về nhà nằm đọc một mạch cho đến sáng.

Hôm sau, chàng gởi đến nữ-sĩ mấy câu thơ khen tặng.

Thế rồi, tài tử giai nhân đã thành đôi bạn tâm tình mà dần dần cả Paris văn-ngệ đều mỉm cười chờ đón một cuộc phiêu-lưu chắc là hứng thú. Vì George Sand đã có một đời chồng, có hai con, lại đang khăng khít với Jules Sandeau, sống cuộc đời rất tự do lãng mạn. Còn Musset tuy đã là một thiên tài Văn nghệ, nhưng mới có 22 tuổi, hãy còn quá ngây thơ, lần đầu tiên mới nếm hương vị nồng nàn của ái tình, do một thiếu phụ đã thạo đời ban cho.

Trước mặt bạn bè, George Sand đã gọi đùa Musset là « Al-

fred ranh mãnh của tôi » (1), và thường tiếp chàng Thi-sĩ đa tình nơi căn lầu riêng của nàng ở đường Malaquais, trên bờ sông Seine. Vài tháng sau buổi tiệc giới-thiệu của tạp chí « *Revue des deux Mondes* », George Sand bỏ rơi Jules Sandeau, vì say mê chàng Thi-sĩ.

Hai người dắt tay nhau đi chơi khắp thành phố Paris, Chàng diện như « công tử », nàng cũng mặc đồ đàn ông bảnh bao như chàng, và họ nô - đùa với nhau trong các hoa viên như một cặp bồ câu.

Nữ-sĩ George Sand hút một ống điếu thật dài bằng gỗ anh- đào mua tận bên Đức. Nàng ngồi trên ghế đá, kê đầu vào vai người yêu, sung sướng nhìn những cuộn khói xanh, rủ rủ bên tại chàng :

— Anh ơi, em muốn hai chúng mình đi du-lịch những cảnh thần tiên thơ mộng hơn, sang La Mã hay Venise, anh thích không ?

— Ô, em ơi, anh thích lắm chứ. Phải, chỉ có La - Mã của nghìn xưa, chỉ có Venise muôn thuở mới xứng đáng để chứng kiến

(1) « *Mon gamin d'Alfred* ».

tình yêu tuyệt vời của em với anh !

Chàng âu-yếm nhìn đôi mắt của nàng, đôi mắt huyền mơ xinh đẹp làm sao !

Đêm ấy, chàng viết những câu thơ say-sưa ca-ngợi người yêu :

« *Te voilà revenu dans mes nuits étoilées,*

Bel ange aux yeux d'azur, aux paupières voilées. »

.

(*Trời mơ sao sáng long lanh,*

Em về với cặp mắt xanh mơ-huyền)

.

Thế rồi, « cặp mắt xanh mơ-huyền » với chàng Thi-sĩ từ-giã Paris một buổi sáng tháng chạp năm 1833, đi đến Venise, kinh-dô của tình yêu muôn thuở.

Anh ruột của Alfred, là nhà văn Paul de Musset, ra tận bến xe để tiễn chàng và nàng.

Cuộc hành-trình bắt đầu không được vui lắm như hai người mong muốn. Trời lạnh buốt, cả hai ôm sát vào nhau, nhưng chàng vẫn run lẩy - bẩy vì sức khoẻ của Musset hơi yếu. George Sand cứ hút thuốc không ngớt, miệng nàng luôn luôn ngậm ống điếu dài, phì khói ra liên-miên, làm cho người yêu muốn

nghet thở. Đã vậy, lại gặp chuyện rui-ro: Vừa mới đi được vài dặm, hai con ngựa lạnh công, kéo chiếc xe quá nặng nề, đâm đầu vào hai trụ đá, xuyết nửa lộn nhào. Một con ngựa bị thương, chiếc xe đi cà-rịch cà-tang mãi đến khuya mới đến thành-phố Lyon. Ai nấy mệt đừ-dừ, không còn muốn chuyện trò gì nữa cả.

Một đêm xấu chẳng ? Musset đề-nghị với George Sand bỏ đường bộ, đi đường thủy.

Hôm sau, đôi yêu-trương đáp một chiếc tàu thủy, theo giòng sông Rhône chảy xuống Marseille.

Trên tàu, lại gặp nhà văn Stendhal, một anh chàng mập thù lù, tên thật là Henri Beyle, lúc bấy giờ được bổ làm Lãnh - sự Pháp tại thành phố Civitavecchia bên Ý. Nghe Musset và George Sand nói sang Venise và Rome, đề sống một tuần trăng - mật, đề thưởng - thức nghệ - thuật La-Mã, Stendhal cười có vẻ ngạo - nghễ :

— Sang Venise ? Thưởng-thức nghệ-thuật La-Mã ? Thôi đi, ông ơi, bà ơi ! Khéo mơ mộng hão huyền ! Các người sẽ thất vọng, tôi bảo trước cho biết đó !

Alfred de Musset mỉm môi cười. Chàng đã biết ông bạn Văn-sĩ này.

ở Paris đã có tiếng là người ưa châm-biếm. Và có lẽ anh chàng thấy Musset được đi du-lịch ái-tình với Nữ-sĩ George Sand, chàng ghen ghét chớ gì! Nhưng George Sand thì khó-chịu. Nàng đang ngâm ống diều dài bằng gỗ anh-đào của nàng, phì ra một hơi thuốc vào mặt ông bạn làng văn đáng ghét:

— Chắc tại anh đã bị một cô nào bỏ rơi anh trên mặt nước Venise, nên anh mới bi-quan như thế chứ!

Suốt cuộc du-hành trên sông Rhône, nàng không buồn nói chuyện với Stendhal nữa.

Đến Marseille, nàng thở một hơi nhẹ. Nàng nói thăm với Musset nên tránh Stendhal, để khỏi bức mình.

Đôi tình-nhân vui-vẻ sang Ý... Đi qua 3 nơi, Livourne, Pise, Florence... Nhưng đến hành-phố này, cả hai đều không quyết-định được là đi Rome hay đi Venise?

Vì tiền túi không có nhiều, chỉ có thể đi một nơi thôi. George Sand lấy một đồng tiền ra bói, nhí-nhảnh bảo người yêu: "Em

quăng đồng tiền xuống bàn, nếu là bề mặt thì chúng mình đi Rome, bề trái đi Venise, anh nhé?" Musset cười, đồng ý. Đôi tay nồn-nà mủm-mỉm thả đồng tiền quẻ xuống mặt bàn: quẻ cho bề trái. Đó có lẽ là duyên số của cặp tình-nhân này xui-khiến như thế chẳng? Vì giá sử George Sand và Musset đi Rome, thì biết đâu không xảy ra việc đồ-bể lạ lùng mà lịch-sử văn-học Pháp còn ghi lại? Có ai ngờ đôi tài-tử giai-nhân có danh tiếng này đi Venise để hưởng hạnh-phúc diễm-tuyệt của tình-yêu, mà lại đến đây để cho mối-tình mơ-mộng rất êm-đẹp kia bị đồ-vỡ tan-tành với bao nhiêu nước mắt, bao nhiêu bi-thương, bao nhiêu hận? Và nếu không có cuộc tan-vỡ này thì chắc gì văn-học-sử Pháp còn để lại được mấy tập thơ kiệt-tác của Musset mà ngày nay ai đọc lại cũng không khỏi thấy tâm-hồn đê-mê rung động?

★ Kỳ sau tiếp: "Cái vết thương thiêng liêng ấy..."

TÂN-PHONG

Mình ối!

Trái đất
có thể bị

tan-vỡ
không



MÌNH ƠI !

— Ơi gì mà ơi mãi thế, hả ta ?

— Hể Trái Đất còn, thì còn hai đứa mình, mà hai đứa mình còn thì em còn “ ơi ” mình hoài !... Bây giờ thì Mình nắm xích một bên vòng cho em nắm với !

— Bộ em sợ Trái Đất sẽ tan vỡ sao ?

Ông Tú cố né mình vào một nửa bên vòng đề bà Tú nắm kề bên ông. Xong Bà bảo :

— Đạo này đọc báo, thấy nhiều tai nạn gớm ghê trên Trái Đất, sao em cứ sợ có ngày nó nứt ra như trái mít chín, rồi nó rụng xuống hố thẳm của không gian mất, Mình ơi ! Nào là động đất ở Agadir, ở Chili, ở Brésil, ở Pérou, ở Ý, ở Thổ-nhĩ-Kỳ ; nào là cả một thành phố đang phồn thịnh bỗng dưng bị chìm lìm xuống đáy biển ; ngoài biển bỗng nổi lên hòn cù-lao ; rồi nào là những hỏa diệm sơn đã tắt ngấm mấy mươi đời ở Nam-Dương tự nhiên bây giờ nổi dậy phun khói phun lửa ; nào là nước biển dâng lên ở Nhật kéo cả một nửa hải cảng ra khơi ; chỗ này thì đất nứt, chỗ kia thì đất lồi, có lẽ Thượng đế không muốn cho loài người này sống nữa sao chứ ?

— Em khéo lo ! Anh thì anh

mặc kệ. Giá sử trái Đất sẽ bị tiêu diệt chẳng nữa và loài người sẽ chết hết không còn một móng nào thì hai đứa mình sẽ hóa thành đôi chim bồ câu bay về Tiên giới. Nhưng theo số Tử-vi của anh, 92 tuổi anh mới chết em à. Từ nay đến đó tụi mình còn sống chung 45 năm nữa !

— Nhưng em không hiểu sao trái Đất vững chắc lắm mà còn cứ rung rinh hoài, coi bộ lỏng lẻo quá, chắc gì còn được nguyên vẹn 45 năm ?

— Trái đất này đâu có vững chắc. Đối với nhiều hành tinh khác, nhiều “ngôi sao” khác, Trái Đất của chúng ta mới thọ được 3.000 triệu tuổi thôi ! Nếu Mình biết rằng nhiều “hành-tinh hệ” của “sông Ngân-hà” đã xuất-hiện trong vũ-trụ trên 12.000 triệu năm rồi hoặc hơn nữa, thì Mình mới thấy rằng cái thế giới già khụ này háy còn là một bà cụ non ! Anh nhớ có lần anh nói với Mình rằng Trái đất là con của Mặt Trời, nguyên thủy là một khối lửa chưa thành hình, do Mặt Trời tách ra, quăng ra giữa không gian lỏng lẻo vô biên và quay cuồng chung quanh Mặt Trời theo một ly-tâm lực (*force centrifuge*) vô cùng mãnh liệt. Mãi 1.000 triệu năm sau, khối lửa ấy mới

MÌNH ƠI

nguội dần, và 1.000 triệu năm để cô đọng lại thành hình tròn và cấu tạo thành ra đất, nước, và các loài kim khí.

Quả địa cầu bấy giờ mới nguội hẳn, bao nhiêu chất lửa còn lại đều rút vào trong lòng đất. Thời kỳ này, gọi là Thời-kỳ trước Hàn vũ - hệ (*période précambrienne*), trên Trái Đất đời sống chưa có. Từ 1000 triệu năm trở về sau này, đời sống mới xuất hiện dần dần, và chia làm 4 thời-đại. Các loài vật, thảo mộc và cầm thú, lần-lượt xuất hiện theo từng thời đại chứ không phải cùng một lúc. THỜI-ĐẠI THỦ NHẤT (*Période primaire*) xuất hiện các giống CÁ TRÊ, con SAM, con SỮA, ỐC, BÒ CẠP, và một số động vật khác vừa ở nước, vừa ở đất. Cây cỏ thì mới có các giống cây “ĐUÔI CHỒN” (*fougères*) các thứ RÊU. THỜI-ĐẠI THỦ NHỊ (*Période secondaire*) xuất hiện các giống TÔM, THẮN-LẦN, RẮN MỎI, CÁ SẤU, CÁ ĐUỐI, CÁ CHUỒN, các giống CHIM, HẢI-CẦU, một số GIỐNG VẬT CÓ VÚ, các loài bò sát, các giống CÂY THÔNG, cây PHƯỢNG - VÍ, v.v... THỜI-ĐẠI THỦ BA (*Période*

tertiaire) : các loài VOI (thủy-tô loài voi hiện giờ, to lớn gấp ba, có lông xù như lông cừu, trên cổ có lông gáy như ngựa, ngà dài và cong lên. Người ta còn tìm được loại voi này ở miền Bắc-băng-Dương, xác voi còn nguyên, cả xương lẫn thịt còn tươi, bị vùi lấp dưới tuyết sâu hằng mấy chục ngàn năm nay), các giống NAI, KHỈ, VƯỜN, BÒ TỐT, TÂY GIÁC, MÈO, CHÓ, NGỰA, HEO, BÒ, CỌP, BEO, con LƯỜN, CÁC GIỐNG CÁ. Cây DỪA, TRE, BÀNG, CHÊ-NES, SAULES, LIỄU, v.v... Tất cả các giống cây cỏ và cầm thú khác đến thời đại thứ tư đều sinh sản đủ. THỜI-ĐẠI THỦ TƯ (*Période quaternaire*), mới xuất-hiện LOÀI NGƯỜI. Loài người ra đời chậm hơn tất cả các loài vật khác. Chúng ta là con út của Quả Đất, sinh sau đẻ muộn, cho nên đừng có tự phụ là chúa tể của muôn loài. Cho đến con ốc bà chẳng có hai cái sừng duyên-dáng kia cũng đã ra đời trước con người ta 999 triệu năm ! Vì, Mình nên nhớ rằng : LOÀI NGƯỜI XUẤT HIỆN TRÊN MẶT ĐỊA CẦU MỚI ĐƯỢC 1 TRIỆU NĂM THÔI ! Tuy nói rằng 1 triệu năm, là theo các

vết tích còn để lại trong các vật hóa thạch (Fossiles) mà các nhà Bác học đã tìm được, nhưng gạt bỏ thời kỳ ăn lông ở lỗ chung dụng với các thú vật, loài người mới có trí khôn, mới thành loài người hiểu biết hơn loài vật chỉ 5000 năm nay thôi. Trước tiên là giống người AI - CẬP (5000 năm), rồi đến người TÀU (4500 năm) người HÉBREUX (4000 năm) người HY - LAP, (2700 năm). Đó là những giống người đầu tiên đã biết mài đá, làm khí cụ, nuôi bò, heo, dùng đồng, sắt, vàng, v.v... và đã biết dùng đến trí khôn.

Anh kể lại lịch Trái Đất như thế, để em thấy rằng : tuy Trái Đất đã có từ 3000 triệu năm, và đã để 1000 triệu năm cô đọng lại thành hình tròn và nguội dần cho đến ngày nay nhưng đến nay quả địa cầu vẫn KHÔNG PHẢI LÀ MỘT KHỐI ĐẤT ĐẶC CÙNG Ở TRONG RUỘT. Trung tâm diềm của nó chứa đựng một khối nhưn lỏng (Noyau liquide), gọi là NIFÉ, vì khối ấy gồm có hai khoáng chất NICKEL (kẽm) và FER (sắt), nhưng lỏng như nước và nóng hơn lửa. Chung quanh trái tim của đất là khối nhưn lỏng

ấy có một lớp khoáng chất khác bầy nhầy, sền sệt, gọi là SIMA (có hai chất SILICE và MAGNESIE).

Ngoài lớp ấy mới đến lớp vỏ trái đất, và mặt đất. Lớp vỏ này cũng ví như cái vỏ hột vẹt, cứng và mỏng bao bọc hai lớp trong. Đo từ mặt đất xuống hết lớp vỏ cứng ấy, chỗ cạn nhất là 10 ki-lô-mét, chỗ sâu nhất là 70 ki-lô-mét.

— Mình ơi, đường bán kính của Trái Đất là bao nhiêu nhỉ, em quên rồi.

— Đường bán kính của Trái Đất là trên 6000 KI-LÔ-MÉT

Đây em xem, đường bán kính của địa cầu là 6000 ki-lô-mét, mà lớp vỏ của nó chỉ dày nhất là 70 ki-lô-mét, nghĩa là chúng ta đang SỐNG TRÊN MỘT MẶT ĐẤT HẾT SỨC MỎNG-MẢNH ! Mong manh và rất bấp bênh, vì lớp SIMA ở kế dưới lớp vỏ đất không phải nằm yên-lặng và không bao giờ quẫy cựa như lúc anh nằm ngủ ! Trái lại, nó cứ sủi-sụt luôn luôn như một đám bùn sôi. Lớp ấy chứa nhiều nhất là Silice và Magnésie, nhưng còn có các chất khác mà tỷ-trọng không đều nhau, chất thì nặng hơn, chất nhẹ hơn, và nhiệt

độ cũng không đều, khả năng phóng xạ cũng bất đồng. Do đó mới sinh ra một luồng nhiệt động lực (courant thermodynamique) chạy ngầm dưới lớp vỏ địa-cầu. Đó là nguyên do các tai họa xảy ra trên mặt đất, vì những luồng nhiệt động lực ấy một khi dụng mạnh vào dưới vỏ trái đất, hoặc nó kéo xuống, hoặc nó đẩy trời lên, thì gây ra động đất, nứt đất, sôi biển, nước biển dâng lên, cù lao nổi lên, thành phố sụp xuống v.v. . .

— Như thế thì bất cứ chỗ nào trên mặt đất cũng có thể bị các tai họa thường xuyên kia ?

— Không hẳn thế. Vì là nhiệt động lực ở dưới vỏ trái đất sủi-sụt nhẹ thôi, mỗi lần chỉ trên dưới một phân tây, tuy rằng cái hậu quả của sự thúc đẩy của một phân tây kia trong một giây đồng-hồ cũng đã tai hại vô kể trên mặt đất chông chênh. Lẽ thứ hai là không phải địa diềm nào cũng bị sức thúc đẩy vô cùng nguy hiểm đó. Cứ theo như đã nói lúc nãy về việc cấu tạo quả đất, thì người ta đã nhận xét rằng trong khi quả đất đang nguội dần dần và cô đọng lại trong thời gian 1000 triệu năm thì dĩ nhiên có những chỗ đất nguội sớm hơn,

và đã đọng lại cứng rắn vững chắc hơn, thành ra có thể tránh được áp-lực của nhiệt động tuần hoàn.

Trái lại, có những chỗ đất còn « trẻ » quá, lớp vỏ còn mỏng-mạnh quá thì rất dễ bị. Nhiệt-động lực gây thành làn sóng ở dưới đất, cũng y như gợn sóng trên mặt nước vậy.

— Mình à, em đề ý một điều này hơi lạ, là các cuộc động đất, và núi phun lửa, nước biển dâng v.v. đều ở hai bên bờ Thái-Bình-Dương, như San Francisco, Chili, Nhật, Nam-Dương, Phi-luật-Tân v.v. . .

Em chỉ sợ Việt-Nam mình cũng bị ảnh hưởng, vì Việt-nam cũng ở trên bờ biển Thái-Bình-Dương. Chỉ có Agadir ở trên bờ biển Đại-Tây-Dương. Tại sao thế hả mình ?

— Chúng ta đừng quên rằng chính Đại-Tây-Dương xưa kia, theo sách của nhà Sử-học cổ Hy Lạp là Platon kể lại (429 trước J. C.) là một lục địa rộng lớn gần bằng châu Âu chứ không phải là Đại dương. Lục địa ấy tên là ATLANTIDE, một hôm bỗng dưng chìm lịm xuống biển. Toàn thể xứ ATLANTIDE bị sụp

xuống, nước biển chung quanh dâng lên tràn ngập cả, thế là lục địa ấy biến mất trên mặt địa cầu, chỉ trong một ngày và một đêm, y như trường hợp xảy ra ở xứ Chili vừa rồi. Lục địa Atlantide bây giờ thành ra Đại - dương ATLANTIQUE. Biển cổ ấy mới xảy ra 9.000 NĂM TRƯỚC J.C. chớ chưa lâu đâu. Hiện nay Đại-Tây-Dương rộng đến 100 TRIỆU KI-LÔ-MÉT VUÔNG, bề sâu nhất chỉ có 8520 thước (vùng đảo Antilles). Có chỗ sâu 6000 thước (Hố biển Bartlett). Có chỗ chỉ sâu từ 1.000 đến 4.000 thước thôi. Như thế, Đại-Tây-Dương chính là một địa điểm rất đáng sợ, về mặt động đất. Và lại đây núi ALPES (Pháp, Ý, Thụy-Sĩ) và dãy núi ATLAS (Bắc-Phi) cũng mới trời dậy cách đây chưa quá 1 triệu năm. Cho nên vừa rồi, thành phố Agadir vô phước nằm nơi trung-tâm chấn-địa (épí-centre) của cuộc động đất, và tiếp theo đó là nước dâng lên trong biển Địa Trung-Hải, và động đất liên tiếp ở Tunisie, Ý, và Thổ-nhĩ-Kỳ, là những vùng kề-cận.

— Còn Thái-bình-Dương thì sao hả mình? Sao có động đất ở Chili, ở Pérou? Nước dâng ở Nhật - Bồn? Núi lửa thức dậy ở Nam - Dương, ở Phi-Luật - Tân? Sao lại liên tiếp

các tai nạn kinh khủng như thế trong vòng mấy tháng?

— Chúng ta ở trên bờ Thái Bình-Dương, chính là ở ngay nơi hiểm địa. Vậy chúng ta cũng nên biết rõ về cấu tạo của nó. Lớn hơn gần hai lần Đại-Tây Dương, Thái Bình Dương rộng đến 180 TRIỆU KI-LÔ-MÉT VUÔNG, kể cả các biển ở chung quanh, như biển Nam-Hải, biển Hoàng Hải, biển Nhật-bồn, biển Corails, v.v...

Rải rác chung quanh nó là một dãy cù lao lớn và nhỏ có rất nhiều núi lửa, kế tiếp nhau thành như một vành móng ngựa. Bề sâu của nó cũng sâu hơn Đại Tây Dương: về phía Bắc, sâu từ 6.000 mét đến 11.000 mét, (hố biển Tuscarora, chạy từ Nhật bồn qua Alaska (Bắc-Mỹ)). Phía Nam đảo Mindanao, Phi-Luật-Tân, nó sâu 10.800 mét. Về phía Tây, từ Phi-luật-Tân vào bờ biển Việt-Nam, bề sâu của nó chỉ có 6.000 mét, và ở dưới đáy biển nơi đây có những cái gò, (plateaux sous-marins). Nhờ các gò dưới đáy biển này mà hải-phận Việt-Nam không bị ảnh-hưởng bởi các cuộn sóng thần (Raz de-Marée) thường tàn phá như vừa rồi ở các bờ biển Nhật bồn và Phi-

luật-Tân là hai nơi mà Thái-bình-Dương sâu hơn 10.000 mét. Cuộn sóng thần vừa rồi ở Nhật và Phi-luật-Tân chính đã gây ra do cuộc động đất lớn lao và lan rộng ở Chili, trên bờ Thái-bình-Dương phía Nam-Mỹ. Dơ địa thế, các cù lao Nhật-bồn ở phía Bắc, Phi Luật-Tân ở giữa, và Nam-dương ở phía Nam, là ba nơi mà trong khoa Cấu tạo học và Sinh thành học (géognosie et géogénie) gọi là «đất trẻ», nghĩa là khu vực mới được cấu tạo trong thời đại trước hàn-vũ-hệ (précambrien), cho nên chưa được già dặn, vững chắc lắm. Lớp Sima dưới vỏ quả đất còn đang quây quật nhiều: động đất còn có thể tiếp tục mãi, và hòa diệm sơn dù đã tắt lâu rồi cũng có thể trở lại phun khói, phun lửa, vì các đường nứt nẻ (*lignes de faille*) chưa hàn lấp lại được. Đó, nguyên-do tại sao có các tai họa liên tiếp vừa rồi ở Chili, Pérou, Vénézuéla, Nhật-Nam-Dương, Phi-luật-Tân, trên Thái-Bình-Dương. Còn Việt-Nam, nhờ có cái gò ở đáy biển, phía Tây Thái bình Dương, nên tránh được các tai-nạn động đất, sóng thần, và Hòa diệm Sơn. Mình nghe rõ chưa?

— Như vậy, em mới bớt lo! Chớ đạo này em cứ bị ám ảnh động đất hoài, đến đổi xe lửa chạy ngoài ga làm rung-rinh cửa sổ nhà mình mà em cũng tưởng là động đất, làm em hết hồn hết vía!...
Mình ơi, như thế thì toàn diện Trái Đất chắc không bị nao-núng đâu nhỉ? Quả Địa-cầu chắc không nứt vỡ, hả mình?

— Quả Địa-cầu không thể nào tan vỡ được cả. Có thể rạn nứt nhiều đường, do nhiệt-động-lực làm rung-chuyển quá mạnh tại một địa-diểm nào gần nơi trung-tâm chấn-địa, hoặc tại nơi chấn-địa (épícentre). Nhưng đường rạn nứt ấy dài lắm thì đến 1000 kí-lô-mét, cũng chẳng có nghĩa lý gì trên một quả địa-cầu mà bề mặt rộng đến 510.101.000 KÍ-LO-MÉT VUÔNG, và bề khối đến 1.083.320.000.000 KÍ-LO-MÉT KHỐI!

Diệu Huyền



Chuyện CÀ - KÊ

BA TÈO

★ Minou sợ già !

Minou Drouet, Nữ Thi-sĩ thần đồng của nước Pháp, được lòng danh từ hồi 8 tuổi nhờ một nhà xuất-bản làm quảng-cáo rùm beng, năm nay đã 12 tuổi rưỡi rồi, mà không làm được bài thơ nào mới nữa. Công chúng Pháp đã nghi-ngờ cái "thiên tài" tý hon của em bé. Dạo này Minou buồn tình du-lịch sang Ý vì nơi đây còn nhiều người "phục" em. Bé thần đồng đi hát dạo những bài hát của em do em tự đặt ra, vừa hát vừa đánh đàn, cũng không đến nổi tệ. Và em có tuyên bố vừa viết xong một quyển sách về các chuyện thú-vật cho độc-giả nhi-đồng.

12 tuổi đối với trẻ nít thường thì còn là trẻ nít, chớ với thần đồng thì đã sắp sửa già khụ rồi, nên bé Minou lo sáng tác để tranh thủ thời gian !

★ Ông Bardot !

Rõ khổ cho anh chàng Charrier, lấy đào chớp bóng Brigitte Bardot mà không được lòng danh như vợ, nên bị người ta gọi «ông Bardot» !

Chao ôi là mĩa-mai ! Đã bám lấy danh tiếng của vợ, lại quá ghen tuông hóa ra điên, hể «B. B.» đi đâu một bước là chàng năn-ni đòi đi theo, đến nỗi B.B. phải bực mình xua đuổi.

B.B. đồng ý với nhà sản-xuất,

CHUYỆN CÀ-KÊ

cắm Charrier đến phim trường Saint Maurice, và có cả đại đội nhân viên canh phòng nơi cửa, được lệnh quyết liệt đuổi «ông Bardot» ra ngoài nếu y bén mảng tới nơi Bà Bardot đóng phim. Thật là nhục nhã vô cùng. Vì y cứ đến phim trường, kè kè bên cạnh vợ, khiến B. B. không sao đóng phim được. Vừa rồi, các báo Pháp cho hay tin Charrier bị đưa đến một bệnh viện ở Paris để uống thuốc ngủ và thuốc quên trong một thời gian!...

★ Hàn-lâm-viện các thi-sĩ trọc đầu.

Ở Paris, vừa được thành lập một câu lạc bộ độc đáo, tên là «Hàn lâm viện các thi-sĩ trọc đầu», gồm toàn các nhà thơ «trọc bình vôi», như Roger Noël, Thi-sĩ kiêm luật-sư và Tổng-thư ký Hàn-lâm-viện, O'Brady, Albert Simonin, Roger Féral, v.v...

Bài ca chính thức mà các thi sĩ thường hát lên trước khi nhóm họp là bài «Con dơi» danh tiếng của nhạc-sĩ Strauss. Vừa rồi, Hàn-lâm-viện này treo giải thưởng 1.000 quan N. F. cho người về chót trong chuyến đua xe đạp vòng quanh nước Pháp, sắp tổ

chức. Thật đấy ông thi-sĩ này điên mất rồi, Trời ơi !

★ Gỏi giòng lá thắm.

Một tờ báo ở Mexique vừa đăng một quảng cáo rất hiếm có như sau :

«Đàn bà, 90 tuổi, nhưng còn trẻ, muốn giao thiệp bằng thư-tín, — đề hy-vọng kết hôn, với đàn ông dưới 60 tuổi»

Hoan - hô !

★ Đám cưới khoa học tận dưới đất sâu

Ông BORIS FRANCESCHINI và cô REMATA OSSANI là hai nhà bác-học danh tiếng của nước Ý, chuyên về khoa thám-hiểm và nghiên cứu các động ở dưới đất sâu, Cùng say - sưa một chí - hướng và một công tác khoa-học rất nguy-hiểm và lý-thú ở tận trong lòng đất, hai người đã yêu nhau, và quyết định làm lễ thành-hôn tại nơi công trường khảo-cổ ở dưới một động sâu, cách mặt đất bốn-chục thước.

Vị linh-mục chủ hôn phải leo một cái thang bằng dây xuống tận nơi thâm-u, tại đây đã thiết lập một bàn-thờ Chúa, và có mặt các người làm chứng, là những nhà

bác-học đồng-nghiệp của đôi uyên-ương này. Họ cầm mỗi người một bó đuốc bự để soi sáng nơi hàng lễ. Hai người đều mặc quần - áo thường-lễ của thợ mỏ.

Nhưng xong lễ tở - hồng, tân lang và tân giai nhân cũng trào lên mặt đất, và mua vé xe lửa đi du-lich một tuần trăng mật tại Venise như tất cả những cặp vợ chồng thường.

*** Một quyền sách chỉ viết trong 8 giờ 31 phút**

Nhà Văn và kịch-giả danh tiếng của xứ Ireland (Ái-nhĩ-lan, ở phía Bắc nước Anh), là BREN-DAN BEHAN, kiêm lựu-linh "sổ sách" của xứ ông, chuyên môn mỗi ngày một chai Whisky, vừa rồi làm một việc không tiền khoáng hậu : ông viết một quyền sách chỉ trong 8 giờ 31 phút. Quyền sách ấy là một tập hồi-ký du-lich của ông trong đó có đủ hết những câu chuyện của ông giao thiệp với mọi người mà ông đã gặp, từ những câu đùa bốn với các cô bán hàng đến những chuyện cãi lầy hung-hăng với các thầy cảnh-sát. Quyền sách chưa có tên, nhưng cô thư ký đánh máy, Miss Jeffa, kinh-

ngạc vì quyền sách dị-kỳ ấy, vừa mới xin vô bệnh-viện để chữa bệnh thần kinh !

*** Quả đất là một trái mận**

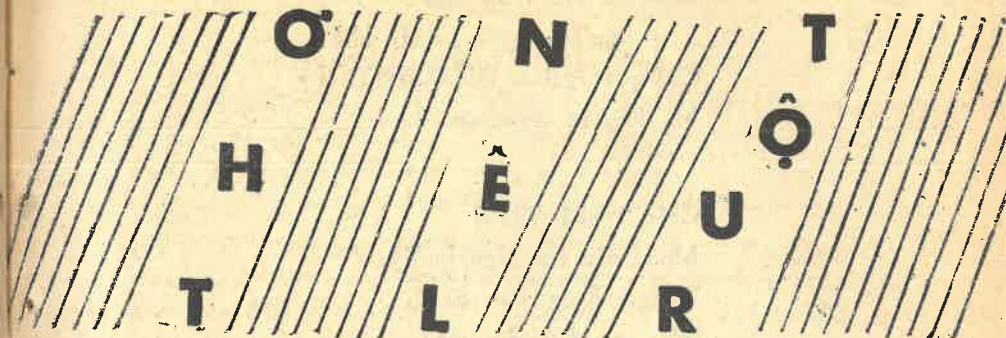
Vệ tinh nhân tạo *Transit* gửi dấu hiệu bằng radio xuống căn cứ Mỹ, vừa cho biết đích xác rằng quả địa cầu hình như trái mận, chứ không phải tròn vo như người ta vẫn tưởng mấy lâu nay.

Vệ tinh *Transit* đã được quăng lên không-trung hôm 13.4 vừa rồi, và đang tiếp tục gửi về trần giới các dấu hiệu radio nhờ các máy móc chạy bằng ánh nắng mặt trời.

*** Trên hỏa tinh có người ở**

Von Braun, nhà Bác-học Đức đã chế ra các vệ-tinh nhân tạo đầu tiên, vừa tuyên bố như sau đây : " Chúng ta phải đi tìm các hành tinh khác cũng như Christophe Colomb đã tìm nước Mỹ ", Braun quả quyết rằng trên Hỏa-tinh có người ở, và nếu chúng ta lên đó, chúng ta hy vọng rằng họ sẽ niềm-nở chào mừng chúng ta. Von Braun đang chế chiếc phi-thuyền lên Hỏa-tinh và Kim-Tinh và trở về Địa-cầu.

BA - TÈO



*** Thân gửi cô DIỆU-HUYỀN**

Xin hỏi « cô DIỆU-HUYỀN »

Một việc miễn trả tiền :

Rằng đây Nam hay Nữ ?

Mà họ bàn huyền - thiên !

Kể nói « cô DIỆU-HUYỀN »

Chắc là một nàng Tiên

Trời đầy xuống hạ - giới

Vì thích làm thơ điên !

Người bảo « cô DIỆU-HUYỀN »

Là một nữ sinh - viên

Nước da màu bánh ít,

Nhưng ăn nói có duyên !

Một bà giáo bàn nhỏ :
— « Thơ lên ruột » — Ôi, khó !
Chẳng lẽ gái « DIỆU-HUYỀN »
Mà làm ra được nó ?

Chắc là nhà Thi-sĩ
Muốn dấu tên Nguyễn-Vỹ,
Và giả dạng đàn bà
Để ngạo đời cho phí !

Một ông cười, cãi lại :
— Chính cô ta, Ờ, gái !
Là « Bà Tú », DIỆU-HUYỀN,
Tuổi mới vừa mười bảy !

Tôi chẳng biết ai phải,
Vội lấy giấy viết liền.
Bài thơ dài một sải,
Gởi hỏi thẳng DIỆU-HUYỀN.

Xin, niệm tình nhất thứ,
Trả lời cho vài chữ,
« Thơ lên ruột » — DIỆU-HUYỀN —
Nữ hay Nam xem thử ?

SAIGON, ngày 6-6-60

Ký tên : Giáo-sư Trật Búa : Lê-văn-Hai

Hộp thơ số 5 Saigon

● Thân Đáp ông bạn « Trật-Búa »

Có gì bạn nôn-nao ?
Gái hay trai thì sao ?
Cần gì nam với nữ,
Hử ?

Thơ Lên Ruột mấy bài,
Xem dưới ký tên ai ?
Diệu-Huyền, hay Nguyễn-Vỹ ?
Hử ?

Độc thơ nằng, hay chàng,
Thấy tên ký rõ-ràng,
Có gì đâu úp-mở ?
Hử ?

Diệu-Huyền là đàn-bà !
Bạn không tin tôi à ?
Vậy đàn - ông có lẽ ?
Hử ?

Diệu Huyền là đàn ông !
Bạn cũng không rằng không !
Vậy thế nào thiệt giả ?
Hử ?

Diệu-Huyền trai hay gái,
Bạn cũng bảo không phải,
Tôi biết nói rằng chứ ?
Hử !

Thôi bạn đừng thắc-mắc,
Diệu-Huyền không quá-quắc :
Nam ? Nữ ? Cứ cười khi !
Hi !

DIỆU-HUYỀN

Sách báo mới

Những sách giới thiệu trong mục này là những tác phẩm chúng tôi đã nhận được trong tháng. Chúng tôi xin thành thật cảm ơn các tác-giả.

★ VẤN-HÓA NGUYỆT-SAN, số 50.

Nhiều bài có giá trị, như *Nguồn gốc chữ Nôm* của Bửu-Cầm, *Hai bức thư Lịch sử*, của Trần-công-Chính, *Học phái Héraclite* của Lê-chí-Thiệp, v.v... và nhiều mục thường xuyên.

Ông THÁI-VĂN-KIỆM chủ bút. Do Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xuất-bản.

★ VẤN-HÓA Á-CHÂU, SỐ 3 (loại mới).

Nhiều bài khảo cứu rất công-phu, *Kinh Vệ-Đà* của Ng-h-Đông, *Tư-tưởng Nhật bản* của Thanh-Kiểm, *Học thuyết Trang-Tử* của Thi-đạt-Chí, *Phù-Nam*, một vương quốc đã tàn trên đất Việt của Nguyễn-khắc-Ngũ, v.v...

Tòa soạn, 201, Lê-văn-Duyệt Saigon.

Chủ-bút : ông LÊ-XUÂN-KHOA — giá 20\$

★ PHÁP VĂN ĐỆ LỤC CỦA Ô. NGÔ-VĂN-MINH, giáo-sư trường Trung-học Yersin, Đà-lạt.

★ PHÁP VĂN ĐỆ-THẤT, cùng một tác-giả.

Soạn theo chương-trình chính-phủ. Các bài trích giảng rất dễ hiểu và đúng theo phương-pháp Sư-phạm mới.

Có Vocabulaire, Conversation, Lecture et Récitation, Traduction, Grammaire, Conjugaison, v.v...

★ VIỆT-LUẬN ĐỆ-THẤT và ĐỆ-LỤC. T.H.Đ.N.C. của ông TỪ-PHÁT, giáo-sư.

SÁCH BÁO MỚI

★ CHÁNH-TẢ VĂN-PHẠM, Lớp Nhất, luyện thi Tiểu học, cùng một tác-giả.

★ VIỆT-LUẬN, lớp nhì, lớp nhứt, tiếp-liên, luyện thi tiểu-học và ĐỆ-THẤT trung-học.

Cùng một tác-giả.

Cả ba quyển này đều biên soạn rất công phu, mới và đầy đủ. Nhà xuất bản Thanh Quang, Saigon.

★ MẸ ĐÃ VỀ

Thơ của HUY-HOÀI, tác giả xuất bản, Cao-lãnh.

Trên 15 bài thơ ca ngợi Tổ quốc Việt nam độc lập và riêng tỉnh Kiến-Phong là quê hương của tác giả. Thơ đượm tình đất nước tha thiết nồng nàn.

★ I CHOSE CHRIST by TRẦN THUYỀN, Paris.

Một thiên tự-thuật bằng Anh văn, trình bày lý do tại sao tác giả theo đạo gia-tô sau khi xem xét qua các tôn giáo khác.

★ LỊCH TRÌNH VĂN HỌC VIỆT NAM.

Của TÂN VIỆT ĐIỀU phỏng dịch theo bài "Littérature Vietnamienne", của giáo-sư M. MAURICE DURAND, (collection la Pléiade-Paris.)

Bản đặc-biệt in trên giấy Super-Japon chamois. In tại Paris. Dư-Tân trình bày.

★ CUNG-THÁNH TỔNG-HỢP.

Cuốn sách hát của Gia-tô giáo, có 200 bài hát và bản nhạc, gồm đủ các đề mục, của Nhạc-đoàn LÊ-BẢO-TỊNH, 6/12 Tự-Đức Saigon, do các Linh-mục Hoài-Đức, Nguyễn-k-Xuyên, Duy-ân-Mai, v.v. sáng tác.

★ KỶ-HOA-TỬ, của NGUYỄN-MẠNH-CÔN.

Một tập truyện ngắn, gồm có sáu truyện :

Em chờ anh trong nghĩa nặng vợ chồng — Kỳ-hoa-Tử — Giá-trị tinh thần — Vay bằng máu, trả bằng đời — Đòi trả nợ cho dân-tộc — Một truyện ngắn không đặt tên.

Nhà xuất-bản Nguyễn-dinh-Vượng — Saigon.



Truyện dài của cô VÂN NGÀ
(Tiếp theo P.T. số 36)

NGUỜI ta tưởng rằng tôi kiêu-hãnh, nhưng ai có hiểu là lòng tôi đã chết đi từng giây phút ? Nhìn thiên hạ chan hòa hạnh phúc, tôi hổ thẹn tủi phận biết ngần nào khi nghĩ đến son sắc mình kém cạnh gì ai, sao lại phải ôm sầu nuốt khổ mãi một bóng hình xa xôi, mà tình tuyệt vọng mỗi ngày mỗi trầm trọng hơn. Một mùa xuân thấm đã qua rồi trong đời tôi, dù rằng quá nhanh chóng, và làm cho tôi ngẩn ngại băn khoăn

không dám ước mơ đến một mùa xuân khác...

Hiểu tâm lý tôi, có một người bạn họ tên là Quan, ủy viên kinh tài của tiểu đoàn, hằng tới lui an ủi và hứa hẹn sẽ dò hỏi cho ra tin tức của Thanh hầu tìm hân cho tôi một lối thoát. Cách năm ba ngày, Quan lại đến thăm tôi và không lần nào chàng quên đem biểu cho tôi những xa xỉ phẩm lúc bấy giờ không tài nào tìm thấy trong khu độc lập được.

Quan cũng đồng một tin tưởng như tôi là Thanh chưa chết. Chàng cực lực đính chính những tin loan truyền về sự phản bội tổ quốc và trở thành kẻ thù dân tộc mà người ta đã gán một cách vô cớ cho Thanh.

Một hôm họ, Quan đến nhà tôi với quà cáp như thường lệ và hơn hỏ bảo cùng tôi :

— Tôi đã tìm ra những tin tức có thể gọi là xác đáng nhứt về Thanh rồi.

— Ảnh ở đâu ?

— Ở Saigon.

— Ủa, ảnh ở Saigon làm gì kia ? Tin có thiệt hay không ?

Quan nhìn tôi, ái ngại :

— Một người bạn cũ rất thân của Thanh tên là Tùng, vừa về

ở chợ Thác-lác. Anh ta bảo là đã có gặp Thanh trên Saigon. Anh ta hiểu rất nhiều về sự hoạt động của Thanh và hình như muốn tìm gặp chị để nhấn gì đó. Chị biết Tùng chứ ?

— Tùng nào ? Phải Tùng nhỏ người và trắng trẻo như gái đó không ?

— Ừ, Tùng đó chứ ai.

Tùng là người bạn liên lạc thơ từ giữa Thanh và tôi trong mấy năm đầu kháng chiến. Tôi không hiểu vì lẽ gì về sau anh vắng tin tức lâu đến thế và bây giờ lại trở về ở gần đây mà lại không đến nhà tôi. Hay là anh có những điều gì ngại nói ra, sợ đau lòng tôi ?

Quan biết sự phân vân của tôi, liền bảo :

— Chị có đủ can đảm để tiếp đón lấy một sự thật không đẹp đẽ chút nào không ?

— Tại sao anh hỏi thế ?

Quan trầm ngâm giây lát rồi nói :

— Suy nghĩ kỹ lại, tôi không hiểu có nên đưa chị đến gặp Tùng chẳng ?

— Sao anh nói gì hàm hồ quá lạ vậy ? Anh Quan... anh nên nói thiệt cho tôi rõ... Tôi có can đảm chịu đựng những gì bất ngờ nhất... Tin tức của

Thanh làm sao ?... Ảnh làm gì ở Saigon ?

— Thôi, để chừng chị gặp Tùng chị sẽ rõ... Tôi chỉ e những năm chờ đợi của chị... phí uổng quá !..

Quan nói xong, thở dài và quày quả ra về mặc dù tôi cảm cộng lại để hỏi thêm. Tại sao Quan phải nói những lời úp mở như vậy ? Sự người ta đồn đãi về Thanh có thật chút nào không ? Chàng đã đùm bọc vợ con, an hưởng cảnh hạnh phúc gia đình và quên hẳn đến người con gái ngây thơ khờ dại mãi ôm chờ hình bóng chàng rồi sao ? Những thắc mắc ấy đánh thành những dấu hỏi to tướng sống vào trí óc hoang mang của tôi, gây nơi tôi một trống rỗng ghê gớm trong tâm hồn. Qua thời loạn lạc, tôi đã chứng kiến nhiều cuộc uyên ương tan rã một cách éo le mà hồi hộp lo sợ đến duyên phận mình, song tôi còn tin tưởng vào tình yêu chân thật của Thanh và lời cam kết của gia đình chàng nên mới nằng nặc hy vọng qua ngày, mặc mùa xuân thấm trôi qua...

Tôi sống trong sự cân bằng

của thần kinh qua mấy ngày cho đến khi có phiên chợ. Quan đến nhà tôi để đưa tôi đi gặp Tùng, vừa thấy mặt đã kêu lên :

— Trời ! Chị ốm đấy à ?
Trông hốc hác tẻ !

Trưa hôm ấy, chúng tôi đến nhà Tùng, cách chợ Thác lác một khoảng đường sông khá xa. Tùng gặp tôi, mừng rỡ lắm và ngỏ lời xin lỗi không đến thăm tôi được vì bận bịu sinh hoạt gia đình.

Sau khi nhắc nhở vài kỷ niệm cũ, chúng tôi đi thẳng vào vấn đề. Tùng cho tôi biết những cuộc hoạt động ở miền Đông của Thanh mấy năm về trước và tiếp rằng :

— Khi ấy, chúng tôi theo giúp Thanh cũng ngờ là sẽ được trở về hậu - giang như lòng mong ước. Không ngờ xảy ra sự bất đồng chánh kiến giữa Tư lệnh bộ và các bộ đội biệt lập, mà cũng do lỗi của Thanh một phần vì say mê ái tình, nên mới khiến ra đến nỗi xảy đàn tan ghé. Thanh cùng một ít anh em thoát thân về Sài Gòn, và từ đó tới nay ở luôn nơi đây.

— Lần cuối cùng anh gặp

anh ấy vào lúc nào ?

— Cách một năm nay, và anh có đưa tôi về nhà đãi một bữa cơm.

— Anh ở với ai ?

Tùng nhìn tôi, ngập ngừng bảo :

— Tôi thấy nhà ở đông người, trong đó có một vài người bạn cũ vẫn theo anh từ miền Đông...

— Có đàn bà và trẻ nít ?

— Có một người đàn bà và sáu bảy đứa nhỏ xem chừng như để năm một. Có một hai đứa lớn quần quít bên anh, đôi anh dứt cơm, nhưng anh bảo với chúng « ra nhà sau, má dứt cho ăn ».

— Sao anh không hỏi thẳng anh coi có phải vợ, con ả đó không ?

— Thấy tình hình như vậy tôi cũng chán quá, hỏi thêm làm gì ? Hình như anh có ý ngưng ngừng. Tôi có hỏi anh bộ muốn giết chết chỉ nam nhi nơi xó nhà, không còn tính đến chuyện lớn lao gì nữa hay sao, thì anh lắc đầu chán nản bảo rằng thời đã chưa đến, làm gì được bây giờ ?

Hình ảnh người con trai cương quyết và đáng phục đã chết hẳn nơi lòng tôi. Tôi gắng gượng bảo :

(Còn nữa)

THƯ BẠN ĐỌC

(Tiếp theo trang 3)

1) Chúng tôi thấy một ông giáo sư... ăn bận không được chỉnh tề lắm. Trong lớp thường hay bênh vực nữ-sinh. Không công bình, hay đùa dòn với nữ-sinh nhưng lại quá nghiêm khắc đối với nam-sinh (cổ nhiên là điều nghiêm khắc này, không đúng).

Giảng bài một cách lơ là, Ông hay giảng « Kiêu » trong giờ Toán (mặc dầu Ông không phải là giáo sư Quốc văn)

2) Việc đọc sách :

Chúng tôi rất hoan nghênh sáng kiến tốt đẹp của Ô. Hiệu-trưởng. Nhưng nếu biết tổ chức đảng-hoàng, răn giảng giải cho học sinh thấu triệt việc đọc sách, chỉ cho các em NHỮNG TÁC PHẨM HAY, LÀNH MẠNH, và nếu có thể lập một thư viện...

Làm như thế thì có lợi biết bao... nhưng... hình như một số học sinh chỉ mua coi các « tiểu thuyết diễm tình » (Nam sinh lẫn nữ sinh) rất hại với tuổi trẻ.

Chúng tôi viết đoạn trên để góp ý và xây dựng, tuyệt nhiên không có một ý nghĩ nào khác, mong ông Hiệu-trưởng thông cảm cho. Thâm tạ.

● Bà Trung - Ủy thanh - minh

(của Bà Bửu-Tương, Giáo-sư Đồng-Khánh — Huế)

... Đọc quý báo trong mục «đáp bạn bốn phương» số 34, tôi thấy ông Đại úy Bửu Tương kbc : 4.640, có thắc-mắc cùng quý ông về cách đọc chữ *assister* của ông Bộ trưởng Q.G.G.D.

Kính thưa Ông,

Để tránh sự hiểu lầm gây nhiều phiền phức cho chúng tôi, tôi kính xin ông cho đăng lên quý báo lời thanh-minh sau đây :

«Để tránh khỏi sự ngộ nhận, chồng tôi, Ông Bửu Tương TRUNG-ỦY kbc : 4869 không phải là Ông Bửu Tương ĐẠI ỦY kbc : 4640 đã hỏi trong mục đáp bạn bốn phương của Phở-Thông số 34».

Kính mong Ông nhận nơi đây lòng biết ơn của chúng tôi.

Nay kính,

— Thưa Bà, chắc-chắn không ai lầm-lẫn rằng ĐẠI ÚY Bửu Trương kbc 4640 là chồng bà, TRUNG ÚY Bửu Trương, k.b.c. 4869.

● Cửa cô Nguyễn thị Hai — Kiến Hoà

... Theo em biết miền nam chúng ta là Việt Nam Cộng Hòa Nhân vị do Ngô Tổng-Thống lãnh đạo và Hiến Pháp có ghi: "Đời tư, gia đình, nhà cửa, phẩm giá và thanh danh của mọi người dân phải được tôn trọng", và "Ai cũng có quyền được pháp luật bảo vệ chống những sự can dự hoặc xâm phạm trái phép" sao em còn thấy đôi khi lính đánh đập dân chúng như thời phong kiến?

Thưa chị. Thượng-cấp có biết rõ như vậy không?

● Cái Số Hoa Đào...

(của ông Huỳnh-Hoan, kbc, 6085)

... Trong Phê-Thông số 29 ra ngày 1-2-60 trang 66 có đăng bài: « chém cha cái số... Hoa-Đào » của tác-giả về những tiếng « đào ». Theo tôi dò xem, thì còn thiếu câu này nữa:

Câu 877: « Hổ sinh ra phận thơ đào

Công cha nghĩa mẹ kiếp nào trả xong! »

(Lúc Kiều gần đi với Mã giám-Sinh)

★ Tiếng Việt ở các tỉnh Hậu-giang.

(Của Ô. Hà-thân-Thiện, Trung-tâm G. D. C. B. Long-An)

... Tôi thấy trong Phê-Thông số 27, trang 123, Ô. Nguyễn thành-Cung có viết: "... Đồng bào ta ở Bạc-Liêu gọi nhau bằng « hia » (anh), « số » (thiếu), « cũ » (cò) cũng như Hoa-Kiều ở Triều-Châu..."

Theo tôi được biết thì chẳng riêng gì ở BẠC LIÊU mà các tỉnh ở Hậu giang, như: TRÀ-VINH, SÓC-TRĂNG, BẠC, LIÊU, CÀ-MAU, vì có sự chung đụng với người Huế-Kiều, nên hầu hết dân ta ở những nơi đó đều nói tiếng gần như họ.

Thí dụ: gọi anh là « hia », gọi « số » là chị dâu (chớ không phải thiếu) — « cũ » là cậ (chớ không phải cò).

Và: — « kiem » là mợ

— « chệt » » chú (có thể là Ba)

— « pè » » bác

— « chể » » chị

— « nững » » anh rể...

.....



ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

DIỆU HUYỀN
và BẠCH YẾN

★ Bạn Trương-văn-Khanh, Huế

● Thiết quân-luật: Đặt luật nhà binh trong thời chiến tranh, hay loạn lạc (instituer la loi martiale). Chữ Thiết này không phải là sắt; Thiết quân luật không phải nghĩa là kỹ-luật-sắt.

● Nói: « ít hơn », chứ không nói: « ít thua ». Trong quyền sách quang học nào đó, tác giả viết:

« Tính f để có ảnh nhỏ thua vật 5 lần » là sai. Phải viết: nhỏ hơn. (plus petit)

★ Bạn N.T.Q. Giáo viên, Kiến Hòa.

● Dốt đặc cán mai: mai là cái cuốc, (cuốc đất) cán mai, là cán cuốc.

● « Huynh tác hữu, đệ tác cung »: làm anh thì phải thân yêu như bạn, làm em phải cung kính.

★ Ô. Huỳnh-quang-Gia k. b. c. 6086

Câu: « Truyện Kiều còn, thì chữ ta còn, chữ ta còn thì nước ta còn » là của Phạm-Quỳnh chứ không phải của Nguyễn văn Vĩnh.

Nguyễn văn Vĩnh có câu: « Nước Việt Nam ta sau này hay hoặc dở, là do ở chữ quốc ngữ ».

★ Bạn Võ trọng Thiết, Phan Rang.

● Ryu-kyu (hay là Riou-Kiou) là một dây cù lao của Nhựt, ở phía Nam, gần Đài-loan.

● Bà Charles Vacquerie, tức là con gái của Thi-sĩ Victor Hugo (Léopoldine), đã bị chết chìm với chồng tại *Villequier*, trong lúc bơi thuyền trên sông Seine (1843)

★ **Cô J. Mary Hecklen, Saigon**

● **Buồn cười** : muốn cười — kêu gọi cho mình cười.
Laughable.

Chữ *Buồn* đây không có nghĩa là buồn bực (sad, melancholic), mà *to have a mind to, to want*.
Buồn ngủ : to want to sleep, *Buồn nôn* : to desire to vomit.

● **Tức cười** : làm cho mình tự nhiên phải bật cười ra.
(to burst out laughing). Một chuyện tức cười : a very amusing story.

● **Nực cười** : Cười có tính cách khôi-hài, châm biếm (to laugh because of an amusing feature of a situation, or a keen perception of the ludicrous.)

● **Tân-Đà Nguyễn khắc Hiếu** : Tân Đà là bút hiệu, chớ không phải tên. Nhiều Văn-sĩ Việt-Nam thích đặt một bút hiệu trước tên thật của mình (a writing pseudonym)

● Nguyễn-Vỹ không có học bên Pháp, và chưa sang nước Anh lần nào.

★ **Cô Thanh-Mai, nữ sinh Saigon — Chợ-lớn**

● Chín chắn, chớ không phải chính chắn.

● Vinh thân phì gia (nhà) chớ không phải phì da.

● Về Hàn-mặc-Tử, cô coi lại P.T., các số 25, 26, 27.

★ **Ông Lưu-văn-Minh, Suối-Nhâm, Bình-Thuận**

Nhà chiến-sĩ Trương-công-Định, chính tên thật là Trương-

Định. Vì ông có nhiều thành tích hiển hách nên được nhân dân hậu thế tôn trọng đặt thêm chữ « công » để đệm và tỏ ý ghi ơn.

★ **Bạn Phạm-tường-Huyền, 105, Phan-thanh-Giản, Saigon.**

Bạn nên đến hỏi đầy đủ chi tiết tại trường Quốc-gia Âm-nhạc.

★ **Bạn Hoài-liên-Tử — Cần-giוע.**

● Tri-kỷ : Tri : biết. kỷ : mình. Tri-kỷ : người bạn hiểu biết mình.

● Câu chữ nho có nghĩa « mưa không xích sắt vẫn giữ khách ở lại », là « *Vũ vô thiết tỏa năng lưu khách* ». Câu này đối với câu : *Sắc bất ba đào, dị nịch nhân*. (Nhan sắc của người phụ-nữ không phải là làn sóng mà dễ làm chìm đắm người đàn ông)

★ **Bạn Trương-thị Mộng-Tuyệt, Lê-văn-Duyệt — Kontum.**

● Muốn hiểu niêm-luật làm thơ, bạn nên coi quyển « Quốc-Văn Trích Diễm » của Dương-quản-Hàm, trong đó có chỉ rõ.

● Thuốc Hormosein, cũng như tất cả các loại thuốc khác, đều có giấy chỉ dẫn ở trong hộp thuốc.

Bạn nên theo đúng trong đó. Rất cảm ơn những lời thân mến trong thư bạn.

★ **Ô. V.B.T. Cao thắng — Saigon.**

Sayonara, là tiếng chào « au revoir » của người Nhựt.

★ **Ô. Bùi võ Lượng, 123 Tôn thất Đản — Khánh Hội.**

« Tombola giúp quỹ Lưu xá Học sinh nghèo Gia-định » hình như chưa xỏ. Ông nên viết thư hỏi tòa hành chánh Gia-định cho chắc chắn.

★ **Cô Hà Phương Loan — Đà nẵng.**

Đây, đoạn chót bài thơ cô hỏi (Xem lại P.T. 20) :

HAI SẮC HOA TI GÓN của T.T.KH.

Từ đây thu rồi thu lại thu,
Lòng tôi còn giá đến bao giờ.
Chồng tôi vẫn biết tôi thương nhớ
“Người ấy”, cho nên vẫn hững-
hờ.

Tôi vẫn đi bên cạnh cuộc đời,
Ái-ân lại-léo của chồng tôi,
Mà từng thu chết, từng thu chết,
Vẫn giấu trong tâm bóng một
người.

Tôi nhớ lời người đã bảo tôi;
Một mùa thu cũ rất xa xôi.
Đến nay tôi hiểu thì tôi đã
Lầm lỡ tình duyên cũ mất rồi!

Tôi sợ chiều thu phớt nắng mờ,
Chiều thu hoa đỏ rụng, chiều thu.
Gió về lạnh-lẻo chân mây vắng,
Người ấy sang sông đứng ngóng
đò.

Nếu biết rằng tôi đã có chồng,
Trời ơi, người ấy có buồn không?
Có thăm nghĩ tới loài hoa vỡ,
Tựa cánh hoa phai, tựa máu hồng.

T. T. K.H.

★ **Bạn T.H. Hội An.**

Tình yêu là một thứ trái cây mà ít khi người ta để chín mới
hái, vì lẽ nếu để chín thì sợ nó... úng mất, không ngon nữa!

★ **Ông Đoàn ngọc Lương K.B.C. 4204**

Tên trong căn cước lót chữ «Hữu» mà trong cấp bằng lót chữ
«Văn» là không được. Phải làm đơn đến cơ-quan đã phát cấp bằng
để xin sửa lại.

★ **Ông Mạc-Thy-Huyền, Cai-lậy.**

● ĐỊA BÀN, do người Tàu phát minh vào khoảng năm 120
sau J.C. Thế-kỷ VII và VIII, các tàu buôn Trung quốc đã dùng
địa bàn. Sau đó, người Á-rập bắt chước người Tàu dùng kim chỉ
nam, rồi Thế-kỷ IX, người Âu-châu học lại của người Á-Rập.

Lần đầu tiên, năm 1180, một thi-sĩ Pháp tên là Guyot de
Provins, trong tập thơ «Bible», có nói đến đá nam-châm, «một cục
đá xấu-xí và đen xì, của bọn lính thủy-mua lại của người Á-Rập».

● NGUYỄN-TỬ. xin coi lại P.T., những số 3, 4, 5.

Chúng tôi sẽ có dịp nói đến các bài thơ hay nhất của Shakespeare,
Hugo, Lamartine v.v..

★ **Một độc giả ở Gia-Hội — Huế.**

Trương-Tửu là Nguyễn Bách-Khoa. Thân-sinh của ông lúc
trước làm bồi cho một người Pháp, mẹ bán hàng ngoài chợ. Ông
đồ bằng sơ-học (Certificat d' Etudes Primaires), rồi học trường Bách-
Nghệ Hải-phòng. Tự học. Sau làm giáo-viên ở trường Thanh niên
Hà-nội. Bắt đầu viết văn năm 1936.

★ **Ông Mạnh-Tường, Đà-Nẵng.**

Theo kinh *Lalitavistara* (bằng chữ Phạn) kể rõ sự tích đức
Phật Thích-Ca Mâu-Ni thì lúc bà Mâyâ vừa mới sinh Ngài ra
dưới gốc cây asoka trong vườn Lumbini, ngài đứng dậy liền, đi 7
bước về hướng Bắc, lấy ngón tay chỉ bốn hướng, rồi nói : «Thiên
thượng địa hạ duy ngã độc tôn» (Trên trời dưới đất, duy có ta
là đáng tôn).

Vì vậy, mà có hai chữ «Duy ngã», mới nghe tưởng như trái
hắn lại với thuyết «Vô ngã» của Phật. Nhưng phân tách rõ ra thì
không có mâu-thuần tí nào.

★ **Ô. Hồ-văn-Thanh, Saigon.**

● Ông Nguyễn văn Vỹ không phải là Ông Nguyễn-Vỹ.

● TRIẾT LÝ, là luận-thuyết về các sự vật, và các nguyên-
tắc và lý do của sự vật.

TRIẾT-HỌC là môn học, nghiên cứu về các luận thuyết kia.

★ **Đôi lời yêu cầu quý Bạn.**

1) Xin quý Bạn đừng hỏi những vấn đề không liên quan đến
Văn-Hóa, như quân dịch, tiền lương hưu trí, làm đơn xin mở xưởng
máy, việc kiện tụng về nhà đất, v.v..

Đại loại những câu hỏi như thế đều ở ngoài phạm vi Văn-Hóa

chúng tôi xin miễn trả lời. Mong quý bạn thông cảm cho.

2) Vì thư quý Bạn gửi về nhiều quá, chúng tôi không thể trả lời hết trong mỗi kỳ báo được, nhưng mau hay chậm cũng sẽ phúc đáp.

Vậy xin quý Bạn cảm phiền và đừng hối-thúc.

3) Xin miễn cho việc trả lời thư riêng, trừ những trường-hợp đặc biệt.

Đa tạ quý bạn.

PHỒ-THÔNG TẠP-CHÍ

GIÁ BÁO PHỒ-THÔNG TẠP-CHÍ Ở NGOẠI-QUỐC

Xin sửa lại theo bảng bưu-phí dưới đây. (Bảng
đăng trong P.T. số 36 có vài chỗ sai)

QUỐC - GIA	MỖI SỐ			1 Năm (24 số)
	GIÁ BÁO	Cước phí máy bay	CỘNG	
Anh } Đức } Ý } Bỉ } Âu Châu	10\$	28\$,80	38\$,80	931\$ bạc V.N.
Nam - Dương } Phi-luật-Tân } Đài-bắc } Ấn - Độ	10\$	15\$,60	25\$,56	... 614\$
Mỹ } Gia-nã-đại } (Bắc Mỹ)	10\$	9\$,60	19\$,60	... 470\$
Pháp } Algérie } Nhật-bôn	10\$	46\$,20	56\$20	... 1348\$
Nello Calédonie Nelles Hébrides	10\$	23\$,90	33\$,90	... 813\$
	10\$	22\$,80	32\$,80	... 787\$
	10\$	30\$,50	40\$,50	... 972\$
	10\$	32\$,90	42\$,90	... 1029\$

Mandat International trả tiền báo, xin đề tên ông NGUYỄN-VỸ

QUYẾT - NGHỊ

CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG KHOA TRƯỞNG
TUẤT KHOA ĐẠI HỌC SAIGON — NGÀY 7-6-1960

N G À Y 7-6-1960, hồi 9 giờ sáng, toàn thể nhân viên Ban Giảng-Huấn Trường Luật-Khoa Đại-Học Saigon gồm các Giáo sư, Giảng sư, Giảng viên, các Luật sư và các Thầm-phán phụ trách giảng huấn hay thực tập, họp Đại hội đồng khoa, sau khi trao đổi ý kiến về những vụ phá rối an ninh, cướp bóc và tàn sát nhân dân do Việt Cộng đã gây ra trên lãnh thổ Việt Nam Tự do.

— Xét rằng việc chia cắt lãnh thổ Việt Nam làm hai miền do Hiệp định đình chiến ngày 20-7-1954 mà Việt Cộng ký kết tại Genève là một việc hoàn toàn trái ngược với nguyện vọng của toàn thể nhân dân Việt Nam vẫn hằng tha thiết với nền thống nhất quốc gia và luôn luôn coi tình trạng « lãnh thổ qua phân » là một tình trạng bất thường ;

— Xét rằng công cuộc thống nhất lãnh thổ Việt Nam chỉ có thể thực hiện được trong hòa-bình và tự do thực sự, nếu dân chúng Việt Nam được sinh sống yên ổn, không bị đe dọa về tính mạng cũng như về tài sản của mình ;

— Xét rằng không những Việt-Cộng đã đẩy xéo lên tất cả các tự-do dân-chủ và các nhân quyền thiêng-liêng ở phía Bắc vĩ-tuyến thứ 17 mà lại còn theo đuổi chánh-sách khủng-bố lương-dân và phá-hoại các công cuộc xây dựng trên lãnh-thổ Việt-Nam Cộng-hòa ;

— Xét rằng theo Quốc-tế Công-pháp một bản Hiệp-định đình-chiến có hậu-quả bó buộc các kết-phương phải triệt để tôn-trọng, trong suốt thời kỳ đình-chiến, sinh-mạng cũng như tài-sản của nhân-dân sống trong khu vực đã được phân ranh ;

— Xét rằng bản tuyên ngôn Quốc tế Nhân-quyền của Liên hiệp quốc ngày 10-12-1948, trong điều ba, cũng long-trọng ghi-nhận rằng: bất cứ ai cũng có quyền đòi hỏi các người khác phải tôn-trọng

sinh-mạng, tự-do và sự an toàn của chính bản thân mình.

— Xét rằng mặc dầu nhu cầu «sinh-sống yên-ôn» của nhân-dân Việt-Nam có tính cách chính-đáng như vậy, từ ít lâu nay trên lãnh-thổ Việt-Nam tự-do, Việt-Cộng đã tăng-gia những cuộc khủng-bố, cướp-phá, giết chóc, tàn-sát nhân-dân một cách cực kỳ dã man, thậm chí cả những kẻ tât nguyên như những bệnh nhân hay những nhà tu hành cũng không thoát khỏi nanh vuốt của chúng.

— Xét rằng những hành-vi vô nhân đạo của Việt-Cộng như vụ đốt phá nhà thờ La-Mã, trại cùi Bến-Sắc hay phục-kích các Linh-mục ở Biên-Hòa v.v... nhằm mục-đích phá rối trật-tự an-ninh trên lãnh-thổ Quốc-Gia đã chứng tỏ một lần nữa rằng : vì mục-đích phụng-sự chủ-nghĩa đế quốc Công-Sản, Việt-Cộng đã không ngần-ngại chà đạp lên các nguyên-tắc căn-bản của Quốc-tế Công pháp về đình chiến cũng như của bản Tuyên-ngôn Quốc-tế Nhân-Quyền ngày 10-12-1948 ;

— Xét rằng không những thế mà thôi, các hành vi khủng-bố cướp phá, tàn sát lương dân của Việt-Cộng lại còn chứng tỏ một cách hùng hồn rằng : đối với lũ chúng, những lời cam kết, dù là khi trên giấy tờ, trong những văn-kiện ngoại giao quốc-tế, cũng không có giá trị gì cả và luôn luôn bị chúng phản Hiệp định đình chiến ngày 20-7-1954 chia cắt lãnh thổ Việt-Nam trái với ý nguyện toàn dân và ngày nay chính Việt-Cộng lại tổ chức những cuộc khủng bố, cướp phá, giết chóc, tàn sát nhân dân trên lãnh-thổ Quốc gia, làm những việc cực kỳ dã man và vô nhân đạo mà Hiệp-định đình chiến trong các điều 10 và 34 đã minh thị cấm chấp ;

Vì các lý do tự trên, Đại hội đồng Khoa Trường Luật khoa Đại học Saigon :

— Cực lực lên án và tố cáo trước dư-luận Quốc tế và Quốc nội các hành vi khủng-bố, cướp phá, giết chóc, tàn sát nhân dân mà Việt-Cộng đã gây ra trên lãnh thổ Việt-Nam tự do với một chủ trương vô nhân đạo và trái với Quốc-tế Công pháp ;

— Yêu cầu các Tổ chức Quốc tế hữu trách, nhất là Ủy-hội Quốc tế Kiểm soát đình chiến tại Việt Nam, cấp tốc tru liệu các biện pháp để chấm dứt các hành vi phá hoại hoà bình và vi phạm Hiệp định đình chiến của Việt cộng.

Saigon, ngày 7 tháng 6 năm 1960.

Trích lục biên bản Đại Hội Đồng Luật - Khoa,
phiên họp bất thường ngày 7 - 6 - 1960.

K.T. KHOA TRƯỞNG

Xử lý thường vụ

Ký tên : NGUYỄN - ĐỒ

CHUYÊN TRỊ

Bệnh Phổi máu, Ho lao, Suyễn, Ho
ra máu, đau bao tử, đau tim, suy thận
lâu năm nên đến

Ông ĐÔNG Y SĨ LÊ VĂN THÀNH

33 Bến Nguyễn Duy Cholon
(nhờ Bà Tám chỉ HỘ, Phường Cây Sừng)
Nay kính,

Nguyễn-văn-Xiển Quản Lý

ở xa gửi thơ hỏi bệnh sẽ được sẵn sàng phúc đáp.

BỨC THƠ CẢM TẠ

Saigon ngày... tháng... năm 1960

Kính gởi ông Y sĩ Lê văn Thành.

Kính ông,

Tôi Nguyễn văn Xiển Quản Lý tại Saigon.

Có vài hàng dưới đây để tỏ lòng cảm tạ ơn ông Lê-văn-
Thành Đông y sĩ đã chữa cho tôi được lành mạnh.

Nguyên tôi suy thận yếu tim từ bốn năm nay người đã ốm
yếu mất sức quá nhiều tôi đã đi nhiều thầy và có chích thuốc
Áu Mỹ mà không hết, người tôi không còn yêu đời, chán
nản, ngày 13-6-1960 tôi may gặp ông Thành Đông y sĩ chữa
phương pháp châm cứu trong tuần lễ là 10 phần hết tám,
tôi vui mừng và hết sức ngạc nhiên cho ông thầy tôi.

Thưa ông, nhờ phương pháp trị bệnh châm cứu kỳ lạ và
công hiệu đại tài, phương pháp giản dị của ông, tôi thoát khỏi
cơn bệnh hiểm nghèo một cách dễ dàng, mau chóng mà không
tốn tiền nhiều, trước công ơn này, tôi chưa biết lấy chi đền đáp,
xin ông vui lòng nhận nơi đây những lời thành thật và tôn kính
của tôi.

Xin kính chúc gia đình cùng quý
quyển được muôn điều như ý.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
 NHÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
 KIẾN-THIỆT VÀ THIẾT-KẾ
 ĐÔ-THỊ

THÔNG-CÁO

Trực-thuộc Phủ Tổng-Thống

Sở Xổ-Số Kiến-Thiết

Bỏ Xổ Số Kiến-Thiết trên trọng thông cáo :

Bắt đầu từ tháng giêng năm 1959 xổ.số Kiến-thiết sẽ phát hành mỗi tuần một loại ghi theo số A, B, C, D, v.v... trong tháng. Mỗi loại 1.000.000 vé đánh số từ 000.000 đến 999.999 và nhất định mở vào ngày : THỨ SÁU HÀNG TUẦN.

CÁCH PHÂN PHỐI CÁC LÔ TRÚNG :

1	lô Độc-Đắc trúng.	1.000.000\$
5	lô trúng.	100.000\$
5	—	50.000\$
60	—	10.000\$
200	—	5.000\$
1.000	—	1.000\$
1.000	—	500\$
10.000	—	100\$
55	lô an ủi	2.000\$

Tổng cộng : 12.326 lô trúng.

Saigon ngày 26 tháng 9 năm 1958

Sở Xổ.Số KIẾN-THIỆT

K. D. số 286/HĐKD — Saigon, ngày 28-6-1960 /
 In tại nhà in TẤN-PHÁT — 283 Gia-Long — Saigon
 Quản nhiệm : NGUYỄN-VỸ

Hiệu triệu của Tổng - Thống

(nhân ngày Song Thất 7-7-1960)

Đồng bào thân mến,

Nhân lễ kỷ niệm đệ lục chu niên cuộc Cách mạng Quốc gia, kể từ ngày tôi chấp chính, với một niềm thành kính và lòng tri ân, tôi tưởng niệm anh hồn các chiến sĩ Dân-Quân Chính đã hy-sinh tính mệnh cho cuộc giải phóng đất nước thoát khỏi ách Thực-dân Phong kiến và Cộng sản, để kiến thiết Quốc gia theo đường lối Nhân-vị.

Tôi cảm động ghi nhớ công nghiệp của các công chức, cán bộ chính trị, xã hội, của tất cả các đoàn thể nhân dân, đã can đảm vượt mọi khó khăn trở ngại, bảo vệ được những thành quả của cuộc Cách mạng Quốc gia, và đã liên tục cố gắng góp phần vào việc kiến tạo một xã hội mới, hợp với tinh thần Hiến-pháp.

Tôi đặc biệt gửi lời khen ngợi Quân-đội Quốc-gia, Bảo-an, Dân vệ và Thanh Thiếu niên nam nữ Cộng-hòa, vì tin tưởng nơi chính nghĩa, vì cố gắng tìm hiểu ý nghĩa cuộc chiến đấu của chúng ta đang hằng hái và dùng cảm phục vụ cho Tổ Quốc.

Cũng như năm 1955, lúc này, những cố-gắng đạo-đức và văn hóa mà các chiến-sĩ đã nêu gương, rất cần thiết, để chặn đứng những âm-mưu làm sai lệch những mục tiêu và xóa bỏ thành quả của cuộc Cách-Mạng Quốc-gia.

Chính những cố-gắng ấy giúp mọi người thấu triệt hiện tình thời đại của chúng ta, xác định vị-trí thực-tế của chúng ta và do đó làm cho hành động chúng ta được cương-quyết và hữu-hiệu.

Trên thực-tế Việt-Nam cũng như các Quốc-gia huynh-đệ kém mở-mang, ở vào giữa hai áp-lực, cả bên trong lẫn bên ngoài. Một mặt chúng ta phải đối-phó với kẻ thù, lợi dụng danh nghĩa giải-phóng, để tìm mọi cách tiêu-diệt những tự do của con người. Mặt khác, chúng ta lại phải đối-phó với những người thiện-chí, nhân-danh tự-do, có thể bẻ gãy công cuộc cách-mạng xã-hội, nguyện-vọng căn-bản đại chúng dân nghèo ngày nay.

Đó là một thực tại vượt khỏi những vấn-đề cá-nhân, cũng như những toan tính thông thường của các đảng phái, và dù muốn hay không, thực tại đó chi phối các vấn đề, và những biện-pháp giải-quyết, đồng thời nó cũng là nguồn gốc của mọi khó-khăn hiện tại của tất cả các chánh phủ ở các nước chậm tiến.

Dân tộc Việt-Nam, nếu không muốn phản bội đối với vận-mệnh của mình, thì phải đương đầu cùng một lúc với tất cả các